



HOÀNG CÔNG DANH

— Tập truyện ngắn —

cồng nhau trong một cõi người

Tái bản lần thứ 1



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Cống Nhau Trong Một Cõi Người

Tác giả: Hoàng Công Danh
Thể loại: Tuyển Tập Truyện Ngắn

Mục lục

1. Cống nhau trong một cõi người
2. Mạ đi chợ về chưa?
3. Ai nhật lá?
4. Bóng đổ trên đường đi
5. Đường về nẻo thiên
6. Tâm bảo
7. Chờ mặt trời
8. Ươm cây giữa vườn đời
9. Nhập thất
10. Kinh chiều rền tiếng sấm
11. Tiếng kêu vắng từ gốc si
12. Đau ở đâu?
13. Hồi bát nhả lỗi nhịp
14. Nuôi heo trong chùa
15. Trò chơi của khói
16. Lạc
17. Trò chơi nơi cửa thiền
18. Núi một bờ tâm
19. Luyện nước
20. Về đi!
21. Xe chưa rời bến
22. Nhật hòn sỏi ở sân chùa
23. Đâu chỉ là trò chơi

Cộng Nhau Trong Một Cõi Người

N

ăm tôi mười tuổi, hôm nào tôi cũng lên chùa để nghe sư thầy giảng kinh Phật và nói chuyện pháp. Mái chùa làng tranh tre nửa lá. Tịnh thất của thầy chỉ là một căn phòng nhỏ kế bên chánh điện. Thầy mặc chiếc áo tràng màu nâu cánh gián, đi một đôi dép lười hai quai mộc mạc. Mỗi lần tôi lên chùa, thầy thắp một tuần nhang, cử một hồi chuông, tôi quỳ vái ba lần. Sau đó hai thầy trò vào phía trong tịnh thất, ngồi xếp bằng, đối diện nhau.

Tôi nhớ nhất một câu chuyện thầy kể thế này. Thuở xưa có hai vị sư đi hành lễ về. Đến một bờ suối thì hai sư gặp một cô gái đang khóc. Tại vì nhà cô ở bên kia suối, hồi sáng cô đi thì nước cạn, nhưng giờ quay trở về thì nước dâng cao quá nên không lội qua suối được. Vị sư già liền cõng cô gái qua suối rồi cùng với người đồng tu đi về. Khi về tới cổng chùa, vị sư trẻ liền nói với vị sư già: – Này sư huynh, trước lúc đi hành lễ, hai chúng ta đã hứa với nhau là không chạm vào da thịt đàn bà, sao lúc này huynh lại cõng cô gái ấy? Vị sư già trả lời: – Ta đã bỏ cô gái ấy lại ở bên suối rồi thế mà đệ vẫn còn cõng cô ấy từ này đến giờ hay sao?

*

Gần chùa làng tôi có chị Gái, ba mươi tuổi vẫn chưa chồng. Chị không được đẹp cho lắm! Chị làm nghề cắt cỏ thuê cho một nhà nuôi trâu bò trong làng. Hằng ngày, chị đều đến cắt cỏ quanh nương chùa. Tôi ngồi trong tịnh thất nghe

pháp, thi thoảng hương cỏ phả vào một mùi thơm man mác.

Một hôm, cỡ mười giờ đêm rồi, ở nhà thấy chán chán, tôi đi lên chùa xin thầy kể chuyện cho nghe. Hình như hôm nay thầy đi nằm sớm, ngọn đèn trong tịnh thất đã tắt rồi. Tôi đứng ngoài cửa chùa, nghĩ bụng chắc thầy mệt, thôi đừng làm phiền nữa. Bỗng dưng nghe có tiếng sột soạt phía bụi cây sau lưng chùa. Tôi chậm rãi đi đến, nép vào gốc cây chứa, giương mắt nhìn xem. Trời ơi!

Sư thầy đưa tay lần cởi từng chiếc cúc trên áo của chị. Đêm nay là lần đầu tiên trong đời thầy không lần tràng hạt niệm kinh, thay vào đó là lần cởi cúc áo một người phụ nữ. Những hạt cúc áo đã đổi vị trí cho chuỗi hạt cườm. Tôi hoảng hốt quay mặt đi, không dám nhìn bởi không muốn tin vào chuyện đang xảy ra. Đây là sư thầy của mình ư? Người đã dạy cho mình bao nhiêu kinh kệ, bao nhiêu câu chuyện đạo pháp. Mình còn nhớ rõ thầy đã dạy rằng tu sĩ thì không có quan hệ xác thịt với nữ giới kia mà! Tất cả như đổ sụp, hình tượng thầy. Tôi nghe được tiếng của chị và sư thầy.

– Nhanh lên thầy ơi!

– Thầy làm thế này là mắc tội với Phật, là phạm giới con ơi.

– Thầy làm phước giúp con đi. Con chỉ muốn kiếm một đứa con để nuôi. Thầy về già còn có Phật để nương tựa. Chớ con biết lấy ai mà cậy nhờ đây? Sao đàn bà chúng con khổ thế này thầy ơi!

...

Kể từ hôm đó tôi không lên chùa nữa. Tôi thề rằng sẽ không bao giờ gặp thầy nữa. Sư thầy, trong tôi đã không còn là một vị tu sĩ đạt đạo mà là một người quá ư tầm thường. Mười tuổi, tôi như một đứa con nít tự nắn đất sét thành tượng để chơi. Và khi bức tượng ấy bị bể rồi thì mãi mãi sẽ không bao giờ tôi giữ nó làm gì nữa.

Chín tháng sau, chị sinh con. Chuyện không cần tôi kể, người làng cũng biết ai là cha đứa bé rồi. Sư thầy viên tịch sau mười hôm chị sinh con. Buồn quá mà chết? Hay vui quá mà chết? Nhục quá mà chết? Hay ân hận không biết làm sao chuộc gỡ đành phải chết? Chừng nào loài người chưa giải quyết được những thắc thỏm này, chưa dám vượt qua chướng ngại của miệng lưỡi, thì chừng đó con người sống không thanh thản. Chết là giải pháp cuối cùng và khả quan hơn cả để không phải lắng nghe hồi chuông báo tử điểm từng ngày.

*

Câu chuyện này có thật, xảy ra tại một làng quê Quảng Trị, mười năm về trước. Nhân vật chị và đứa bé bây giờ vẫn còn sống. Thời gian sẽ xóa đi mặc cảm cho mẹ con chị, tôi tin là như vậy! Còn sư thầy của tôi, có ai hiểu cho thầy không?

Viết xong truyện này, tôi chợt nhớ đến câu chuyện sư thầy đã kể cho nghe hồi trước. Chao ôi, có phải sư thầy chính là vị sư già đã cống một người con gái qua sông, đặt đó rồi về. Còn tôi là vị sư trẻ kia, ích kỷ, hẹp hòi, nông cạn. Chính tôi mới là người cống chị cắt cỏ suốt mười năm qua. Hôm nay tôi đặt chị xuống truyện ngắn này, chính thức trút đi một gánh nặng để thanh thản.

Mạ Đi Chợ Về Chưa?

N

gười ta bảo tôi là đứa trẻ bướng bỉnh, khó nuôi. Chính vì thế mà lúc năm tuổi, tôi được ông nội đưa lên chùa Sắc Tứ để sống và cải nghiệp. Hơn nữa, nhà nghèo đói suốt nên ông nội quyết định cho tôi đi tu. Vào chùa ăn cơm Phật! Ở chùa có con chim dòng biết nói tiếng người, nhưng chỉ duy nhất một câu: "Mạ đi chợ về chưa?"

Tôi được cạo trọc đầu, chỉ chừa lại một chòm tóc hệt cái vá xúc cơm. Sư thầy nói: "Từ nay con là người nhà chùa, tên phàm tục không dùng nữa, thầy đặt cho con tên mới là Sanh". Từ đó mọi người gọi tôi là đệ tử Sanh.

Tôi được sư thầy giao nhiệm vụ chăm sóc con chim dòng. Nhiệm vụ cũng nhẹ nhàng thôi. Sáng dậy trộn cơm với ớt, bỏ vào cái chén sứ đặt sẵn ở trong lồng tre. Chim dòng là loài thèm ăn ớt và phải có ớt nó mới sống được. Thi thoảng xem nếu cái cốc nước sắp hết thì rót thêm vào.

Hôm đầu tiên đem thức ăn ra vườn, vừa đưa tay rót cơm vào chén thì tôi nghe có tiếng người nói: "Mạ đi chợ về chưa?" Hóa ra đó là tiếng của con chim dòng. Sư thầy bước tới và hỏi tôi: "Con nhớ mạ không?" Tôi ngúc ngắc đầu: "Không!" Thầy mỉm cười độ lượng: "Con đúng là đứa trẻ bướng bỉnh. Khi mô con nhớ mạ thì thầy cho con về nhà, nghe".

Tôi không nhớ mạ, không nhớ ai cả; tôi không thích về nhà. Ở chùa thế này thích hơn. Ở chùa có vườn rộng, nhiều cây

cối cho tôi leo trèo. Có tiếng gõ mõ, tiếng chuông và tiếng tụng kinh hằng ngày chứ không buồn tẻ như ở nhà. Ở chùa có cơm ăn no chứ không đói hoài đói hoài như ở nhà. Và hơn hết, ở chùa có con chim dòng biết nói tiếng người khiến tôi thích thú.

Một tháng ở chùa, tôi trở nên thân thiết với con chim dòng và nó cũng rất mến tôi. Dường như tôi không còn nhớ gì về những người thân ruột thịt ở làng.

Hai tháng sau, ông nội lên thăm. Tôi đứng đưng như gặp người xa lạ.

Ba tháng sau, mẹ tôi đem lên một túi măng cầu xiêm - thứ quả này hồi còn ở nhà tôi rất thích. Thế nhưng khi mẹ đưa túi quả thì tôi không thèm lấy, tôi chạy ra vườn chơi với con chim dòng. Lát sau mẹ cũng ra vườn. Mẹ ôm tôi và khóc rất nhiều. Tôi đẩy mẹ ra rồi vùng chạy. Tôi ghét nước mắt, không thích nhìn người ta khóc. Tôi lén vào một bụi cây và trốn ở đó. Cho đến khi mẹ rời chùa tôi mới chạy ra.

Sau đó có vài lần mẹ lên chùa, khi thì mang theo mấy trái ổi, lúc lại vài trái chuối. Mẹ nói: "Ở nhà không có chi cả, chỉ có mấy trái ni mẹ hái đem lên cho con". Những thứ hoa quả này ở chùa không thiếu, người ta mang đến dâng Phật hằng ngày. Vì thế mà tôi chẳng thèm nhận quà của mẹ.

Con chim dòng vẫn chỉ nói được một câu duy nhất: "Mẹ đi chợ về chưa?" Mỗi lần nghe tiếng của nó, tôi thấy ngồ ngồ và vui hơn. Năm tuổi, sự thú vị lẫn át những cảm xúc thiêng liêng.

Ở chùa một năm. Có bữa sư thầy hỏi tôi: "Con nghe chim dòng nói hoài mà vẫn không nhớ mẹ à?" Tôi trả lời:

“Không”.

Một hôm, ông nội lên chùa và nói điều gì đó với sư thầy, tôi đứng ngoài cửa lén nhìn vào và thấy hai người có vẻ trầm ngâm. Lát sau, sư thầy đem cái túi vải màu lam đựng áo quần của tôi, một túi trái cây và một bó nhang.

“Đệ tử Sanh mô. Ra đây với thầy, nhanh con!”

Tôi chạy ra đứng trước mặt sư thầy và ông nội. Sư thầy xoa đầu tôi rồi nhỏ nhẹ: “Đệ tử Sanh, nghe thầy nói đây. Mẹ con chết rồi! Con về nhà với ông nội nghe”.

Tôi trố mắt ra nhìn. Chết là gì? Là nhắm mắt như ngủ chứ gì. Tôi ngúc ngắc không chịu nghe lời thầy. Tôi chạy đi trốn, lần này tôi băng ra khỏi chùa và dốc sức ra mà chạy. Tôi sợ bị bắt về nhà lắm! Hết sức, tôi nằm lịm đi giữa một bãi trồng bắp ven sông Thạch Hãn.

Tỉnh dậy, tôi thấy mình đã nằm trong chùa. Sư thầy vẻ mặt lo lắng và một chút buồn. Sau khi ăn ba bát cơm, tôi cảm thấy khỏe trở lại. Tôi chạy ra vườn. Con chim dòng gặp tôi, mừng rỡ, nó chào tôi bằng một câu nói quen thuộc: “Mẹ đi chợ về chưa?” Tôi cũng mỉm cười chào nó. Mới có một hôm mà tôi nhớ con chim dòng kinh khủng. Các sư huynh ở chùa đi qua nhìn tôi với ánh mắt hơi khang khác (sau này tôi biết, đó là những ánh mắt tràn đầy thương cảm và chia sẻ).

*

Tôi ở chùa thêm ba năm nữa, lúc đó tôi tám tuổi. Sau trận bão, cái lồng chim đã bị đánh văng xuống đất và tuột một vài nan tre. Con chim dòng đã bay đi rồi. Tôi không khóc nhưng buồn lắm. Lần đầu tiên trong đời tôi biết đến cảm

giác buồn bã của sự mất mát. Ôi, con chim dòng thân thuộc của tôi đã bay mất rồi.

Tôi thành hột hăng, không có gì ở chùa vui nữa. Vườn tược, tiếng chuông mõ đã không còn gây cho tôi hứng thú. Một hôm, ông nội lên chùa. Sư thầy hỏi tôi: "Điều Sanh, con về với ông nội nghe". "Dạ". Tôi đồng ý về nhà. Không phải vì nhớ nhà mà vì con chim dòng đã bay đi, ở chùa không còn trò vui.

Về nhà, quang cảnh vẫn thế. Nhưng hình như hơi thiếu thiếu một điều gì đó mà tôi không biết rõ. Tôi được đi học ở trường làng. Tôi có những đứa bạn ở bên hàng xóm cùng chơi trò. Bà con lối xóm thương tôi, có gì ngon cũng đem sang cho. Tôi nhận ra cái mình khác so với bạn bè, đó là tôi không còn có mạ trên đời nữa.

Tôi thui thủi đi học một mình, rồi lại thui thủi về nhà một mình. Tôi không buồn, chỉ thấy thiếu thiếu một điều gì đó mà thôi.

Hôm đó, khi lũ trẻ chúng tôi đang chơi thì thấy mạ của mấy đứa bạn gánh triêng đi chợ về. Mấy đứa chạy ùa ra níu lấy tao gióng lục quà. Tôi lẳng lặng quay về nhà. Tôi vẫn không buồn, chỉ thấy thiếu thiếu một điều gì đó mà thôi.

Vừa vào tới ngõ thì thật bất ngờ, tôi gặp lại con chim dòng đang đậu trên cây vú sữa. Tôi chưa kịp mừng thì nó nhanh nhẩu cất câu nói quen thuộc để chào tôi: "Mạ đi chợ về chưa?"

Và lần đầu tiên trong đời, tôi khóc.

Ai Nhặt Lá?

S

ư thầy đang ngồi trong thư phòng soạn lời cho buổi pháp thoại sắp tới thì đột nhiên điệu Sanh chạy vào. Vẻ gấp gáp, điệu Sanh túm lấy hông áo thầy và giục: “Thầy nhanh ra coi!” Dù chưa rõ chuyện gì, nhưng sư thầy luôn chiều theo ý của điệu Sanh.

Thầy bước đến thềm cửa, nhìn ra chỗ gốc cây si ở trước sân chùa, thấy một nam một nữ đang ngồi ở ghế đá, tựa vai vào nhau. Điệu Sanh nói với vẻ tiếc nuối: “Thầy ra sớm chút nữa là hay rồi!”

Từ hôm đó sư thầy phạt điệu Sanh bằng cách phải nhặt lá si ở sân chùa. Trước nay, sân chùa mỗi ngày chỉ quét một lần vào sáng sớm, nhưng bây giờ thầy nhủ hễ lá nào rơi xuống thì điệu Sanh phải nhặt lên, cho vào chiếc giỏ mây mang theo bên mình. Điệu Sanh khoác giỏ vào, lâu lâu nếu trời đứng gió, lá không rụng thì điệu ngửa mặt lên kêu: “Thôi đi gió ơi cho tôi lượm lá!” Có vẻ điệu Sanh thích thú với nhiệm vụ mà sư thầy gọi là “công án thiền – nhặt lá rụng trong tâm”. Điệu Sanh hỏi: “Thầy ơi! Có phải nhặt lá là để các cô các chú ngại con, không dám tới đây tựa vai nhau nữa?” Thầy mỉm cười, không trả lời mà chỉ nhủ điệu Sanh: “Con cứ nhặt đi, bao giờ con thấy sạch rồi thì sẽ rõ thôi”. Điệu Sanh ngơ ngác nhủ thầm: “Cây rậm tán thể biết đến khi nào mới rụng hết lá si được?”

Ngôi chùa này nhỏ thôi, chỉ có sư thầy và mấy đệ tử, nhưng khách đến viếng không phải ít. Một hôm, có nữ thí chủ độ bốn mươi tuổi vào thăm chùa. Trông chị có vẻ khá giả, ăn mặc đẹp, đeo dây chuyền vàng, mặt thoa phấn trát son thơm phức. Sư thầy rót trà tiếp khách, như thường lệ mỗi lần có người đến chùa. Đối với thầy, mọi người đều đáng kính như nhau, vào cửa Phật, sang hèn đều là hư ảo mà thôi. Ngó qua dung mạo, thầy biết nữ thí chủ có nỗi khổ tâm. Mà thật ra ai cũng mang nỗi khổ tâm cả, lắm người đến đây lúc đầu giấu giếm, cứ bảo hạnh phúc bình an, nhưng hồi sau thấy thầy gần gũi nên dần dần họ bộc bạch mong được hóa giải giúp.

Thầy nghiêng vò ỉm cho nước vào chén. “Uống đi chị! Trà này ướp hương sen từ tối qua”. Nữ thí chủ cầm tách trà, nhấp môi, khen trà thơm rồi hỏi thầy cách ướp trà. Thầy nói sau nường chùa có hồ sen, ban đêm thả vào nhụy đoá một ít trà sao. Sương suốt đêm thấm vào trà và quện lấy hương sen. Sáng ra khế tay hứng nhúm trà đó đem cho vào ỉm. Hoa cũng như người, vẻ ngoài dầu thanh cao hay hèn mạt thì trong lòng vẫn có hương thơm, chỉ cần khéo một chút là ta nhận được niềm vui từ lòng nhau.

Thầy tiếp khách tự nhiên như thế, không cần phải hỏi han tên tuổi gia cảnh hay nỗi niềm. Cứ để cho khách tự mở lòng mình. Buổi đầu đến chùa, chị cũng không nói gì nhiều, bảo chỉ đến thăm viếng cho biết thôi. Khi sư thầy tiễn chị ra sân, trông thấy điệu Sanh chạy tới chạy lui giỡn lá, chị quay sang: “Chú tiểu này ngộ quá, thầy ha?” Nói xong, chợt chị chạnh buồn, vái tay chào thầy rồi đi ngay.

Qua vài lần tiếp xúc, thầy cũng được biết hoàn cảnh của nữ thí chủ. Chị đã từng có chồng nhưng không sanh được con nên đồng ý ly dị, anh đi lấy người khác để kiếm con. Từ đó chị ở một mình, bán vải ở chợ. Thu nhập cũng không đến nỗi nào nhưng chị hay buồn rầu, nhất là mỗi lúc thấy người ta dắt con vào quầy sắm vải. Những khi ấy chị thường không lấy tiền vải, chị bảo chỉ cần thấy trẻ con là vui lắm rồi. Thấy trẻ con, chị đều coi như đó là con mình.

Thỉnh thoảng thầy vẫn gặp những người có hoàn cảnh như chị đến chùa. Có người muốn vào chùa xin bế trẻ con về nuôi, ấy là những đứa trẻ từ khi còn nhỏ bị bỏ rơi trước cổng chùa. Trường hợp này thầy cũng đã gặp vài lần. Có người lại muốn vào chùa xuống tóc đi tu luôn, những khi ấy thầy thường tìm cách khuyên giải, chuyển hóa. Nếu họ vẫn nằng nặc đòi tu thì thầy cho phép ở lại trong chùa nhưng bảo họ khoan xuống tóc. Cửa từ bi luôn rộng mở nên không cần vội vàng.

Tuy nhiên, nữ thí chủ này lạ lắm, chị đến đây không phải vì hai nhẽ trên. Cứ ngày rằm hay mừng một hằng tháng chị lại đến chùa, đôi khi ở chơi suốt buổi. Có bữa chị nói rằng thầy tuy không gia đình nhưng lại có rất nhiều con. Những chú tiểu, rồi các thí chủ đều xưng con với thầy. Còn chị, chị đã từng lập gia đình mà lại chẳng có con. Rồi chị cười, méo xệch.

Khách đến viếng chùa thấy chị hay lui tới cũng sinh dị nghị. Một người đàn bà có nhan sắc, lựa là son phấn mà đi một mình là chắc có nhẽ gì rồi? Bụng dạ người đời không xấu, nhưng trông thế ít nhiều người ta cũng thoáng nghi ngờ chị vướng tơ lòng với sư thầy.

Tháng trước chị đến chùa, vẻ buồn thảm hơn mọi khi. Thầy coi bộ chị muốn khóc lắm rồi, nếu vậy thì nên đưa chị ra ngoài cho thoáng, ngồi trong chùa lại quấy quá cửa thiền. Thế là thầy mời chị ra ngồi ở ghế đá dưới cây si, chỗ thầy từng thấy đôi trai gái hôn bữa. Sư thầy vẫn chưa biết chị cần gì, chị không cần xin con nuôi, cũng không muốn đi tu. Tự dưng chị chảy nước mắt, tựa đầu lên vai thầy. “Đôi khi con cũng muốn có một bờ vai để tựa lắm, thầy ơi!” Sư thầy vẫn cứ ngồi yên như hóa tượng.

Vài lần sau chị đến chùa, lại xin thầy cho tựa đầu vào vai một lúc. Chỉ thế thôi, không hề ngời nghĩ đến cảm giác trần tục. Đơn giản là chị muốn được nhắm mắt để trí óc yên tĩnh trên một bờ vai chân chính.

Từ dạo đó khách đến chùa vẫn đi trông thấy. Lại nghe phong thanh chuyện quý đạo hữu đề nghị giáo hội mời sư thầy khác về làm trụ trì. Mấy đệ tử trong chùa ngó thấy cảnh này đâm ra không còn tin tưởng thầy như trước, họ xin thầy cho đi chùa khác tu. Thầy đồng ý, tự nhủ với lòng mình điều tâm niệm thứ mười của nhà Phật: oan ức không cần bày tỏ.

Tuy đã tu lâu rồi, lòng thầy như đã an lắm rồi, nhưng nhìn từng đệ tử khoác túi vải rời chùa, thầy cũng chạnh buồn chút chút. “Các con của ta cứ bỏ mà đi. Biết đâu đến một lúc ta lại thành không con, như nữ thí chủ ấy. Đó là lẽ vô thường chăng? Sắc sắc không không”. Riêng đệ tử Sanh vẫn ở lại với thầy, vì đệ tử ấy nhỏ tuổi nhất, còn vô tư lắm. Đệ tử Sanh chưa biết những chuyện phải trái trong cõi người. Hay ngược lại, chính đệ tử Sanh mới là người hiểu rõ nhất?

Thầy đang đứng trước thềm chùa vẫn vờ nghĩ ngợi thì điệu Sanh chạy tới kéo thầy ra dưới tán si. Điệu trở tay xuống nền: “Thầy ơi, ngộ quá! Có hai chiếc lá đang tựa vào nhau. Gió thổi mà chúng vẫn không hề xô dịch như mấy chiếc lẻ đơn kia”.

Sư thầy xoa đầu điệu Sanh: “Ừ. Khéo quá ha. Bữa nay thầy cho phép con thôi nhặt lá”. Điệu Sanh hơi bất ngờ, ngược mặt lên hỏi lại: “Thế ai sẽ nhặt hả thầy? Các sư huynh đi cả rồi. Có phải thầy sẽ nhặt không?”.

Ừ. Phải chăng bây giờ đến phiên thầy nhặt lá si? Câu hỏi băng quơ của điệu Sanh khiến thầy giật mình. Im lặng. Chợt điệu Sanh nhớ lại chuyện hôm bữa có hai cô chú ngồi ở chỗ ghế đá này, điệu reo lên:

“A! Con biết rồi. Cứ để yên thế cho người ta tựa vai vào nhau, khỏi ngần ngại. Phải không thầy?”

*

Đêm mưa gió, lá ngoài kia trút nhiều. Điệu Sanh nằm nghĩ chắc sáng mai phải dậy sớm cùng thầy quét chùa, rồi ngủ thiếp đi. Trong giấc mơ điệu Sanh thấy các sư huynh mang tay nải quay lại chùa, quý đạo hữu cũng đến viếng chùa đông như mấy bữa. Trước chùa, không có ai nhặt lá mà sân sạch, si sạch.

Bóng Đèn Trên Đường Đi

Đêm thiếu trăng, sân chùa vắng lặng, tịnh không một bóng người. Chỉ có cái bóng đèn móc ở trên mái hiên hắt sáng một vùng như chiếc màn phủ chụp lấy khoảnh sân. Từ đầu hôm, sư thầy đi thăm nhà một đạo hữu trong vùng đến giờ vẫn chưa về.

Đệ tử Sanh bước xuống thềm hiên giỡn bóng, trò nghịch này có lần sư thầy đã khuyên đệ tử bỏ đi, đừng có đeo đẳng cái ám ảnh con người ta như thế. Nhưng hình như Sanh quên mất, lại vốn tính tò mò nên đệ tử luôn tìm cách khám phá những điều bí ẩn mà đôi khi người khác cho là vô vấn.

Từ trong cái quầng sáng ở sân, đệ tử Sanh cố đưa mắt nhìn ra vườn cây, song chẳng thấy một thân cây nào, chỉ thấy một màn đen. Sanh đi thẳng ra vườn, khi đã chìm trong bóng tối thì đệ tử nhìn rõ cả những chiếc lá đang đung đưa trên cành, vài nhánh khô gãy rơi dưới đất nữa. Lại quá, đứng trong chỗ sáng thì không thấy gì, ra chỗ tối lại thấy được?

Đệ tử đem thắc mắc này hỏi ngay khi sư thầy vừa vào đến cửa chùa. Sư thầy là một người thông tuệ, ngoài kinh kệ văn chương thầy còn giỏi cả kiến thức của các lĩnh vực khoa học tự nhiên. Rõ ràng đây là chuyện của ngành vật lý, hiện tượng đồng môi trường quang học, thầy biết căn cứ của nó. Nhưng nói chuyện vật lý với đệ tử Sanh chẳng khác nào bắt trẻ con mang đá vào đầu, nặng lắm! Hơn nữa, nếu như nhà thơ thi vị hóa cuộc sống, nhà văn tô vẽ cuộc đời, thì bậc tu hành có thể cảm nhận mọi hiện tượng tự nhiên thông qua một thứ lăng kính gọi là nhân sinh quan. Thầy sẽ giải thích

điều đó với điều sanh bằng cách vừa dễ hiểu mà lại thấm nhuần đạo pháp, trước nay vẫn vậy.

Hai thầy trò vào ngồi ngay ngắn trong tịnh thất. Buổi học của điều Sanh bắt đầu, người truyền thụ không ai khác chính là vị sư khả kính. Sanh đã quên khuấy cái điều lúc nãy, quên như kiểu người ta vẫn nói trẻ con ngủ một giấc, sáng mai quên hết ấy mà. Nhưng sư thầy lại không nghĩ thế, thầy không cho cái sự thắc thỏm của điều là “đồ trẻ con, để ý làm gì”. Sanh lật vài trang sách lấy khí thế cho buổi học. Trong lúc đó sư thầy đang sắp sẵn những ý tưởng để dạy, cốt sao cho điều dễ hiểu. Xưa nay, học trò càng nhỏ càng khó dạy là vậy.

- Hôm qua chúng ta đến đoạn thái tử Tất Đạt Đa xin phép vua cha cho đi coi tình hình dân chúng rồi, phải không điều Sanh? – Thầy hỏi khẽ một câu cốt là để nhắc lại coi điều có nhớ bài không mà thôi.

Sanh sắp buồn ngủ, định ngáp vặt một cái thì phải há mồm dạ một tiếng rõ to. Sư thầy kể tiếp chuyện về lịch sử đức Phật Bổn sư Thích Ca. Sau khi được vua cha cho phép ra khỏi cung điện. Dù vua cha đã khuyên đoàn tùy tùng dừng để cho thái tử nhìn thấy cảnh cơ cực của dân chúng. Song, mọi sự khó qua được đôi mắt tinh anh của chàng hoàng tử có vầng trán thông minh ấy. Ra khỏi ánh sáng hoàng cung, hòa mình vào cảnh cơ cực của con người và sinh vật, Tất Đạt Đa đã nhận ra nỗi khổ thế gian.

Kể đến đây, sư thầy dừng lại, úp nhẹ lòng bàn tay vào vai điều Sanh.

- Cái điều con hỏi lúc nãy, chính là đây. Khi ở nơi ánh sáng, ta khó nhận ra được những điều ở trong bóng tối. Như thái

tử Tất Đạt Đa sống sung sướng trong hoàng cung thì không thấy hết nỗi cơ cực của cuộc sống ngoài kia. Chỉ khi ở trong cùng hoàn cảnh, con nhớ chưa, chỉ khi ở trong cùng hoàn cảnh người ta mới thấy rõ nhau.

Buổi học kết thúc ở đó. Hình như Sanh chẳng để ý lắm đến câu chuyện mà thầy vừa kể, điệu nhíu mắt lại. Sư thầy cũng cảm thấy diễn giảng như thế còn trúc trắc khó hiểu và hơi xa vời so với một học trò chưa đầy mười tuổi, chỉ đành cho điệu ấy tận mắt chứng kiến.

Trước khi nghỉ, thầy dặn điệu Sanh sáng mai hãy cùng thầy xuống phố. Sanh mừng quá, tan cơn buồn ngủ. Xuống phố vui lắm, đông người, nhiều xe cộ, lắm trò thích nhé! Tới đó điệu Sanh nằm trơ mắt khá lâu, cảm giác ngóng chờ đến sáng để được đi chơi cùng thầy. Trong căn phòng không ánh đèn, điệu nhìn thấy biết bao nhiêu thứ, đúng ra là điệu đang tưởng tượng ra nhiều điều, xen lẫn vào cả giấc mơ.

*

Sáng hôm sau điệu Sanh dậy sớm hơn mọi ngày. Thường thì sau khi thầy thỉnh xong hồi chuông điệu mới dậy hẳn. Riêng sáng nay, có lẽ do muốn xuống phố nên Sanh bật dậy trước khi nghe chuông. Súc miệng xong, điệu bước vào chánh điện, quỳ đánh lễ cùng thầy. Nghi thức hành lễ đầu ngày không quá dài, kết thúc bài kệ Hồi hướng trời vẫn chưa sáng hẳn.

Trong chút nhờ nhờ ảo mị, ánh sáng ban mai quyện với sương, chỉ đủ để mắt nhìn ra tới cổng chùa, hai thầy trò tay nải bắt đầu chuyển đi. Đây là lần đầu tiên điệu Sanh được xuống phố cùng sư thầy. Một năm ở chùa, quen với cảnh ở đây rồi, thành ra Sanh cũng không mấy nghĩ gì đến việc

được đi tới những nơi ồn ào đông đúc. Và lại, trong đầu Sanh, hình ảnh phố xá cũng là thứ xa xỉ mà thôi. Có thì tốt, không cũng chẳng sao, cái hứng thú đi phố hôm nay chẳng qua là tính hiếu kỳ trẻ con. Riêng sư thầy lại khác. Chuyển đi theo dự tính vốn vẹn một ngày thôi nhưng thầy không muốn vô bổ. Mỗi bước đi của người tu hành đều phải có chơn niệm và mang lại chơn quả.

Ý định đi xuống phố mới nảy sinh tối hôm qua, lúc thầy giảng bài cho đệ tử Sanh xong coi bộ hàn lâm quá, đành phải tiếp cận hiện thực, như cách giáo dục học đi đôi với hành. Lại nhớ lời dạy của đức Bổn sư trước khi nhập diệt đã nói với ông Tu Bạt Đà La, đại ý, con đừng có tin vào bất cứ ai cả, dầu đó là lời nói ra từ một đức giáo chủ, con hãy tin vào chính mình. Hòa mình vào cuộc sống ngoài kia cũng là một nhiệm vụ của người tu hành, để tìm được chân lý cho niềm tin vững chắc chứ không nhất thiết chỉ dựa vào kinh kệ pháp thư truyền lại. Một công đôi việc, đi để dạy cho đệ tử Sanh, cũng là để cho thầy tu tập.

Quãng đường từ chùa xuống phố thả bộ chừng nửa tiếng. Mải ngắm cây cỏ ven đường nên thi thoảng đệ tử Sanh rút lại phía sau thầy vài bước. Nặng bắt đầu lên. Sanh đi sau, giẫm chân chạm vừa đến cái bóng đổ chập chờn của sư thầy. Chợt nhớ có lần bị thầy quở vì trò giỡn bóng, đệ tử bước vội lên trước. Lát sau đã tới cái nơi cần tới.

Phố hôm nay y như rằm thầy nhỉ? Sanh thốt lên một câu ngộ nghĩnh trước cảnh người xe ngược xuôi rộn ràng trên đường. Ở chùa, chỉ có rằm mới đông, mà cũng không đông như ngoài phố. Lui tới vẫn những khuôn mặt quen thuộc của đạo hữu và phật tử trong vùng thôi. Ngoài phố đúng là

ngày nào cũng đông như rằm thật đấy, nhưng họ không dễ gì quen mặt nhau, mỗi giờ mỗi phút lườn lượt người qua quả là khó nắm bắt được vẻ hình. Nếu có gặp người quen chưa chắc kịp chào nhau một câu cho trọn vẹn.

Một quãng đường vốn là nơi kẹt xe vào giờ tan sở, ùn lại, người sau đẩy người trước. Buộc phải đi. Gấp gáp thế nhưng chẳng tiến được là bao, thầy nhỉ? Thỉnh thoảng điệu Sanh lại hỏi những câu giản đơn khiến thầy băn khoăn. Hình như người ta buộc phải đi và sống theo kiểu đó. Ai cũng biết càng chen lấn chỉ tổ làm chậm vướng chân nhau, nhưng không ai chịu nhường ai vì không tin tưởng người kia cũng có ý thức nhường nhịn như mình. Thành ra cái lòng tin dần dần nhạt đi!

Từ lẽ đường, thầy dắt tay điệu Sanh len hẩn vào giữa cái đám đông như ghim dính nhau ấy. Những người cầm lái xung quanh thấy hai cái đầu trọc ngồ ngộ, nửa tò mò ngấm nghĩa nửa muốn nhường giới tu hành nên không lấn át nhau nữa. Có ý thức một chút rồi. Và họ đâu có ngờ rằng, mười mấy năm sau, tức vào cái thời điểm tác giả đang kể câu chuyện này, có một nhà sư thực hành nhất bộ nhất bái. Trên con đường quốc lộ xe cộ chạy như đua, hình ảnh một nhà sư thông dong chậm rãi đi một bước cúi xuống vái một lạy đã khiến nhiều tài xế lưu tâm mà giảm tốc độ cho.

Đến ngã năm không có bùng binh, nhưng toán xe cộ đã vô tình cô lập hai thầy trò ở chính giữa, và tự dựng hai thầy trò hết một cái bùng binh tưởng tượng cho từng loạt xe vo cua. Người vẫn xoáy quanh như quấy xô đa, đặc quánh lại. Có người lái xe chạy hết một vòng quanh hai thầy trò mà vẫn chưa tìm ra ngõ ngách nào để rẽ về nhánh đường của

mình. Thế đấy, đôi khi biết con đường đúng rồi mà không thể đi vào được, đành phải luẩn qua luẩn quẩn. Những biển báo chỉ dẫn đường đi chi tiết. Ai cầm lái đều có bằng, có hiểu luật giao thông. Song, không phải ai cũng tuân thủ. Vượt đèn đỏ, chạy ngược chiều, đi sai làn đường... Biết sai cả đấy, thế mà vẫn cứ liều. Có khổ không!

Hai thầy trò đi thêm vài con phố nữa. Tuy không đông đúc như cái phố trung tâm. Đường có thưa hơn nhưng người ta phạm luật thì vẫn cứ. Thấy thưa thớt thì đánh võng, đua xe, hoặc không đua mà vẫn ráng bồ cóc ra chạy vút cái lèo.

*

Đứng giữa phố phường, tự dưng Sanh nhớ ngôi làng nhỏ bé của mình, nơi ấy Sanh đã sống mấy năm tuổi thơ trước khi vào chùa. Nhớ là vì hồi đó mấy đứa trẻ con trong xóm cứ ao ước được lên phố cho biết, nghe nói trên phố người ta giàu sang sung sướng lắm. Chả bù cho cái làng được bao quanh toàn đồng ruộng của mình.

Bắt đầu mùa, nhà nhà dắt trâu ra đồng cày ruộng. Năng trưa hành hạ người cày. Người cày cầm roi tre quất trâu đi, đứng đó mà thở đấy à? Đi! Đi! Giống cảnh người trên này húc bánh xe vào nhau mà thúc. Bóng người bóng trâu úp lên nhau trên mặt đất bùn lô hốc lô hiểm. Đến mùa gặt nắng lại càng to. Bà con mừng lắm vì nắng càng to phơi lúa càng sướng. Còng lưng đưa văng vơ từng bó lúa. Bóng người bóng nón trải lên trên khóm chen lúa vàng. Phăng tay gặt luôn cái bóng. Điều này người ta rất kiêng kỵ, cũng phải làm thôi. Phang văng rồi cái bóng vẫn ở trước mặt.

Mấy đứa trẻ con rủ nhau đi tát cá ở những hố bom giữa đồng. Lắm la lắm lết bùn dính từ đầu xuống chân. Bắt được

oi cá đem về cho mạ nấu ăn. Cả nhà mừng lắm. Nhưng ba lại buồn, nói tội bay sau này đừng có ở làng này nữa. Cực! Kéo nhau lên phố mà ở cho sướng.

Thì bây giờ Sanh đang đứng ở phố này, nghĩ bụng, phố cũng chẳng phải sướng đâu.

*

Về đến cổng chùa thì đã chiều muộn. Trời nhá nhem mờ mờ như hồi sáng ra đi. Ngày thứ nhất xuống phố, hai thầy trò chẳng quan sát được gì nhiều ngoài chuyện xe cộ. Chỉ chừng ấy thôi, ý thầy là để điều Sanh thấy cái xô bồ tất bật của cuộc đời, cảm được cái khổ của sự đua chen chứ không phải đơn thuần chỉ quan sát giao thông. Hơn nữa, bài học đầu tiên của chương trình thực hành là bài học về con đường. Người ta phải biết được con đường mình đi như thế nào đã rồi mới đi được. Sự tu tập cũng khó khăn như thế, và cũng cần có một con đường, không gì khác ngoài việc đi thẳng vào cuộc đời chẳng ngại lánh né.

- Xuống phố một ngày con thấy được gì, điều Sanh? Thầy hỏi khi hai người đã về tới vườn cây trước chùa, những mong điều Sanh ngộ ra một cái gì đó để tự trả lời cho điều thắc thỏm tối hôm qua.

Khi ấy, nắng đã tắt hẳn một cách chóng vánh. Trong bóng tối vườn chùa, điều Sanh như nhìn thấy những mặt người lo âu khắc khổ hiện ra, chen lẫn với lá cành. Riêng có một thứ ở trong chiều muộn này không thể nhận ra được. Và Sanh đem nó ra trả lời.

- Dạ, con thấy dưới phố ai cũng đeo theo mình một cái bóng đen, cả thầy cũng có. Làm sao dứt được cái đó hả thầy?

Lại thêm một câu hỏi khó cho thầy nữa rồi, đành hẹn bữa sau.

Đường Về Nẻo Thiên

Sớm nào cũng vậy, hễ sư thầy đánh thức điệu Sanh dậy để đi học là điệu lại làm biếng. Mùa thu ở miền cao này mỗi buổi tối hơi đá phả ra, đến tận lúc trời sáng ai cũng thèm trèm chần ngủ thêm chút nữa. Điệu Sanh mắt ngái ngủ, cứ nằm ì ra. Có khi thầy phải xốc lấy hai nách điệu kéo ra khỏi mùng màn. Sanh khóa chéo hai chân lại, ưỡn thẳng người, gân cơ căng cứng, cố ý đừng để ai lôi mình dậy.

Thầy vừa bồng điệu Sanh, vừa nhỏ nhẹ:

- Dậy thôi con. Sáng trời sáng trời rồi.

Rồi thầy bế hằn Sanh xuống khỏi giường. Khi hai chân điệu vừa chạm đất là thầy thốt lên “ui, xịch”.

Hôm ấy là ngày tựu trường nên thầy đánh thức điệu Sanh dậy sớm hơn mọi ngày. Miễn cho điệu ấy việc tụng kinh đầu ngày. Thầy chỉ cử mấy hồi chuông rồi đi rửa mặt mày tay chân cho điệu Sanh. Lát sau Sanh đã tỉnh hẳn, quay sang nói với thầy:

- Lát thầy dẫn con đến trường nghe thầy.

- Ừ, thầy đưa con tới cổng thôi.

Điểm tâm sáng xong, thầy lấy ra bộ áo quần lam mới. Bộ áo quần này do chị bán vải ở chợ tặng cho điệu Sanh nhân ngày chú ấy nhập học. Sanh mặc áo quần vào, ngửi mùi vải thơm, tự dưng thèm đến trường. Thầy lấy chiếc mũ xà cút tứ ân màu xanh lá mạ đội lên đầu Sanh. Ngắm nghía chú

tiểu của mình. Trông cũng hay hay. Lần đầu tiên Sanh mới đội mũ chóp tứ ân nên điệu thấy hơi cần cái, cứ ngúc ngoắc đầu rồi hỏi thầy sao gọi nó là mũ tứ ân. Thầy nói tứ ân là bốn ân lớn cần đặt lên trên đầu. Thứ nhất là ân cha mẹ, thứ hai ân thầy cô bạn bè, thứ ba ân quốc gia xã hội, và ân tam bảo nữa là thứ tư.

Thầy khoác lên vai điệu Sanh chiếc túi xách may bằng vải lam bên trong đựng ba quyển vở với cây bút.

- Chà, ra dáng học trò thư sinh dữ nghe. Gắng học con. Đến trường có bạn bè chơi vui lắm, nhưng đừng hoang nghịch. Đến trường phải nghe lời thầy cô.

Sanh dạ, rồi hai thầy trò cùng men theo con đường mòn tới trường.

Sanh không đi học lớp vỡ lòng, nhưng từ lúc vào chùa sư thầy đã dạy cho điệu toàn bộ bảng chữ cái. Nhờ vậy nên mới tới trường chưa đầy một tháng, Sanh đã ghép chữ đánh vần được. Vì thế điệu rất thích đọc, hễ gặp bất cứ nơi đâu có hình thù chữ cái là điệu dừng lại đọc cho bằng được mới chịu đi. Hôm đi học về, ngang qua một quán nhỏ nằm bên chân núi, Sanh đọc biển gỗ nhỏ màu xanh treo nơi thân cây. Bảng chữ hai câu xếp theo hai hàng. Hàng trên màu vàng ghi chữ: "Quán nhậu bình dân". Phía dưới ghi: "Chùa cách 100 mét", chữ màu trắng nhỏ hơn.

Tấm biển này mới đóng lên cách đây mấy hôm. Đang mùa vu lan, biết khách thập phương tụ về chùa đông, đường về chùa lại khó tìm nên chủ quán đề thêm cái dòng chữ chỉ dẫn phía dưới. Có người khen chủ quán cũng có tấm lòng. Nhưng lại có người bảo như thế chẳng qua là một cách câu khách. Đa phần người lên chùa đều cố giương mắt tìm một

vài chỉ dẫn. Và cứ thấy biển chữ là người ta đọc xem có phải hướng dẫn không. Nhưng đập vào mắt người ta dòng chữ quán nhậu trước tiên, to và rõ hơn dòng chữ hướng dẫn lên chùa. Vài người nói ra nói vào làm vậy không có được. Thà không chỉ dẫn còn hơn là chỉ dẫn thiếu nhã nhặn.

Đường lên núi đã khó, leo dốc từ dưới kia lên đây đã mệt, chỉ mong tới được chùa. Dẫu còn một trăm mét thôi nhưng giữa hai dòng chữ ấy, giữa hai lối ấy, một lên chùa, hai đi vào quán, thời ai cũng muốn ghé vào nghỉ chân chút. Đàn bà mệt uống nước, nhưng đàn ông khát cứ thèm ngậm bia cho khỏe. Trừ số ít người mặc áo lam đến chùa, còn phần nhiều cánh đàn ông khi vào chùa đều đã có mùi men.

Điệu Sanh nói với thầy:

- Hôm bữa có một bác đến chùa ôm lấy con mà mùi bia rượu nồng nặc. Tại cái quán kia bán đồ nhậu đó thầy.

Thầy cũng biết điều đó, nhưng cấm người ta sao được. Thầy chỉ quản lý được ngôi chùa nhỏ này và khuôn viên chừng một mẫu đất, dưới kia là của người ta rồi. Mà đường về nẻo thiền thì dài và trắc trở, người ta mệt muốn nghỉ ai dám cấm. Đường về nẻo thiền của thầy và các chú tiểu cũng còn dài và trắc trở, chính thầy cũng đâu có dám tin tưởng mình đi trọn vẹn và thông tâm được. Bằng chứng là mỗi cuối tuần thầy đều cho điệu Sanh ăn một bữa mặn ở cái quán ấy. Điệu Sanh còn nhỏ, cần có chút mặn mòi để lớn. Thế có khi thầy cũng duồng theo người ta rồi chứ chẳng chơi. Chao ôi, cùng trên một tấm biển mà có hai lối đi. Chay và mặn, đạo và đời, tịnh và phàm sao gần nhau quá.

Một hôm, điệu Sanh về muộn hơn thường ngày. Cái tính mãi chơi ham vui của điệu ấy khiến cho sư thầy lo lắng.

Thầy bảo điệu Năng đi tìm coi điệu Sanh ở đâu. Năng lớn hơn Sanh hai tuổi, tính tình lại ôn hòa nhẹ nhàng và biết nghe lời nên thầy nhủ cái là Năng đi ngay. Năng cũng thương Sanh như em ruột, nên nếu thầy lo cho Sanh mười phần thì Năng cũng lo cho sư đệ sáu bảy. Điệu Năng rảo bước lần theo đường về dưới phố, vừa đi vừa niệm chú Quán Thế Âm để cầu mong không có điều gì bất trắc xảy ra với sư đệ.

Đến ngang quán nhậu, mùi thơm thịt hầm đã xốc ngay vào mũi. Nước bọt cứ ứa ra chèn lấy cổ họng Năng khiến điệu không thể niệm chú được nữa. Bước chân cũng nhấc chậm lại, nặng nề hơn. Điệu Năng thấy túi vải của Sanh móc ở cổng nên an tâm chắc sư đệ đang ở đây. Năng bước đến nép tựa vào gốc cây nhìn. Điệu Sanh đang ngồi trong bàn ăn. Chẽm chệ như bao thực khách khác. Trước mặt là tô bún bò bốc khói ngậy. Điệu Năng nhớ sư thầy dặn rằng, trời đánh tránh bữa ăn. Đừng quấy rầy lúc người ta đang ăn mà mắc tội. Thế nên điệu cứ đứng ngoài đợi cho Sanh ăn xong bước ra chứ không gọi.

Điệu Sanh ăn xong, cảm giác khoái khẩu vẫn còn. Một xiu lá hành xanh còn dính bên mép môi. Năng đưa tay quệt đi cho sư đệ. Sanh hỏi:

- Huynh tới lâu chưa, sao không vào ăn cùng em?
- À, cũng mới. Tui không được phép Sanh ạ. Về thôi. Thầy mong.

Đi một chặng, điệu Sanh quay sang nói với Năng:

- Hôm nào huynh lén đi ăn mặn với em nghe.

Điệu Năng không nói gì. Có vẻ cũng thèm đấy, nhưng ngay lập tức phải loại trừ ham muốn ấy đi. Thầy dặn rồi, cái gì có mầm nguy hiểm đừng nên tiến hành, ý nghĩ nào phạm giới nên ngưng ngay. Năng nói:

- Hôm nay chưa cuối tuần sao Sanh ăn mặn vậy. Sư thầy quả chết.

- Hì, tại em đói quá. Sáng nay giờ ra chơi chạy nhảy nhiều mau đói. Mà thầy không nạt em đâu.

Hai chú tiểu về đến chùa. Sư thầy đã ngồi bên mâm cơm chờ ăn cùng. Thấy đệ tử, thầy hỏi:

- Sao đi học về muộn thế con. Lại ham chơi đấu đâu đúng không?

Năng đỡ lời cho sư đệ:

- Điệu Sanh mãi hái hoa thôi thầy ạ!

Hai chú tiểu cùng vào mâm cơm. Sanh thò đĩa chọn một vài hạt đậu lạc ướp xì dầu rồi thôi.

- Sao ăn kỳ vậy con? – Thầy hỏi.

Sanh nhanh nhẩu đáp:

- Dạ, lúc nãy con ghé vào “quán nhậu bình dân chùa cách một trăm mét” ăn bún bò rồi thầy.

Năng ghen đi. Thế là điệu Sanh nói thật rồi. Mất công Năng nói đỡ cho điệu Sanh.

Sau bữa cơm, thầy trách khéo điệu Năng:

- Hôm nay con vừa phạm hai lỗi. Thứ nhất là nói dối thầy. Thứ hai là bao biện cho sư đệ. Như thế là không nên. Đừng

có ủng hộ cho cái sai của người khác con ạ. Làm vậy là mình cũng sai theo.

Đêm trăng non, thứ ánh trăng mong mỏng khiến sư thầy thích uống trà. Dù biết rằng buổi tối mà uống trà là khó ngủ. Hai chú tiểu đang ngồi học bài trong tịnh thất. Thầy nhẹ nhàng đi lấy nước sôi, tự tay pha một ấm nhà nhật rồi bưng ra đặt nơi chiếc bàn kê đầu hiên. Có lần, điệu Năng buổi tối ra ngồi ở chiếc bàn này ngắm trăng, vẻ nhớ nhớ một điều gì đấy. Cái cảnh trăng đêm dễ khiến người ta thèm bầu bạn, thèm tự do và nhớ một chốn nào đó xa xôi. Bữa ấy thầy biết Năng thèm về với đời, nhưng quê ở đâu mà về, điệu Năng bị bỏ rơi trước cửa chùa từ khi đở hỏn. Sau lần đó thầy cố ý không cho các đệ tử ngồi ngắm trăng đêm nữa, sợ những phút giây xao lòng làm lệch lạc chí hướng tu tập. Thế mà đêm nay thầy ngồi ngắm trăng và uống trà.

Cái biển gỗ treo ở quán nước gần chùa ám ảnh thầy. Dù chỉ mới nghe qua lời kể của điệu Sanh chứ thầy chưa tận mắt nhìn thấy. "Quán nhậu bình dân, chùa cách một trăm mét". Gần quá. Buổi tối tiếng khách rôm rả dưới ấy thỉnh thoảng vẫn vang lên đây. Thiên thời địa lợi. Trời đẹp, quán nằm treo bên bìa rừng. Đối với người thích du hí thì không quán ngại chạy năm cây số đường đêm để tìm một chốn hữu tình.

Địa cơ ở đây tốt, chùa chắc sẽ nên thôi. Hồi sư thầy mới về gây dựng chùa đã có một cụ ông trong làng đến xem đất mà nói vậy. Nhưng ở đời cái chỗ tốt không chỉ riêng mình biết, cái miếng ngon đâu chỉ riêng mình dùng. Chốn đẹp có chùa thì cũng có dịch vụ quán xá nổi lên. Mấy cái quán bán nước cho khách nghỉ chân, bán nhang đèn cho người ta

viếng Phật thì không nói làm chi. Đẳng này tự dưng quán làm thêm dịch vụ nhậu nhẹt. Mà còn treo tấm biển lạ kỳ. Nhưng thầy không cấm được. Cõi người lắm tham sân. Nhiều khi vì miếng cơm manh áo buộc lòng người ta làm những điều mình cần, dầu biết việc ấy gây ảnh hưởng xấu đến người khác. Thầy cũng không buồn nhiều về chuyện đó, thầy chỉ lo cho các đệ tử của mình thôi. Trước đây đã có vài đệ tử bỏ thầy mà đi. Rồi đạo về với đời. Thầy tự trách cái đức của mình ít, chỉ đủ để tu dưỡng cho bản thân chứ chưa nâng đỡ được nhiều đệ tử.

Hai chú tiểu vẫn đi học qua về con đường ấy. Chỉ một con đường dẫn từ chùa xuống núi để đến trường mà thôi. Điệu Sanh học buổi sáng, điệu Năng học buổi chiều. Cứ cuối buổi chiều, lúc Năng đi học về là quán thường có khách ngồi nhâm nhi. Đôi khi điệu Năng đi quá một đoạn rồi nhưng vì mùi thơm hành mỡ khiến điệu chững lại, đi chậm hơn. Cho đến khi nghe tiếng chuông chùa điệu mới rảo bước đi cho dứt được. Vài lần điệu Năng đi học về muộn hơn, sư thầy biết là điệu ấy bị cái mùi măn mòi ngoài kia làm chậm bước chứ Năng chẳng ham chơi như điệu Sanh đâu. Thế nên canh chừng lúc điệu Năng gần về tới chùa là thầy thỉnh mấy tiếng chuông vọng ra.

*

Một hôm điệu Sanh hí hửng báo với thầy cái biển gỗ ở quán đã không còn nữa. Quán vẫn bán bình thường nhưng chỉ cất tấm biển đi thôi. Thầy ừ với điệu Sanh một tiếng. Rồi nghĩ, cái biển đã cất đi nhưng đường về nẻo thiền vẫn chỉ một lối ấy. Đường đạo đường đời chung nhau, dầu có chỉ dẫn hay không thì điều quan trọng là do người đi mà thôi.

Hôm khác đi học về, điệu Năng vẻ buồn buồn, mếu miêng nói với thầy:

- Thầy ơi con không đi đường ấy nữa đâu.

Sư thầy xoa vai Năng an ủi:

- Có một con đường ấy thôi con, chẳng thể còn lối nào khác. Đi cho khéo là được.

Tâm Bão

...Vào hồi 5 giờ sáng hôm nay, ngày 26 tháng 9, vị trí tâm bão ở vào khoảng 16,4 độ Vĩ Bắc; 110,1 độ Kinh Đông, cách bờ biển Đà Nẵng – Quảng Ngãi khoảng 120km, sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh đến cấp 8, giật cấp 9, cấp 10. Dự báo trong mười hai giờ tới, bão di chuyển theo hướng Tây - Bắc, mỗi giờ đi được khoảng 10 đến 15km. Đến 19 giờ hôm nay, vị trí tâm bão ở vào khoảng 16,6 độ Vĩ Bắc; 108,3 độ Kinh Đông, trên vùng bờ biển các tỉnh Quảng Bình - Đà Nẵng, và tràn vào đất liền...

Tiếng báo hiệu thảng thốt vang lên từ chiếc radio đặt trong tịnh thất của ngôi chùa nhỏ. Lúc ấy mới sáu giờ, trời chưa sáng hẳn. Sư thầy vừa tụng xong hồi kinh đầu ngày, đang vắn nhỏ lại mấy cây đèn dầu trên bàn thờ, nhỏ đến mức mỗi chúp lửa chỉ còn bằng hạt đậu xanh. Điệu Sanh biết thầy có thói quen nghe đài buổi sớm nên ngay sau khi dứt chuông vắn hồi, điệu đã rời chánh điện, lui vào tịnh thất bật đài lên. Và tin bão đến.

Nghe tin, thầy không bất ngờ lắm, vẫn an nhiên vắn nốt ba cây đèn còn lại. Tháng chín là mùa mưa bão, xưa nay vẫn vậy, lạ gì đâu mà phải giật mình hay nao núng. Chuyện đâu đã có đó. Bây giờ ngoài trời vẫn đang mưa dấy thôi, lúc râm rỉ khi ào ạt. Mưa kiểu dằng dặc của mùa đông xen lẫn từng đợt mưa trộ của tiết hè. Mưa xạo bên này xạc bên kia, chẳng biết đâu mà lần.

Sư thầy kéo lại tà áo cà sa cho bớt lạnh rồi bước vào tịnh thất, vừa đến cửa đã chạm phải điệu Sanh luống cuống

chạy ra.

- Có bão, thầy ơi!

- Không sao đâu, gió mùa thôi con - vừa nói thầy vừa chỉ tay ra vườn cây bao bọc quanh nương chùa - đã có cây cối ngăn bớt, con đừng lo chi cả.

Thực tình, nói là không lo để cho điệu Sanh khỏi sợ, chớ thầy cũng có chút hoang mang. Ở chùa thì chẳng sao, nhưng còn bà con quanh vùng nữa, không lo hóa ra mình vô tâm. Hai hôm trước thầy đi qua đồng, thấy xóm làng đang vào vụ mùa hè - thu. Lúa vàng chen lẫn lúa xanh. Cả cánh đồng thênh thang như thế mà mới gặt có được vài thửa; còn lại nhà thì chờ lúa chín, nhà thì chờ nắng lên mới cắt về phơi phóng. Thầy không làm ruộng vì đất chùa hẹp, chỉ trồng được vườn cây sắn lẻ xen vài gốc cổ thụ. Nhưng xuất thân từ con nhà nông nên thầy hiểu cái khó khăn của nghề trông chờ "ơn trời mưa nắng phải thì".

Thầy vặn to lên chiếc radio nghe tin tức, chập hồi nhà đài lại cắt ngang bản tin để thông báo tin bão khẩn cấp, các công điện khẩn của chính phủ và lãnh đạo tỉnh. Nghe thế cũng ấm lòng hơn, vì chẳng ai bỏ đồng bào mình trong cuộc thiên biến. Quan chức, xưa nay vẫn bị tiếng là vô tâm, nhưng đến lúc hoạn nạn thì tự dưng cái tình người nó trỗi dậy.

Mãi nghe tin tức, trời đã sáng hẳn tự lúc nào. Gió lặng. Cây trong vườn tạm thời đứng yên, chỉ còn lá vẫn nhỏ những giọt mưa xuống nền đất ẩm.

Chị gái bán vải, "người quen" của sư thầy, bước vào chùa, cởi chiếc áo mưa mỏng ra rồi vái chào. Nhiều lần chị đến

thăm chơi, thành ra sư thầy cũng coi chị như một Phật tử thân tín. Và lần nào gặp nhau, cả thầy cả chị đều nở nụ cười thanh thoát sau nghi thức chấp tay chào vốn dĩ của nhà chùa.

- Mưa quá thầy ạ – vừa nói chị vừa đưa tay vuốt lệ khuôn mặt ướt đẫm nước, vẫn còn vài giọt bám ở dưới tai và hai bên sống mũi.

- Chị vừa dưới nhà lên hay đi đâu ghé vào? Mưa gió thế này...

Thầy hỏi một câu mà như không hỏi, rồi bỏ lửng ngang đó. Trong lúc tay đang pha ấm trà. Mưa thì mưa gió dẫu gió, cũng phải làm ấm trà mời khách cho ấm cái đã. Chính nhờ vẻ điềm nhiên tự tại của nhà sư mà chị hay đến chùa. Bởi cứ hễ gặp thầy, dù chưa nói chuyện gì chị vẫn cảm thấy sự an tâm, một nguồn động viên kì lạ.

- Con ở dưới nhà, thức dậy từ sớm. Nhưng nghe tin bão đến, chợ đồ chắc cũng ế ẩm nên không ra mở quán. Trời thế này người ta lo cái ăn chứ ai nghĩ đến chuyện làm đẹp mà chẳng lựa vải ra bán, phải không thầy?

Chị cúi xuống, xách túi đồ đặt lên bàn. Một đùm muối mè với hai chai xì dầu.

- Cái này con đem lên cho thầy với chú Sanh. Ngày mưa rét rau rắng trong vườn chùa không tiện kiếm. Với lại, biết đâu được, nhỡ mà lũ thì vẫn có cái ăn. Con cũng rang vội ít muối mè đem lên. Cái tính con nó thế, sống một mình nên cứ hay phải lo trước. Thầy đừng trách.

Mấy chữ “sống một mình” mà chị vừa nói khiến thầy cảm thương quá. Hồi điệu Sanh chưa vào chùa, thầy vẫn sống

một mình đó thôi. Song, bên thầy còn có những bức tượng Phật và Bồ Tát nên chẳng thấy cô quạnh. Còn bây giờ, khi nghe chị nói, tự dưng mắt thầy như trôi về phía căn nhà nhỏ của chị, ở trống đồ đạc đầy đủ nhưng vẫn thiếu những hình người. Một bức ảnh kỉ niệm ngày cưới thì chị đã gỡ xuống, tháo khung gỗ, cuộn tấm hình lại từ bữa li dị với anh.

Chị đặt tách trà xuống, tay vẫn chưa hết lạnh khiến tách trà gõ tiếng cụp vào mặt bàn. Sư thầy thoáng giật mình.

- Cảm ơn chị. Thế này thì phiền chị quá - chợt thấy lời vừa nói hơi khách sáo, thầy tiếp - mùa này mà có muối mè ăn vừa ngon vừa chắc bụng lắm. Hồi trước, bà cụ nhà tôi cứ hễ trời trở gió là đem đậu lạc ra rang, rồi giã muối hột trộn thành một hũ to. Thế này này - Thầy khoanh hai bàn tay quanh ấm trà. Nghĩ lại, thấy các cụ nhà mình cũng mẹo ra phết - Chẳng thế mà người ta bảo, ngày đông không chán ăn cơm mè cũng ấm.

Ngoài trời mưa tạm ngớt, gió phật qua vườn cây vi vu âm thanh rất nhỏ. Cái khoảng lặng của ông trời ấy thật dễ sợ. Cứ như đang lủ mà có nắng là nước lên chứ đừng tưởng bỏ là trời tha. Và cũng chính lúc trời yên thế này, lòng người ai biết được, đang cuộn sóng mạnh, có thể nói ra hết nỗi niềm của mình.

- Cứ đến mùa mưa lủ con lại sợ, thầy ạ. Cái hồi anh ấy mới đi khỏi nhà, mùa lủ đầu tiên nước tràn vào ngang đầu gối, con phải dùng cái bàn như căn nhà thu nhỏ, mọi sinh hoạt tất tần tật trên đó cả. Lắm lúc cứ muốn lao đầu xuống nước cho xong.

Nói đến đây, chị cúi xuống, buồn. Sư thầy chêm thêm nước vào tách trà. Thầy chẳng biết an ủi chị như thế nào, chỉ góp chuyện.

- Ở đời, sống khó mà chết cũng chẳng dễ đâu. Chết chưa chắc hết khổ, có khi chính cái sự liều lĩnh đại dốt ấy lại tạo khổ nghiệp cho kiếp sau. Chị bằng cố gắng sống, chứ tìm đến cái chết thì chẳng khác nào lối sống buông thả. Lạ thế, con người ta cứ nghĩ chết là hết, ừ thì hết thật đấy, nhưng vẫn chưa xong.

Gió nổi một đợt, thốc mạnh, đánh ạt cánh cửa sổ gấp sát vào bức tường. Chị xin phép ra về.

- Con hiểu ý thầy rồi. Tranh thủ trời lặng mưa, con chạy ù về tháp lại mấy cánh cửa đã. Cũng may bão số bốn không đi thẳng vào vùng này, thầy ạ. Mình chỉ bị ảnh hưởng thôi.

Đúng như lời chị nói, bão không đánh trực diện. Hiện giờ nó đang ở ngoài khơi và có xu hướng đi chệch lên phía Bắc, nhằm vào hòn đảo Hải Nam. Ở vùng này cũng lắm chịu ảnh hưởng gió và nước trên thượng nguồn đổ về gây lũ nhỏ. Thầy có một kinh nghiệm đoán bão. Cứ ra giêng, thầy thường đi quanh mấy lùm tre, tìm những chồi măng. Chồi măng mọc ngoài thì không sao, nhưng hễ nó mọc vào giữa bụi tre là năm ấy bão to. Có lẽ kinh nghiệm đó thuần túy suy luận, rằng người ta thường nói vững như tre trước bão giông, bây chừ mọc măng nó mọc giữa bụi thì chứng tỏ gió mạnh khiếp lắm. Thế nhưng từ dạo ra Tết đến nay, mấy lần thầy đi khắp lũy tre trong xóm, coi thật tỉ mỉ mà vẫn không thấy một mụn măng nào, thật khó đoán định.

Đài lại chen ngang tin bão. Vẫn ổn định hướng đi, có thể bão đã lạc ra khỏi địa phận nước Việt. Nhưng cấp trên vẫn thúc giục nhân dân đề cao cảnh giác, không được chủ quan. Tính trời khó lường, như lòng người vốn khó đo vậy.

Suốt cả ngày hôm ấy lòng thầy cứ hoang mang. Lúc nhà đài kể chuyện lãnh đạo tỉnh đang đi thăm các gia đình neo đơn là thầy lại nhớ đến chị. Cũng cảnh neo đơn, một thân một phận. Mà người sống cô đơn hay làm liều lắm, cứ nghĩ không còn gì để mất.

Đến trưa, mấy cây chuối sau nương chùa chúc xuống, mưa mấy ngày nay làm long đất, thêm ít gió quạt ngã chúng. Điệu Sanh xin sư thầy chặt số chuối ấy đóng chiếc bè, lỗ lỗ chèo chơi. Chuyện đóng bè mùa lũ hầu như ai ở nông thôn đều biết, nó như cái thú vui của trẻ con khi nước về. Thầy cũng có một tuổi thơ như thế, chặt chuối đóng bè chèo quanh sân. Còn bây giờ, khi nghe điệu Sanh đòi đóng bè, thầy lại nhớ câu thơ của cụ Nguyễn Du: "Tiền đường thả một bè lau cứu người". Có khi thầy phải đóng chiếc bè chuối, lũ còn chèo quanh xóm coi giúp được ai chút gì cũng nên.

Trời tối sớm, mọi hôm giờ này kênh AM đang phát chương trình văn nghệ, riêng hôm nay tạm hoãn để phát tin tức gió bão khắp nơi. Hai thầy trò ăn bữa cơm chiều sớm hơn mọi ngày. Bữa cơm chay ngày gió đậm bạc, có thêm chén muối mè mà chị bán vải vừa đưa đến hồi sáng. Suốt bữa điệu Sanh chỉ ăn mỗi thức ấy, dùng muỗng vãi mè lên trên chén cơm mà xắn từng cục như ăn xôi.

Cơm sớm, tụng kinh cũng sớm. Hôm nay chỉ tụng kinh cầu an thôi. Điệu Sanh mừng thầm, vì kinh cầu an tụng nhanh,

chứ không như tụng kinh bộ, cứ ngồi miết suốt buổi.

Mưa ngoài trời nặng hạt thêm, gió quạt mạnh từng đợt sát phạt, ngọn gió sắc lẹm như roi cước quất vào da trâu. Cứ vu vu... vút... vút. Thầy đi quanh chùa, kiểm tra cửa ngõ một lần nữa cho an tâm rồi mới lên giường đi nằm. Hôm nay hai thầy trò ngủ chung một giường cho ấm. Sanh thích ngủ với thầy. Nằm với thầy chẳng khác nào ngủ chung với ông nội, hè thì ông phẩy quạt, đông thì ông ủ ấm cho.

Thầy kéo chiếc mền che lên ngang cổ. Điều Sanh thi thoảng cứ rụt đầu vào trong mền, ngốt quá lại thò đầu ra. Ngoài vườn gió vổ vào bức tường cái rạt. Sanh giật mình, nghiêng người qua vòng tay ôm lấy thầy, dúi nguyên khuôn mặt vào bên sườn sư thầy.

Nằm một hồi, thầy cứ trăn trọc, điều Sanh cũng chưa chìm giấc, thật khó ngủ, cứ thiếu thiếu cái gì. Kể chuyện đi, mỗi mồm ắt sẽ ngủ. Ngày trước bà nội Sanh bảo thế.

- Thầy ơi, hồi con ở làng. Trời lũ là cả nhà lại ngủ chung một chiếc giường. Mạ nằm sát trong vách, ba nằm phía ngoài vì lâu lâu phải thức dậy canh chừng nước lên. Con nằm lọt thỏm ở giữa, ấm lắm.

Sư thầy chợt thương điều Sanh quá chừng. Trẻ con thích nằm giữa mẹ cha, để quay bên nào cũng có tình thương. Còn giờ đây, điều chỉ có một phía ấm áp, là sư thầy. Mà cái sự ấm áp ấy nó cũng không bằng tình mẫu tử được.

Bất chợt Sanh kéo mền xuống, ngắc đầu lên nói nhỏ:

- Thầy ơi! Hồi nãy sao không bảo chị ấy ở lại đây ngủ cho vui. Về dưới nhà chị ở một mình, giờ chắc cũng chưa ngủ được đâu.

Ý nghĩ hồn nhiên của Sanh thật chẳng tré con chút nào. Bằng chứng là thầy đang xúc động mạnh. Ừ, biết đâu cho chị ấy ở lại đây lại là chuyện tốt. Thu xếp cho chị bảo chị nằm bên giường của Sanh. Chua văng, có thêm người càng đỡ hẻo lánh sao. Thậm chí, nếu có chị đang ở đây, thầy cũng cho phép điệu Sanh qua nằm cùng chị, để lây lan một chút tình cảm của người mẹ, thứ mà cả chị lẫn Sanh đều thiếu thốn.

Càng nghĩ, thầy càng thấy tội cho điệu Sanh. Giá cái hồi đó thầy đừng nhận Sanh thì bây giờ đỡ áy náy. Bữa ấy thầy cứ ngỡ Sanh ham cảnh chùa, rồi vài bữa chán ngay thôi, ai dè điệu ấy có căn tu, mắc duyên với tam bảo đến vậy. Sư thầy nghiêng người qua phía điệu, vòng tay ôm lấy Sanh và vuốt nhẹ dọc sống lưng. Điệu Sanh đã ngủ, chốc chốc hít vào nhẹ rồi thở ra thật mạnh, kiểu đang vào giấc ngủ sâu thường thấy ở trẻ con. Thầy vẫn chưa ngủ được, hai mắt chẳng thấy mỏi, đành với tay sang lấy chiếc radio, vặn từ từ nút mở cho tiếng loa đủ nghe.

Tin khẩn cấp, bão đột ngột rẽ hướng Tây và đã vào gần đến bờ, nghĩa là hướng về vùng đất liền nơi thầy đang sống. Hèn chi đầu hôm đến giờ gió cứ mạnh hẳn, thầy mãi nghĩ chuyện đâu đâu quên theo dõi, cứ ngỡ đợt gió cuối cùng nó mạnh thế thôi.

Ngoài sân lá đánh vèo vèo, điệu bay cuộn xoáy thật tròn của đám lá si, lát sau đã tán xuống sân lạo xạo. Sư thầy ngồi nhồm dậy, một ý định bất ngờ mới ập đến, cũng mạnh chẳng kém gì cơn bão. Khẽ đắp lại chiếc mền, cẩn thận bọc quanh người điệu Sanh, thầy bước xuống khỏi giường. Thắp cây đèn lên, cho lửa đỏ vừa hạt đậu. Mở một cuốn sách ra,

đặt cây bút ở giữa, kiểu đang đọc dở. Việc này thầy đã từng làm trong những đêm khuya dậy đi vệ sinh, để lỡ điều Sanh bất thành linh thức giấc mà không thấy sư phụ thì an tâm ngủ tiếp. Nhưng lần này, hình như thầy có ý đánh lừa điều Sanh, bước đi cứ rón rón rén rén, lật trang sách cũng ngoái lui coi có làm Sanh trở giấc không.

Xong, thầy bước ra khỏi tịnh thất, cố khép cửa thật nhẹ. Thật ra là giằng lấy cánh cửa từ bàn tay khổng lồ của ngọn gió đang chực đóng sập lại. Khoác vội chiếc áo mưa, thầy đi nhanh ra cổng chùa. Mặc kệ gió đang làm mình làm mẩy với cây cối trong vườn chùa, thầy đi về phía con người. Theo đường mòn hướng xuống xóm chợ, là cái nơi đông mặt người khắc khổ mà thầy ít khi đến. Ở đây có một khuôn mặt đang hiển hiện dần trong đầu thầy, nước da trắng trẻo tái nhợt đi, chắc lạnh lắm. Rõ ràng khuôn mặt chị bán vải, hồi sáng còn tươi tỉnh mà bây giờ trắng bạch quá thể, mấy đường gân trên trán thâm tím lại. Người ta bán vải nhưng có khi lại khốn đốn vì thiếu áo quần ủ ấm cũng thường. Nói vạ miệng, không phải cảm treo heo chết đói, song, đàn bà họ nghĩ cho người khác thì nhiều mà lại vô tâm với chính mình lắm. Khuôn mặt ấy cứ rõ dần rạn dần lồi thầy đi giữa xoáy gió đêm bão.

Cũng nhanh như bão, thầy đã đứng trước cửa nhà chị. Rét run người. Chiếc áo mưa đầm ướt mặt trong, dính chặt vào chiếc áo choàng nâu tu sĩ thành một tấm mút nhầy nước, hay là giống chiếc khăn mùi xoa của ai đó lau dòng nước mắt không ngớt. Khi đặt tay vào cánh cửa, ổ nắm khóa kim loại lạnh toát truyền một luồng khí khiến thầy sực tỉnh. Ban đêm tự dưng mò đến nhà người ta. Mò, nó thô thiển thật, nhưng cái từ ấy tự thầy nghĩ ra. Lại nữa, đến nhà một người

đàn bà không chồng con. Đào ôi, mưa gió thế này ai ở nhà này, mặc sức đâu ra đường mà sợ người ta biết. Việc thầy làm đây, chỉ có trời biết đất biết và... Phật biết. Mà trời đất biết, nếu thương thầy thì đừng có làm cuồng phong như thế. Còn Phật biết, chắc cũng sẽ lượng thứ cho thầy.

Vặn nắm cửa hoặc gõ cửa cho lịch sự? Không, không được làm thế - thầy tự nhủ. Hay là lấy cái đèn pin nhỏ trong túi ra, rọi qua khe cửa, xem chị ấy thế nào bên trong? Có phải khuôn mặt trắng bệch như thầy vừa tưởng tượng ra, đường gân thâm tím của người sắp lả đi vì rét mướt. Cũng không được, như thế chẳng khác nào... tên ăn trộm.

Mưa gió ôm nhau đập mạnh, một tấm tôn lợp phía ngoài hiên đã bung thép buộc, cuộn chéo góc đè lên tấm kia. Đứng thế này thì ích gì, làm một việc nào đó nhanh lên. Thầy tự thúc giục mình rồi bỏ hết mấy ý định lúc nãy. Xem ra thầy vẫn ngại, vẫn sợ phạm một điều răn đe nào đó của hàng tu sĩ. Biết đâu được khi cánh cửa mở, thầy đi vào nhà, và từ đó đi ra khỏi chùa. Lối vào chốn này thực chất là lối ra của chốn kia mà thôi.

Lắc đầu cho mọi ý nghĩ bay theo bão, thầy đi vòng quanh nhà, tay sờ vào từng chỗ cửa. Thấy đã nêm nẹp chặt chẽ. Rồi thầy lẹ làng rời căn nhà, hướng về ngôi chùa. Trên đường về, vẫn hi vọng chị ấy đang yên ổn ở trong căn nhà, hoặc hay hơn thì chị ta sang nhà hàng xóm ngủ nhờ. Chỉ có một trong hai trường hợp đó thôi. Nghĩ vậy cho yên tâm.

Đường về có vẻ xa hơn lúc đi, thầy đếm được từng bước chân nặng trĩu. Nước mưa xoàm xoạp dưới chân. Có chỗ hố gà, thầy xĩa chân, nước bùn bắn lên tận mặt. Chẳng nhóp! Mưa sẽ rửa sạch ngay thôi mà. Chỉ có điều bùn ấy

như bay vào miệng, trôi theo cổ đi vào sâu thẳm nội tâm khiến thầy lớ lớ cồn cào. Bản tin nhà đài phát suốt ngày giờ chỉ còn đọng lại trong thầy hai chữ, và dội lên theo từng ý nghĩ vẩn hai chữ ấy. Tâm bão. Là tâm mình có bão chắc?

Cùng lúc ấy, ở trên chùa, có một người đàn bà cũng vừa bước đến cửa giữa, nắm tay vào ổ kim loại, lạnh toát. Rồi cũng không dám xoay ổ hoặc gõ cửa. Chần chừ chốc lát đành đi quanh chùa mà kiểm tra từng ô cửa sổ xem đã nêp chắc chắn chưa. Và ra khỏi cổng chùa, theo hướng chợ lần về. Cũng xen lẫn những ý nghĩ lo toan.

Chẳng biết trên đường trở về, hai người có gặp nhau không nữa?!

Có thể gặp, vì chung một con đường nhỏ, lại đi ngược chiều hướng về nhau. Hơn nữa đêm nay mọi người ai đã ở nhà nấy rồi, một bóng người trên đường dễ nhận ra lắm. Mà cũng có thể không gặp, vì mưa to gió lớn, ai cũng chăm chăm đường mình đi, sức đâu để ý đến người ta làm gì.

Chẳng biết nữa!

Chỉ có điều chắc chắn là bão đã vào sát bờ biển. Dù có suy yếu đi nhưng tâm bão vẫn nhắm theo hướng Tây. Nghĩa là tâm đang hướng về phía đất liền, nơi có con người.

Chờ Mặt Trời

Mùa đông bắt đầu với vài trận mưa rải xuống vùng đồi thấp. Và dấu hiệu rõ rệt nhất của nó là khi cái lạnh chùng chình kéo qua vườn cây quanh nương chùa. Hai thầy trò quần thêm vào cổ chiếc khăn len màu cánh gián, mặc loại áo tràng thứ vải dày.

- Lạnh cũng vui, thầy nhỉ? – Diệu Sanh hồn nhiên nói khi sư thầy lật nắp chiếc hòm rương gỗ lấy mấy thứ khăn áo đông.

Thầy dừng tay:

- Vui là vui sao con?

- Dạ. Con cũng không biết. Chỉ thấy mặc thêm mấy thứ đồ ấm vào ngồ ngộ.

Diệu Sanh vừa nói vừa cười khi nhìn thấy sư thầy đội cái mũ len có chóp ú, trông giống một nhân vật nào đó trong truyện tranh.

Thầy đặt tay lên hai vai diệu Sanh, xoay nhẹ để xem phần khăn choàng phía sau cổ của diệu.

- Ấm rồi đấy. Đi học nhớ mặc như thế cho đỡ gió. Mùa lạnh mà để hở ra mắc cảm là lâu lành lắm.

- À, thầy ơi. Thầy nhớ cái khăn choàng này không?

Sư thầy không biết diệu Sanh muốn nói gì, đành hỏi lại:

- Sao con?

- Cái này của cô bán vải tặng cho năm ngoái đấy. Mà sao mấy hôm nay không thấy cô đến chùa.

Thầy cũng không lưu tâm lắm đến chuyện cái khăn, của nhà chùa tất thay đều của chúng sanh phụng cúng góp vào, làm sao nhớ được. Chỉ đến khi Sanh nhắc thì thầy mới nhớ ra, đúng rồi, mấy bữa nay tại thầy bận đôi ba công chuyện nên không để ý đến chị, hèn chi thầy cứ thấy vắng vắng một cái gì đó.

- Chắc mưa lạnh cô không tới đó con? – Thầy trả lời. Nhưng vẫn có chút thắc mắc trong lòng. Cũng lạ nhỉ. Năm ngoái mới đầu mùa lạnh là chị ấy đã lên chùa, sắm cho thầy và đệ tử Sanh thêm mấy đồ mặc ấm. Rồi có lần sắp bão, chị ấy còn chuẩn bị một hộp muối mè rang nữa cơ mà. Mấy hôm nay chẳng biết có chuyện gì không mà chị vắng mặt.

*

Buổi sáng mưa tạnh hẳn, trời đằm đằm màu lam, không có nắng nhưng cũng chả có dấu hiệu của mưa sẽ tới. Thời tiết này đem giâm củ là tốt nhất. Đếm lóng tay, thầy thấy còn chỉ ba tháng nữa là Tết. Chắc đem giâm mấy củ giống hoa thược dược là được rồi. Bình thường mọi năm thầy ươm củ thược dược vào giữa tháng mười, lay ơn thì muộn hơn. Nhưng tùy vào thời tiết mỗi năm. Nếu năm nào trời tốt, có nắng giữa đông thì hoa nở sớm. Thầy coi trời, đoán có thể năm nay rét triền miên, thế thì phải ươm hoa ngay bây giờ để nó nở kịp Tết.

Đệ tử Sanh vẫn còn nằm ngủ. Trời lạnh lạnh thế này người ta ai cũng thích nằm ngủ nán thêm một lúc, huống nữa là trẻ con. Với lại đệ tử Sanh đi học thường hay phải dậy sớm,

hôm nay thứ bảy thôi thì cho điệu ấy ngủ thêm chút nữa. Nghĩ vậy nên thầy cũng không đánh thức Sanh dậy thỉnh chuông và tụng kinh đầu ngày. Riêng thầy vẫn dậy đúng giờ, vẫn thực hành nghi thức tụng niệm buổi sớm, không thể nường vào tiết trời mà bỏ bê công việc hành trì.

Thầy đem cái cuốc nhỏ ra, xắn xới vạt đất bên nường. Mấy hôm mưa nước giẫy lên làm cho đất mềm như thứ bột ngấm nước, cứ sin sít lại với nhau. Thầy phải xới đất lên cho tơi, trộn ít tro bếp để đất có mùn và giữ ẩm rồi giâm củ xuống, mỗi củ cách nhau chừng một cánh tay. Thứ củ hoa thược dược thầy tự cất giống từ năm này qua năm khác. Cứ mỗi khi ra Tết, khoảng giữa tháng hai âm lịch, khi lá cây bắt đầu héo rụi là thầy vạt cây đi. Thứ nhất, trong vườn chùa không nên có dấu hiệu tàn úa. Thứ hai, đấy là lúc tốt nhất dỡ lấy củ phía dưới để dành cho mùa Tết tới. Thầy rải một lớp cát dưới chân sạp tre, vùi củ vào đấy. Có khi do chỗ đất cát bị ẩm, đang giữa mùa hè củ lại trồi mầm lên. Thầy phải bẻ đi cho củ khỏi mất “sức”. Cái vui của người chơi hoa không phải chỉ đến khi hoa nở mà quanh năm, phải luôn để mắt đến nó. Ươm hết số củ thược dược xong, thầy cắm quanh vị trí mỗi chỗ ươm ba thanh tre tạo thành cái chum đánh dấu để lỡ có ai ra vườn thì tránh chỗ ấy đi.

Điệu Sanh thức giấc, đưa mắt nhìn sang bên bàn chẳng thấy thầy đâu. Bình thường giờ này, tức sau khi tụng kinh và điểm tâm sáng là thầy ngồi vào bàn đọc sách hoặc viết pháp. Sanh ngó sang đồng hồ thấy đã khá muộn. Điệu chạy ra sân, tới chỗ thầy ươm củ, thấy mấy cái que tre cắm đã xong.

- Gần Tết rồi hả thầy? – Sanh hỏi.

- Ủ, ba tháng nữa thôi con. Năm nay ươm sớm, thà cho thược dược nở vào Chạp chứ để muộn như năm ngoái là Tết vườn mình không có hoa.

Rồi thầy lẩm nhẩm một mình: năm nay có khi rét đậm, chẳng biết củ có mọc mầm nổi không đây. Điệu Sanh lại hỏi thế bao giờ có mầm mọc lên?

Thầy đáp:

- Lúc nào có mặt trời.

*

Bình thường, vào thứ bảy chị bán vải lên chùa. Đây là ngày điệu Sanh không đến trường, chị tới chùa cũng để chơi với điệu. Có khi nom hai người chơi với nhau, thầy nghĩ bụng giống hai mẹ con. Nghĩ rồi thêm thương chị. Nhưng hôm nay biết chị có lên hay không. Cả thầy và điệu Sanh vẫn có chút ngóng chờ.

Sau khi cắm xong mấy que tre ở chỗ vườn ươm, thầy dẫn điệu Sanh chở có đi tiểu bậy ra vườn mà củ thược dược nó tịt mầm luôn đấy. Đến chiều vẫn không thấy bóng chị. Thầy nhủ điệu Sanh: con chạy ù về dưới chợ xem sao. Sanh vâng lời, xỏ đôi dép vào chân, hất ngược cái tua khăn len ra sau vù chạy ra cửa. Thầy gọi với theo: đi chậm thôi con. Điệu Sanh lẩm bẩm trong miệng, vừa mới bảo chạy ù giờ lại nhủ đi chậm.

Sanh trở về chùa, báo với thầy rằng nhà cô ấy khóa cửa. Điệu qua hỏi bên hàng xóm thì họ cho hay là mấy hôm nay cô đóng quầy vải, hình như đi vào Nam có việc gì đó. Nghe xong thầy nghĩ bụng, hèn chi vắng lâu dữ vậy, đi đâu không

báo cho người ta biết với cơ chứ. Rồi thầy hỏi thêm điệu Sanh:

- Thế họ có nói lúc nào cô ấy về không?

Điệu Sanh đáp gọn lộn:

- Lúc nào có mặt trời.

Thầy bất ngờ với câu trả lời của Sanh, mỉm cười và chỉ tay về phía đầu hiên, chỗ treo cái lồng chim.

- Con sắp thành chim dòng rồi đấy!

*

Tối đến hai thầy trò nằm mãi mà vẫn không ngủ được. Thỉnh thoảng điệu Sanh quay sang hỏi thầy ơi thầy còn thức không? Thầy ừ. Lát sau điệu lại quay qua hỏi thầy ơi vẫn chưa ngủ được à? Thầy đáp, kệ thầy con, ngủ đi. Nhưng Sanh vẫn không ngủ được.

Đêm mưa nhiều quá, rộp rập ngoài sân nghe rõ mồn một. Hai thầy trò quần chung một chiếc chăn bông mỏng. Cái chăn này dùng để đắp từ khi trời sang thu, nó chỉ đủ ấm vừa mà không khiến người ta bị ngột ngát khó thở.

Đồng hồ đã chỉ nấc kim sang ngày mới, điệu Sanh vẫn chưa ngủ được vì lúc trưa điệu ấy say giấc đến quá nửa buổi chiều mới dậy nên giờ hai mắt cứ trơ hồng hốc lên. Còn thầy không ngủ được là vì cứ mãi nghĩ đến chị bán vải. Chính xác là sáu hôm rồi không thấy bóng dáng chị ta lên chùa. Thầy cố nhớ lại xem cái lần cuối cùng chị tới đây, sáu hôm trước, có chuyện gì đã xảy ra. Soi xét xem mình có làm điều gì khiến chị phật lòng buồn ý mà lánh thầy không. Một thôi một hồi mà thầy vẫn chưa nghĩ ra, xưa nay thầy

vốn không làm cho ai buồn lòng cả. Đặc biệt đối với chị bán vải thì thầy càng cẩn thận hơn trong cư xử, dù gì chị ấy cũng là đàn bà một thân một mình, ở cái tuổi xuân sắp đổ vụng ấy sẽ rất dễ có những cảm giác không hay.

Thầy nhớ như in hôm đó chị tới đây vội vàng, ngồi chơi cũng chỉ được một chốc là vái chào thầy để ra về. Thầy không kịp nói gì cả. Chỉ có chị nói được mấy câu nửa úp nửa mở. Chị bảo dạo này chắc con sẽ thưa lên chùa, thầy đừng hỏi con lý do, lúc nào xong việc con sẽ báo cho thầy hay.

Chị nói kiểu ngửa đường ấy thì ngay cả những người tò mò nhất cũng không dám hỏi han thêm điều gì. Lúc bước xuống thềm hiên để về, chị còn ngoái lui: À, thầy ơi, có điều này. Thầy hấp tấp đặt tách trà xuống hướng mặt về phía chị để nghe xem chị cần gì. Nhưng ngay lúc đó chị lơ đi: Mà thôi, con về đây.

Nhớ lại kiểu ngấp ngửa của chị mấy hôm trước, thầy đâm ra băn khoăn. Chắc chị ta có điều gì muốn cầu thị mà sợ thầy bận tâm không dám nói ra thôi. Giá như lúc đó thầy cất vắn chị một chút, tỏ ra tò mò một chút, thì có khi thầy đã giúp chị giải được cái thắc thỏm trong lòng rồi, và bây giờ chắc thầy cũng khỏi cảm thấy day dứt trong tâm.

Thầy thở hắt ra mấy tiếng giữa đêm khuya, khó ngủ kiểu này chắc là trắng đêm luôn. Điệu Sanh vẫn tỉnh như sáo, quay sang nói hay là dậy ăn cái gì đó đi thầy. Sư thầy cũng thấy hơi rỗng trong bụng. Nhưng lâu nay thầy không có thói quen ăn khuya và thầy cũng dạy các đệ tử không nên như thế. Trong bát quan trai, tức tám cửa tịnh cần thực hành mà đức Phật khuyên hàng đệ tử thì có một điều là không nên ăn phi thời. Người xuất gia thường chỉ ăn vào bữa trưa,

còn các giờ khác tịnh khẩu vì họ cho rằng ngoài giờ Ngọ là thời gian thọ thực của Phật, còn lại các giờ khác là giờ ăn của quỷ. Thế nhưng lúc này điệu Sanh có ý muốn ăn một cái gì đó thì thầy cũng thấy có lý. Người ta hay nói căng cơ bụng kéo cơ mặt, ăn chắc bụng dễ ngủ hơn. Thầy hỏi điệu Sanh:

- Con đói à?

Sanh đáp dạ.

Hai thầy trò kéo chăn, dậy khỏi màn đi xuống bếp. Thầy nhúm lửa, bắc nồi nấu nước. Ăn mì sợi luộc nhé. Điệu Sanh gật đầu, để con pha nước tương.

Lát sau mì đã chín, thầy trút ra chiếc rá cho ráo nước rồi hai thầy trò cùng ăn. Điệu Sanh nói hồi còn ở dưới quê, đêm nước lũ tràn về thì cả nhà lại xúm quanh bếp lửa, rang cháo bắp ngõi nhai và canh chừng nước lên. Thầy ừ, còn hai thầy trò mình bây giờ ngồi chờ trời sáng. Điệu Sanh vặc lại, bảo chờ mặt trời lên chứ?

- Mà mưa thế này chắc ngày mai chẳng có mặt trời đâu, thầy nhỉ - Điệu Sanh quay sang phía thầy tỏ vẻ.

Thầy nghĩ có khi điệu Sanh cũng đang nhớ chị bán vải. Lâu nay lên chùa, chị và điệu quăn quýt nhau như mẹ con, giờ vắng chị ấy điệu Sanh nhớ là phải rồi. Thầy thử hỏi lại điệu Sanh để khẳng định chắc chắn cái điều mình suy đoán là đúng:

- Con cần mặt trời làm chi?

Sanh đáp:

- Để mấy cái củ thược dược mau đâm chồi. Hồi sáng mới trông đó thầy không nhớ sao.

Ừ nhỉ. Thầy cứ mãi nghĩ chuyện người mà quên chuyện hoa. Sáng vừa ươm xong còn mong có nắng để củ bật mầm cơ mà.

*

Suốt mấy hôm sau vẫn không thấy chị lên chùa. Diệu Sanh đi học rồi về, cũng chả hỏi han thầy chuyện chị có tới hay không. Trẻ con, mau nhớ mau quên. Chỉ có người lớn là dai dẳng một thói quen đợi chờ mong ngóng. Kiểu nhớ mong này hình như thầy chưa gặp nên chưa thực hành tu tập. Mặc dù thầy hiểu rõ thuyết vô thường, mọi vật hợp tan, đến đi đều do duyên và nghiệp. Có khi duyên chưa hội đủ thì dù khẩn thiết ngóng trông cũng chả ích gì. Thầy cố gắng quên chị đi. Nói như thế chưa phải lắm. Vì thầy đâu có nặng nợ gì với chị mà phải quên, thầy chỉ thấy lo lo sợ xảy ra chuyện gì đó với chị thôi. Vậy nên chính xác phải nói thầy cố gắng thực hành sâu hơn nữa phép vô ưu đối với mọi sự. Cái phép vô ưu này không phải cứ hiểu rõ luật vô thường mà làm được, nếu chỉ dựa vào vô thường để khai trừ mọi sự vướng bận với đời thì thành ra vô tâm, và đó không phải con đường chính đạo.

Sư thầy làm nhiều việc hơn. Mùa lạnh chả đi đâu ngoài chùa, thầy cứ ngồi miết trong thư phòng mà hí hoáy viết viết, không viết thì chú tâm đọc đọc, lúc nào mỏi mắt lại đi ra vườn, chăm sửa mấy cái que quanh chỗ ươm củ hôm trước.

Trời vẫn im ỉm không làm mưa to và dằng dặc, chỉ thỉnh thoảng về đêm có mưa trộ rồi ngưng ngay vào sớm hôm sau. Tìm mặt trời vào quãng mùa đông này quả khó, buổi sáng trời chỉ hừng lên âm ỉm một chút rồi thôi. Nhưng tiết trời kiểu đó cũng đủ để cỡ đại không rui vì lạnh, và những mầm cây có cơ bật chồi.

Một củ thược dược thầy ươm đã bung chồi ngoi lên khỏi đất, mầm non trắng đục vì thiếu diệp lục, chỉ nhóm chút xanh nhạt ở đầu chóp mầm. Điệu Sanh phát hiện ra điều này đầu tiên và reo lên thích thú khiến thầy phải chạy ra xem. Sanh nói:

- Nó mọc mầm rồi thầy ơi. Chẳng cần mặt trời. Vui quá. Thầy vui không?

Trông điệu Sanh hí hửng như thế, sư thầy cũng thấy mừng mừng. Ừ, chẳng cần mặt trời vẫn vui.

Ươm Cây Giữa Vườn Đời

Ời vẫn rét triền miên, dù không mưa nhưng từng đợt gió kéo qua khiến sư thầy phải buông bút, vò vò hai nắm tay với nhau cho đỡ cóng rồi mới viết được. Nhưng lạ, chính cái lúc buốt tê, bàn tay cầm ngòi bút vụng về thì ý tưởng và chữ nghĩa cứ tuôn trào. Thầy nhập tâm soạn pháp một cách say mê và dễ dàng. Cứ như chẳng thể có mối vướng bận nào phá tan mạch viết ấy được. Chỉ ba hôm nay, thầy đã viết được một cuốn. Đây là sách luận về nhân quả ngay trong mỗi một đời người.

Đệu Sanh nãy giờ đứng ngoài vườn, ngó mấy nụ hoa thược dược vươn lên khỏi đất. Có nụ dài chừng ngón tay của đệu ấy rồi, thế mà vẫn chưa chịu trổ ngọn lá. Sư thầy bước tới chỗ đệu, nói:

- Tại trời lạnh quá đó con. Cứ rét thế này sợ chết mầm luôn ấy chứ.

Đệu Sanh nghe thế, tỏ vẻ lo lắng, hỏi thầy có cách nào không, chứ chẳng lẽ tết năm nay lại không có hoa. Năm ngoái thời tiết lúc đầu tốt, mầm cây lên khỏe khoắn. Nhưng đến khi lá cành đủ đầy thì gặp bão số bốn, một đêm thôi đã quật gẫy hết năm chòm cây. Tết năm ngoái không có hoa trong vườn, hai thầy trò tiếc lắm. Thế nên năm nay cả thầy cả đệu quyết tâm phải chăm sóc, giữ gìn cây thật tốt. Vườn chùa đất rộng mà ngày tết không có hoa nở, bà con đạo hữu đến viếng chùa cũng quở mồm vài câu. Thầy sợ mang tiếng là làm biếng lắm. Người nhà chùa, có khi được gọi là

người làm vườn cơ mà. Cả năm người ta có được ba ngày xuân để khoe tài chăm tía tưới tắm hoa cảnh, mà mình lại trồng huơ sao. Nghĩ thế nên thầy nhủ đệu Sanh cùng đi về phía sau bếp. Hai thầy trò đốt một đồng rạ sưởi ấm. Thầy nói lát nữa chờ tro nguội gom lấy đem ra phủ quanh mấy gốc thược dược. Làm thế cho ấm đất, may ra cũng đỡ đôi chút.

Chị bán vải tới chùa. Nửa tháng rồi chị mới lại lên đây. Thấy phía sau bếp có khói bay lên, chị đoán có lẽ sư thầy và chú Sanh đang ở sau đó. Chị đi khẽ, muốn làm cho hai thầy trò bất ngờ. Khi đã đứng ở thềm cửa bếp, chị mới cất tiếng:

- A Di Đà Phật. Hai thầy trò đang nấu chi đó, cho con ăn với.

Đệu Sanh vừa đưa tay phải dụi mắt vì khói, vừa quay đầu nhìn. Thầy cũng dừng que cời lửa. Bất ngờ quá. Ở đời cái buồn thường đến tình cờ, cái vui thì bất ngờ.

- Chị về rồi à? - Thầy hỏi, thay cho lời chào. Rồi chợt thấy ngượng vì câu nói vừa phát ra của mình. Nó giống như hỏi một người thân thích trong gia đình, em về đấy à, bà đã về đấy à. Với lại đây là chùa, có phải nhà chị ấy đâu mà bảo chị về với chả đi.

Chị đáp:

- Con mới về hôm qua. Lát con thưa chuyện với thầy. Giờ con xin phép lên lạy Phật đã.

Chị đưa túi quà cho đệu Sanh, trong đó có cả quà của sư thầy nữa. Hộp bánh với gói trà hoa nhài. Xong chị đi lên chánh điện, bày trái cây lên đĩa quả. Thắp nén nhang, vái ba vái.

Thầy mở hộp trà hoa nhài chị mới biếu, đem pha một ấm đặt ở bàn nước đầu hiên.

- Tới đây ngồi uống nước chị. Trà thơm quá. Cảm ơn chị.

- Con đi mấy hôm về mà thấy vườn chùa có khác - Chị vừa nói vừa nhìn ra chỗ góc vườn thầy ươm củ.

Thầy nâng chén trà lên.

- Chị uống nước. Ươm mấy củ thược dược đón tết đó mà. Trời rét quá chẳng biết nó có lên nổi không nữa.

Chị kể chuyện. Mấy hôm vừa rồi con đi làm thiện nguyện theo đoàn của nhóm từ thiện - xã hội. Đi vào các vùng khó khăn trong kia. Chương trình có tên "Mang hơi ấm đến với các em". Đi một chuyến học được nhiều điều thầy ạ. Hôm bữa con định báo với thầy chuyện này rồi mới đi. Nhưng nghĩ lại, sợ nói trước bước không qua. Cũng may lần này chuyến đi tốt đẹp, giúp đỡ được nhiều hoàn cảnh thương tâm lắm.

Sư thầy gật đầu. Vậy là chị đã biết tham gia vào những công tác cộng đồng. Trước giờ thầy vẫn khuyên chị nên có mặt trong những việc thiện như thế, thứ nhất là để giúp đỡ thêm nhiều người, sau nữa, đi cho khuây khỏa. Nhưng mấy lần trước chị ngại. Sợ mang tiếng làm từ thiện là khoe khoang xưng danh, như mấy cô diễn viên ca sĩ từng làm để báo chí ca ngợi, giật tít kiểu đẹp người đẹp nết, hoa thơm từ sắc đến lòng. Rồi có nhiều người mượn công việc thiện nguyện để kiếm chác nữa, cũng là chuyện đang xảy ra thường ngày đó thôi. Giả danh tổ chức này nọ đi vận động tiền những tấm lòng hảo tâm rồi gom cả vào túi mình. Làm con dấu giả hội người mù viết thư giới thiệu để xin tiền các

doanh nghiệp. Đời, càng ngày cái thật càng lụi đi, cái giả trăm hoa đua nở. Có cô diễn viên đi làm từ thiện, tay phát quà cho trẻ, mắt cổ rơm rớm vài giọt long lanh, diễn xuất là nghề của nàng mà. Mặt cứ đăm đăm nhìn vào ống kính máy ảnh của phóng viên. Máy bấm bụp, được rồi cô ơi, thì cô diễn viên mới cười toe toét.

Thầy nói, ở đời người ta có lợi thì muốn danh, có danh rồi ham vọng. Nhưng làm từ thiện đúng nghĩa thì không phô diễn. Một hạt muối tâm thành đậm hơn bao la nước biển. Có người đi nhiều nơi, phát lắm quà mà không bằng một chút chia sẻ của người thực tâm. Thế mới có chuyện bà già cúng đèn, chỉ một cây thôi đã chứng quả Bồ Tát, hơn ngàn cây đèn khác của bậc đế vương. Trong bổ thí cúng dường không phân biệt địa vị sang hèn của người phát lòng bố thí, người nổi tiếng hay người sống lặng lẽ, một khi đã khởi tâm làm từ thiện thì chỉ có một điều, đó là mang đến được gì cho người thọ nhận.

Sư thầy kể thêm cho chị nghe các câu chuyện bổ thí. Rồi giảng về các hạnh bổ thí trong sách nhân quả ba đời. Kiếp trước cúng dường cơm áo, kiếp này được ấm no an vui. Kiếp này cúng dường hoa quả, kiếp sau được phước sang giàu. Và cũng chẳng cần đến ba đời, ngay chính trong một đời người ta, luật nhân quả cũng rõ ràng lắm. Khi trẻ ham chơi bời ỉ lại vào bố mẹ, lớn lên ắt phải đói nghèo. Thế nên Tam Tạng Kinh viết "ấu bất học lão hà vi" là vậy.

Bữa đó nghe thầy giảng xong, chị thấy sợ. Có khi vì mình từng làm nhiều việc xấu nên mới chuộc quả nhãn tiền hôm nay: không sanh được con, vợ chồng đôi ngả chia ly. Chị bộc bạch với thầy tất cả những việc làm hồi trước.

- Lúc mở quầy vải, con bán được khấm khá thầy ạ. Nhờ thế mới xây được cái nhà. Nhưng xây nhà xong còn nợ tiền người ta nên nghĩ cách kiếm lời nhiều hơn để trả. Nhiều khi phải cắt thiếu vải của người ta ít phân. Rồi nhập hàng vải xấu bán với giá vải tốt. Hồi đó cả chợ chỉ có lều tèo vài ba quán vải, quầy của con hàng nhiều hơn cả nên khách khứa đông. Vẫn biết bán buôn cần chữ tín. Nhưng nếu làm ngay ăn đứng thì chẳng thể phát lên được.

Sư thầy chăm chú lắng nghe, thi thoảng gật nhẹ đầu để người đối thoại được tự nhiên nói tiếp. Lắng nghe cũng là một nghệ thuật, và đối với người tu hành thì nó là công lực.

Chị nói tiếp:

- Sau rồi vợ chồng đôi ngả. Con cái thì không. Làm nhiều cũng chả để cho ai, nghĩ thế nên con không bon chen nữa. Mấy chị dưới chợ khuyên con thử lên chùa xem có an nhiên hơn không. Lên đây con mới tỉnh ra nhiều điều. Thì đã muộn...

Chị bỏ lửng ngang đó và dừng lại, buồn buồn. Sư thầy góp thêm mấy lời:

- Kể ra được như thế cũng nhẹ lòng, đúng không chị? Vẫn còn may là mình sớm nhận ra được việc đã làm. Đời có nhiều người cứ sống vô tư, cái sai này nối tiếp cái sai khác. Thức tỉnh không bao giờ là muộn cả. Chị không nên quá nặng nề việc đã qua. Như thế là u uẩn, bi lụy. Hãy xả bỏ hết, làm lại. Đi làm từ thiện là cách gây phước hay nhất, chị cũng nên tham gia.

Sau chuyển đi từ thiện về, chị thấy lạc quan hẳn. Chị biết còn nhiều hoàn cảnh cần sự giúp đỡ, nhiều người còn cần

mình, vậy nên khát khao sống. Một lẽ giản đơn như thế mà bấy lâu nay chị không nhận ra. Đã bao lần chị cứ uẩn u nghĩ, chồng không con không thì chết quách cho xong.

Sư thầy nhận ra sự thanh thản nơi gương mặt chị ngay khi mới gặp. Và cảm thấy vui vui trong lòng. Từ ngày về trụ trì ở đây, thầy đã giúp được rất nhiều người thoát khỏi bế tắc. Riêng trường hợp chị, thầy biết đấy là một ca khó. Thầy dùng phương pháp tụng kinh, nhưng vốn chị ít học nên chưa thấu được nhiều. Giảng pháp với chị thì cũng chỉ là một cách an ủi. Thầy biết đàn bà ở tuổi ấy, với lại đứt gánh giữa đường, thường bó mình trong một khuôn khổ, ngại tiếp xúc rộng. Cuối cùng thầy khuyên chị cởi mở với đời bằng những chuyến đi. Đây là nguyên lý trả mình về với thiên nhiên để nhận chân niềm vui cuộc sống. Nếu chị cứ mãi mê với kinh kệ, với ngôi chùa này, và cứ níu vào thầy thì e xảy ra nhiều chuyện không hay. Nhất là tiếng đời người ta dị nghị.

Nói chuyện một hồi, thầy đứng dậy, mời chị cùng đi ra vườn dạo. Chị lặng lẽ bước theo. Hai người đi tới vườn ươm ngắm mấy mọt thược dược. Thầy nói, người như cây đời, bão giông dồn dập quá thành ra khó vươn mình lên. Vậy nên cần tự tại sống, đây là thực hành vô úy thí. Chị nhìn xem, một chút xanh trên đầu mầm kia, cũng là nhờ cái củ phía dưới gầy gò làm nên. Tu nhân tích đức, tạo nghiệp lành, ấy là nhân để hái về hoa tươi. Ươm cây giữa vườn đời vậy thôi.

Nhập Thất



ứ đến giữa tháng chạp là sư thầy lại rời chùa, đi ngược lên phía núi chừng mười lăm phút thả bộ và ngụ tại một lán tre ở trên đó. Cái lán dành cho giới tu hành gọi là thất, và quãng thời gian ở đó gọi là mùa nhập thất. Phải hết tháng giêng thầy mới rời thất để về lại chùa. Thầy thích yên tĩnh nên có ý đi ở ẩn vào mỗi dịp tết nhất, độ này khách khứa đến viếng chùa đông lắm.

Ngày thầy chuẩn bị nhập thất, điệu Sanh nằng nặc đòi theo. Sanh nói mỗi ngày không thấy mặt thầy con chịu sao nổi. Khuyên mãi không được, thầy đành miễn cưỡng giao cho điệu Sanh nhiệm vụ đưa cơm chiều lên thất. Mấy mùa vào thất trước, thầy đều đun gạo với muối mè lên trên ấy rồi tự lo chuyện ăn uống. Củi nhặt cành khô, lửa nhúm lá mục, nước đã có bên suối. Thầy chỉ việc kê ba hòn đá lại thành cái kiềng là có ngay bếp nấu. Nhập thất vốn là một công việc hành trì độc lập, người tu hành đến một ngưỡng nhất định mới có thể thực hiện. Lấy sự yên tĩnh làm đầu để thiền quán, dùng sự giản dị tự thân để nương tựa.

Thế mà bữa nay điệu Sanh đòi gặp thầy mỗi ngày, xem ra khó từ chối nên thầy nhủ điệu đem cơm từ chùa lên. Với lại, thời gian này thầy cũng đang hoàn thành nốt cuốn sách nên muốn toàn tâm toàn ý cho việc viết. Điệu Sanh mừng ra mặt: "Vây con đem thêm phần cơm của mình nữa lên ăn cùng thầy cho vui". Thầy ghen đi, không còn nói chi được nữa, đành lắc đầu nhẹ và cười.

Ngôi thất nằm nép dưới một hòn núi. Mấy năm trước thầy cố ý dựng ở đây để tránh gió mùa thốc vào, nhờ thế nên thất vẫn còn ở được. Mấy cột tre có yếu thì tháo thêm, vách nửa đứt lạt thì buộc lại; vào mùa hạ cỏ gianh tốt ngồng, thầy bứt đem về phơi khô rồi lợp lại cái mái. Riêng việc bện tranh thôi đã là một phương pháp tu tập, vừa gài lá vừa niệm kinh, đánh tranh như gõ mõ. Tranh phải đan khít để nước mưa không thấm qua được, khi ấy mới mong công pháp tu tập che chở được chúng sanh. Một mình thầy dựng thất, sành nghề chẳng kém gì bác thợ mộc hay người miền cao.

Tháng chạp cỏ dại chung quanh dần xanh, vài bông hoa nở trước kỳ xuân đến. Vách núi gió hong khô, trơ ra ngoài những vạt đá màu lam. Buổi sáng thầy dậy sớm, mở cửa thất sương đã tràn vào. Thầy bước ra vừa làm vài động tác thể dục vừa ngắm thiên cảnh. Xong lại vào thất, tọa nghiêm ngắm và thảo chữ.

Lần đầu đưa cơm đến thất, điệu Sanh nhảy chân sáo qua mấy cục đá thầy kê theo lối đi. Chưa tới cửa điệu đã hét toáng lên gọi thầy. Thầy không mắng điệu Sanh mà chỉ lấy giấy ra, viết năm chữ “an lạc từng bước chân” rồi nhủ điệu đem ra dán ở cây săng lẻ bên bậc đá đầu tiên. Từ bữa đó Sanh nhẹ nhàng hơn, nhưng tính ham vui trẻ con thì vẫn còn.

Một lần xách ca mèn cơm lên thất, điệu Sanh gặp mấy đứa trẻ đi bắt chim. Hồi ở nhà Sanh hay cùng trẻ con trong xóm đi bắt chim và bẫy tắc kè nên thấy thế thích lắm. Định bụng chạy đến coi, rồi Sanh nhớ ra hôm bữa học luật có một điều

trong sách pháp khuyên không nên săn bắt, thế là điệu cố ý đi nhanh qua. Một đứa kêu:

- Ê, trọc lóc, tới đây chơi!

Sanh bước thêm bước nữa, thấy đi không đành nên quay lại coi chúng bắt tổ sáo. Bắt được bốn con chim non, chia ba đứa ba con, còn một con chúng cho Sanh. Sanh cầm lấy, không biết đặt ở đâu cho phải. Ba đứa kia thì có ba cái mũ lưỡi trai, chúng ngửa mũ ra cho chim vào. Còn sanh, trọc lóc không đội mũ biết lấy cái gì nựng chim. Một trong ba đứa kia góp ý với Sanh:

- Hay trọc đưa cơm cho tụi này ăn, rồi lấy cái ca mèn bỏ chim vào.

Nghĩ cũng phải, Sanh đưa ngay phần cơm cho chúng ăn. Xong, Sanh lấy ít cỏ củ khô cho vào ca mèn để đặt con chim non. Sanh xách ca mèn lên thất. Dọc đường, thi thoảng chú chim kêu rích rích khiến điệu thích thú. Đến cửa thất, Sanh đưa nguyên cái ca mèn ấy cho sư thầy. Mở nắp, thầy ngạc nhiên nhưng không trách điệu mà chỉ hỏi:

- Con đem chú chim này về rồi cho nó ở đâu?

Nghĩ một lúc, Sanh thốt lên:

- À! Con sẽ làm cho nó một ngôi nhà trên cây, giống cái túp lều tranh này. Thầy ở trong kia, nó ở trên này. Mỗi ngày con đem phần cơm lên cho cả thầy và chim.

- Rồi sao nữa? – Thầy hỏi.

- Bao giờ thầy về lại chùa thì con đem chim về. Đến mùa nhập thất năm sau con lại đưa nó lên đây.

Chiều theo ý Sanh, sư thầy cùng điệu làm một cái tổ nhỏ trên chằng ba cây. Điệu Sanh hớn hở vui mừng, nghĩ đến cảnh có hai “ông thầy tu” ở hai túp lều tranh, một ông suốt ngày ngồi im, một “ông” suốt ngày hát. Rộn ràng bên cạnh lặng im, đó là lẽ đời. Lấy thanh tịnh nuôi dưỡng não nức, đó là pháp đạo.

Riêng sư thầy lại thấy khó xử, thầy biết mình đang đối mặt với một bài toán hóc búa. Cuộc đời luôn đặt ra những khó khăn buộc người ta vượt qua. Với bậc tu hành, thì điều ấy là cần thiết để luyện công án. Ngay khi thầy đang ngồi trong thất, tưởng chừng lánh đời, nhưng thực tế sự chiêm nghiệm về lẽ đời lại nhiều hơn. Còn biết bao người neo đơn đang ở trong những túp lều tranh giống thầy; họ không có cơm ăn, sống từng ngày để đón chờ cái chết. Chính quyền nào cũng có chế độ bảo trợ, nhưng việc ấy làm sao chu tất được. Ví thử cái tổ chim vừa làm xong kia là một căn nhà của người neo đơn, thầy có trách nhiệm bảo trợ. Chim không thể nghe đọc kinh mà sống. Chính thầy cũng không thể đọc kinh để sống cơ mà? Chú chim non phải được mớm mồi châu chấu. Nghĩa là vì sự sống của loài này, phải hy sinh sự sống của loài khác. Xưa có một vị sư, mỗi lần về thăm nhà đều ghé qua chợ mua cá về cho mẹ. Vị sư ấy cũng đấu tranh tư tưởng giữa hiếu đạo và luật trì. Bây giờ thầy nuôi con chim nhỏ, tức là phải phân vân giữa luật trì với luật trì. Tu là không sát sanh, nhưng không sát sanh châu chấu thì con chim non chết, tức là vô tình mà phải nhún tay sát sanh một trong hai loài. Mới chỉ một chú chim thôi đã thế. Ở ngoài đời kia còn biết bao nhiêu điều tương tự, muốn tồn tại phải đấu tranh. Vì tài nguyên mà nước này đánh nhau với nước kia, súng đạn hạ sát thân người rơi trên chiến trường.

Người kinh doanh phải mẹo mực, sát phạt đến tận cùng đồng tiền của nhau, thương trường là chiến trường. Người muốn lấy vợ phải khôn ngoan, giành giật nhau chút tình cảm gái trai, tình trường cũng là chiến trường...

Vào thất, tưởng chừng xa lánh cuộc sống ồn ã của loài người dưới kia, nhưng thực chất lại vướng vào chuyện khác. Con người sẽ sống thế nào khi có rất nhiều mối bận tâm như thế. Những mối quan hệ chẳng chịt có cả thói ghen tức, ganh đua, tị hiềm, dối trá lừa lọc, tham nhũng, hối lộ... Có lẽ càng cô đơn yên tĩnh, như người tu hành trong một mái thất, thì càng nghĩ ngợi nhiều. Nhưng đó là lẽ thường, bởi giác ngộ không phải lãng quên tất cả, mà đây là sự đối mặt với thực tại để tìm ra lối. Sư thầy đang ở trong tình thế khó khăn, phải tìm ra lối thoát cho một chú chim non đã thế, hướng hồ dẫn đường cho mọi người.

Ngay trong chiều hôm đó, con chim non đã chết. Không rõ lý do vì sao. Có thể trúng gió độc. Có thể thèm môi mà chết. Và biết đâu con chim đã ý thức rằng phải hy sinh để loài châu chấu được sống, phải hy sinh để sư thầy không phải bận tâm nhiều về nó.

Sư thầy cùng đệ tử Sanh đào hố chôn con chim xuống đất. Xong rồi tụng một bài kinh cầu siêu cho chim. Xong rồi tụng một bài kinh sám hối cho mình. Xong rồi nhưng chưa xong. Không thể cứ sám hối chuộc lỗi lầm là hết chuyện. Trong khi ấy thầy vẫn chưa tìm ra cách xử lý bài toán đấu tranh sinh tồn.

Hai thầy trò bước vào trong thất. Bất giác đệ tử Sanh hỏi:

- Sao dưới kia người ta không làm cái chòi lá thế này để nghỉ ngơi hả thầy?

Ừ, giá mà mỗi người có một cái chòi đơn sơ để nghỉ ngơi và nghĩ ngơi. Một cái thất tự dựng lên trong miền tưởng tượng thôi. Như kiểu Phật tại tâm ấy! Mỗi năm chỉ cần nhập thất một lần vào mùa xuân. Có khi khỏi phải đi chùa cầu an hái lộc bẻ rui cây, khỏi phải phóng sanh cho cá chết lênh bênh, khỏi phải thả rùa tai đỏ cầu may mà gây bệnh hoạn, khỏi phải chen lấn đi dự khai ấn phát lương đền Trần đến mức giẫm đạp lên nhau. Thế thôi.

Kinh Chiều Rền Tiếng Sấm



hiều tháng tư trời chia làm hai mảng. Một bên nắng vàng ửng ửng. Bên kia mây kéo nhau đùn lại, mây xám mây trắng chồng nhau như những khối núi già cổ đã mòn đỉnh. Ngó trời là biết mùa hạ sắp sửa sang. Nói chuyện tiết trời thì chỉ có người làm nông quanh vùng bận tâm để ý tới, còn như cái ngôi chùa nhỏ này, mùa nào mà chả phải tu hành. Xuân hay hạ, thu hay đông thì vẫn niệm kinh trì chú. Nhưng lại nói theo kiểu vô thường ấy thì chỉ có những bậc chân tu đạt đạo mới dám nhận. Dân mình bảo trời là trở lòng người. Cứ còn duyên nợ với đời thì ai dám chắc không biết nóng lạnh khi trời đổi nắng thay mưa?

Chị gái bán vải rào bước lên mấy tầng cấp ở thềm hiên. Hôm nay chùa vắng, chỉ có sư thầy và điệu Sanh ngồi trong thư phòng. Sư phụ đọc sách chăm chú, đệ tử học luật, vừa học vừa vẽ vu vơ vào giấy. Thỉnh thoảng thầy phải quay qua nhắc nhở, điệu Sanh lại úp bàn tay che mấy cái hình thù ngộ nghĩnh kia.

Theo thói quen, cứ đến chùa mà ngó vào chánh điện vắng vẻ thì chị đi thẳng về phía thư phòng. Tay trái chị bận xách túi hoa quả, còn tay phải đưa lên ngang ngực, vái chào hai thầy trò.

- Hôm nay mười bốn rồi thầy nhỉ? Mới đó mà nhanh...

Chẳng biết ý chị nói mới đó là lúc nào. Chắc là từ bữa Tết đến giờ. Giống như cách người ta thường dùng Tết làm cái mốc để so sánh thời gian đời người, qua một cái Tết là hết

một tuổi xuân. Nói xong chị mang hoa quả đi sang bên chánh điện.

Dưới chân trời tây mây xám chen nhau trôi lên rồi đùn đẩy mở mây mỏng trên cao lẫn qua gần hết khoảng trời sáng, khiến cho mới nửa buổi chiều thôi mà chánh điện đã ngòm ngòm tối. Thầy phải bật bóng đèn lên để chị thấy rõ mà bày trái cây lên đĩa cúng Phật. Ngày thường, cứ vài hôm chị lại lên đây. Riêng cứ tới rằm hàng tháng thì chị luôn mang theo hoa quả tới chùa.

Có lần thầy nói vui, công đức của chị sánh ngang công đức bà già cúng đèn trong chuyện cổ Phật giáo. Bà già ấy làm nghề ăn xin, nghe tin đức Phật đến thọ ký gần nên bà đi xin tiền đủ mua một cây đèn, một ít dầu để cúng dường. Sáng hôm sau đức Phật sai đệ tử đi tắt tất cả đèn thì riêng ngọn đèn của bà vẫn sáng, dùng áo cà sa mà quạt đèn càng sáng hơn. âÛy là cái tâm chí thành rực sáng. Nhờ công đức cúng dường vô úy mà bà được chứng đạo.

Nghe xong chị cười: “Con có khá giả hơn bà già cúng đèn ấy thật, nhưng tấm lòng sao lớn lao nhường kia được. Mà con cúng dường chư Phật chẳng mong được độ này đạt nọ. Chỉ biết rằng cứ dâng hoa cúng dường là lòng mình thấy thanh thản, yêu đời hơn mà sống thầy ạ”.

Thầy gật đầu tán thành rồi nói thêm: “Giữa cuộc biển nhập trần lao, ai đã làm người chẳng mang lấy khổ đau. Có nhân duyên ắt có quả nghiệp. Có sanh thời có tử. Có yêu thương thì có gian nan. Dâng hoa cũng là cách để tự an ủi cho mình đó thôi”.

Vệt sáng chớp lên xé toạc màn trời. Nó bắt đầu từ dưới đất rồi len lỏi ánh sáng giữa những đám mây, giống một xác

cây khô hiện ra in giữa chiều trời tối xám rồi biến mất chớp nhoáng. Kèm theo đó là tiếng sấm đất đánh ùm. Chị đang đưa tay sửa lại mấy trái quả thì nghe tiếng sấm bất ngờ. Chị rút tay lại theo phản xạ, trái cam lăn ra khỏi khay quả, rớt xuống bàn thờ. A di đà Phật! Con sơ ý quá.

Sắp đặt xong đĩa quả, chị lui ra chấp tay vái một lạy. Sư thầy đã sang bên tịnh thất hồi nãy, giờ đang thay cái áo bà ba bằng chiếc áo dài màu nâu cài nút phía bên sườn.

- Lại tụng kinh hả thầy? – Diệu Sanh hỏi.

- Ừ, hôm nay mười bốn rằm, tụng một hồi kinh chiều.

Ngoài trời lắt nhắt vài hạt mưa rột roạt như kiểu đánh động để người ta biết là mưa to sắp tới, ai phơi phóng gì thì đem vào nhà cất ngay, ai lỡ đường lỡ sá thì kiếm nơi trú. Sấm đất rung ầm ầm.

Diệu Sanh tự giác mở tủ lấy chiếc áo khác ra thay để chuẩn bị hành lễ. Từng động tác chậm chạp, uể oải như thể không muốn đi tụng kinh vào lúc này.

- Sao thế con? – Thầy quay sang nhỏ nhẹ hỏi.

- Con thích tắm mưa.

Vừa lúc ấy chị đã vào cửa tịnh thất. Cả thầy cả chị cùng cười khiến diệu Sanh ngượng ngạo, cái miệng méo đi như mếu nom rất vui. Chị sửa lại cổ áo cho diệu, vừa nói:

- Chú Sanh ngoan đi tụng kinh. Trời mưa giông chưa tắm được đâu. Giờ mà nhảy ra sân dầm lấy hơi đất là bị cảm ngay. Lát lễ Phật xong mới tắm được.

Cả ba người cùng bước vào chánh điện. Sư thầy làm chủ lễ, gõ một hồi mõ, đánh mấy tiếng chuông khai thị rồi chấp tay

niệm thầm. Chị và điệu Sanh đứng phía sau, cũng nhắm mắt mật niệm. Xong thầy gõ tiếp ba tiếng chuông và nhập kinh.

Chị vốn chẳng phải là một Phật tử theo đạo từ nhỏ. Chỉ từ khi ly dị chồng chị mới tìm đến chùa, được gần một năm nay. Lúc đầu chị đến chơi với sư thầy để nghe thầy nói chuyện đời chuyện đạo, dần dần mới vào lễ Phật. Chị ít để ý đến kinh kệ. Thầy khuyên đã có duyên với chánh pháp thì cũng nên bỏ chút thời gian tìm hiểu thêm về kinh sách. Chị thú thật: “Con có biết chữ đâu. Hồi nhỏ học vỡ lòng được một ít không dùng quên hết. Chỉ biết số với mấy phép tính cộng trừ nhân chia giắt lưng mà tính toán bán buôn thôi”. Thầy an ủi: “Không sao. Thế thì nên lắng nghe người khác đọc kinh rồi nhẩm theo cũng mau thuộc. Dần dần mà hiểu thêm kinh. Đa số quý đạo hữu mình biết chữ đấy, đọc kinh lâu lâu từng bộ dày dặn. Thế nhưng kinh phiên âm tiếng Phạn, đọc được đấy mà chẳng hiểu gì. Rồi có khi hiểu được lại chưa chắc thực hành nổi”.

Sấm đánh ùm một tiếng rung chuyển khiến chị và điệu Sanh giật bắn, riêng thầy vẫn bình tâm tụng kinh. Mưa lập tức xả xuống rầm rộ ngoài sân. Tiếng kinh chìm ngấm trong chiều giông bầu trời ứ nước. Điệu Sanh đứng chấp tay, ngoái đầu lui nhìn ra ngoài sân, mong thầm: “Mưa rồi, mưa to nữa đi, mưa lâu nữa đi”. Lại quay đầu vào nhìn lên điện Phật. “Kinh ơi dứt nhanh. Sao tụng hoài tụng mãi không hết thế này?”

Chị gái dù chẳng bao giờ đọc lấy một cuốn sách kinh, nhưng những bài kinh, bài sám thông dụng trong bộ nhật tụng thì chị thuộc hết. Thuộc như kiểu người ta học bồi một thứ

ngoại ngữ nào đó. Rất nhanh, nhớ dai, đọc lâu lâu, song nếu bảo viết ra thì chịu, đề nghị giảng giải cho thì càng tịt luôn. Bây giờ chị đang chấp tay tụng kinh, và chẳng cần suy niệm gì nhiều nên chị lắng nghe tiếng mưa bên ngoài. Mưa này là mưa giông chiều hạ, mưa sa đà nhưng tắt bất ngờ. Chị cũng chẳng mảy may mong mưa dứt hay không. Dù thế nào thì chị cũng đang rảnh rồi, chả có việc gì mà vội phải về nhà. Mưa rề rề có khi lại hay, có cái cố cho chị ở lại đây chơi được lâu hơn.

Những câu kinh vẫn nối nhau không dứt, cứ rền rền một nhịp điệu. Mưa đậm hơn nhấn chìm tiếng cầu kinh. Ba người tụng kinh chẳng nghe thấy nhau. Không hẳn vì tiếng mưa kêu to quá, có khi là vì mỗi người mãi đuổi theo những ý nghĩ của mình. Họ tụng kinh như một quán tính.

Sư thầy thỉnh mấy tiếng chuông để cả ba người cùng vái lạy kết thúc buổi lễ Phật. Khi thầy quay lui thì chẳng thấy Sanh đâu nữa. Điệu ấy đã chạy tót qua phòng cởi hết áo quần rồi trần trụi trực lao ù ra ngoài mưa. Điệu đứng giữa sân nhẩy nước, khoan khoái hét toáng lên, úp hai lòng bàn tay vào vuốt lớp nước mưa tràn trề trên khuôn mặt.

Chị theo thầy qua ngòi bên chiếc bàn gỗ kê ở đầu hồi.

- Ngồi đây vừa uống trà vừa ngắm mưa cho vui – Thầy nói.
- Dạ. Mưa giông mà cũng lâu ngời quá thầy nhỉ?
- Năm con rồng, mưa dai dẳng thế đấy. Mà bữa nay trời lạ lắm, chẳng có theo quy luật gì đâu. Hôm rồi mới bão số một đó thôi. Đương xuân đã có bão. Mưa giông bây chừ khác hồi trước cũng là phải. Chẳng biết từ nay tới cuối năm còn chuyện gì nữa đây?

- Nghe nói năm nay thời tiết khắc nghiệt hơn, mưa nắng thất thường thầy ạ. Có khi chưa tới lễ Phật đàn đã mắc lũ tiểu mãn cũng nên. Coi bộ con đến nương chỗ thầy dài dài rồi đây.

- Con người ta sống cũng thất thường huống nữa là trời – Thầy nói đùa một câu cho vui. Ai ngờ lại làm chị buồn. Cứ như thể là độc trúng ruột gan của người ta vậy.

Mưa tạm ngưng một lát điệu Sanh đã giẫm chân nháy, hồi ông trời ơi mưa đi mưa to nữa đi. Thầy nói vống ra nhắc nhở: “Coi tắm mau vào mặc áo quần kéo cảm lạnh con”. Sấm lại rền một tràng, rùng rùng như ai luồn một lợi dây khổng lồ xuyên dưới lòng đất. Mưa lại bắt đầu đổ ào ào một trận khác.

Chị chêm thêm trà vào chén sư thầy.

- Đấy, lại mưa nữa rồi. Con tính tới ở đây theo thầy học thêm kinh sách cho mở mang, chứ đến chùa tụng miết mà chẳng hiểu kinh kệ gì cả.

Thầy im lặng, không trả lời, nghĩ bụng: “Chị ấy muốn tu thật sao? Nếu có căn cơ theo đạo Bốn sư thì ta không nên can ngăn”. Nhưng muốn vào chùa ở hẳn thì thầy sẽ giới thiệu chị đến một ngôi chùa ni ở cách đây năm chục cây số. Xưa nay chốn thiền không thể có cảnh vừa tăng vừa ni cùng tu ở một nơi được. Ngày xưa khi thành lập giáo đoàn, đức Bốn sư từ chối tiếp nhận nữ giới là có cái lý của ngài. Tội lỗi do tham dục mà sanh. Và tham dục lại ngáng đường tìm đến chánh quả. Cho nữ và nam cùng tu ở một nơi thì không chừng hỏng tất cả. Hơn nữa, đàn bà sức yếu chí mềm, sợ không đi hết được con đường đã chọn. Bây giờ nghe chị

muốn tới đây ở thầy đêm khó nghĩ. Đừng có đổ tội cho trời mưa gió khó lường mà nương vào sư thầy là phải tội đấy.

Đệu sanh nháy lưng tưng giữa sân mưa. Dầm nước nầy giờ đã khéo lạnh, ngó cái chỗ thừa dưới bụng chú tiểu sẵn thun lại thì biết.

Chị gái mím cười, với ra trêu:

- Chú Sanh vào đi. Thút hết cả rồi kìa!

Đệu sanh xem chừng vẫn chưa muốn nghỉ tắm, còn thích chèo kéo mời mọc:

- Thầy với cô ra tắm cho vui. Mát lắm!

- Đúng là trẻ con, hồn nhiên quá thầy nhỉ? – Chị quay sang thầy, buông một câu.

Thầy chẳng đáp, chỉ nói vu vơ:

- Thà làm trẻ con!

Chiều đã muộn mà sấm đất chưa dứt, cứ đánh ê a như những câu kinh mắc cụt.

Tiếng Kêu Vẳng Từ Gốc Si

Sân chùa không phải là nơi có tất cả mọi thứ trên đời, nhưng với điệu Sanh, chỉ khoảnh nhỏ ấy thôi cũng đủ để vui chơi một mình. Chẳng hiểu cơn cỏ nào run rủi để rồi một cậu bé ở làng trở thành chú tiểu điệu Sanh như hôm nay. Có thể đây là duyên, là nghiệp. Sanh không để ý lắm đến điều ấy. Một khi đã vào đây buộc phải chấp nhận cảnh sống khác, lối sống khác. Sanh hầu như không có bạn cùng trang lứa, ngoại trừ những dịp sóc vọng lễ vía có vài đoàn sinh Phật tử đến viếng chùa. Thôi thì làm bạn với những gì sẵn trong khuôn viên chùa, chẳng sao, mọi thứ dưới con mắt của nhà Phật đều là loài hữu tình và đáng được trân trọng.

Chớm hạ, nắng vàng dần lên, trời bắt đầu oi nực, từng chiếc lá si khô cong lại. Buổi trưa Sanh hay ra ngồi nơi thềm hiên, gió thoảng qua mát dịu. Lâu lâu có cơn gió bật mạnh, một đàn lá si cuộn tròn lăn lăn xô nhau dồn về góc sân. Sanh thích ngồi chơi như thế, bỏ quên cả giấc ngủ trưa.

Ngôi chùa này tuy nhỏ nhưng chánh điện niệm Phật luôn trang nghiêm và khuôn viên sẵn có vườn cây hai bên phủ bóng mát. Lũ gà xem ra cũng khôn nên thường lui tới đây kiếm cái ăn và cả kiếm ái tình, thứ mà nhẽ ra ở chùa không nên có. Buổi trưa, một chú gà trống của nhà bên xóm lên vào vườn chùa, đứng khệnh khạng dưới gốc si rồi cất tiếng gáy vang như thể không chịu nổi cái nắng sang mùa đột ngột. Sanh nghĩ thế vì có hôm nực quá, điệu đã kéo xệch cổ

áo rồi hét toáng lên, sư thầy phải bước ra răn ngay đừng có làm náo lên nữa. Khuôn viên chùa cần phải yên tĩnh và người xuất gia luôn giữ tâm mình an nhiên, khẩu xuất cũng phải thanh tịnh nhã nhặn. Riêng tiếng gà gáy thì thầy không mắng, cũng không xua đuổi chúng đi. Chỉ có tiếng người mới lụy khổ chăng?

Lát sau đã thấy một con gà mái từ phía ngoài nhè nhẹ lần đến gốc si, vừa đi vừa gật gật đầu cúi xuống thẹn thùng. Chú gà trống lượn đi một vòng quanh gà mái, vỗ cánh xoạp xoạp vài cái rồi bất ngờ nhảy lên lưng con khác giới. Gà mái thở rụt rụt mấy tiếng khó nhọc, nhưng rõ ràng nó không hề muốn hất tung con trống đang chễm chệ trên lưng mình. Diệu Sanh vỗ tay khen cú nhảy điệu nghệ của gà trống và cười vui, tỏ ra thích thú với cặp bạn đang cồng nhau.

Thầy lại bước ra định nhử diệu Sanh vì lần này diệu cười quá to, cứ như hét. Khi thầy ra đến cửa thì con gà trống đang cắm mỏ vào nhúm lông trên đầu gà mái, vỗ cánh đánh ụp một phát. Còn diệu Sanh tay đang cầm hòn sỏi giương lên chuẩn bị ném hai con gà. Trò này hồi còn ở nhà mấy đứa trong xóm hay dùng để phá, thể nào hai con cũng kêu toáng lên như chửi lũ trẻ phá đám. Sư thầy kịp nhử diệu Sanh bỏ hòn sỏi xuống rồi ngay lập tức quay vào trong, không răn dạy thêm một điều gì. Nhẽ ra thầy nên quát hai con gà mới đúng, hoặc chí ít là xúi huầy cho chúng bỏ đi vì đã quấy quả cửa chùa bằng trò dung tục. Sanh nghĩ thế. Cửa chùa không thể chấp nhận những trò ấy. Vậy mà sư thầy lại nỡ can diệu Sanh, tức là thầy dung túng cho chúng chăng? Sanh vẫn không hiểu nổi. Nhưng Sanh không giận thầy, diệu luôn tin sư thầy xử sự mọi việc đều có cái lý riêng, thế là Sanh đổ tất cả sự tức giận lên hai con gà. “Đợi

đấy! Không ném đá thì có cách khác. Ta sẽ cho chúng bay biết tay!”.

Hôm sau thầy bắt Sanh phải vào nằm nghỉ trưa, chú tiểu này hờ ra một chút là lại sinh chuyện, mà toàn chuyện khiến thầy khó xử. Nhưng sao thầy thấy mền điều Sanh quá chừng. Hình như trên con đường đi tìm chân lý của một vị sư luôn có những chướng ngại do chính con người tạo ra. Và Sanh là một nhân sứ làm nhiệm vụ tạo ra trở lực ấy. Sanh ngoan ngoãn lên giường nằm để đánh lừa thầy, rồi nhẹ chân lén ra thềm hiên. Con gà trống vẫn đến chỗ gốc si, đưa ánh mắt thách thức điệu Sanh và thản nhiên rướn cổ lên gáy. Gà mái trể hện. Chắc có chuyện gì đó không ổn. Đến khi thoáng thấy đầu gà mái chui ra khỏi lùm cây thì Sanh mừng. Chẳng nhẽ điệu Sanh cũng ủng hộ cái trò chơi của lũ gà, cái trò mà hôm qua Sanh định phá ngang ấy. Hôm nay gà mái đau chân, nó đi cà nhấc. Gà trống không leo lên lưng nữa, nó dẫn gà mái đi quanh vườn cùng kiếm mồi. Khó khăn thông cảm, hoạn nạn đỡ dần. Sanh biết vậy.

Mấy bữa sau gà mái đẻ trứng, không nhớ chính xác là mấy hôm từ cái bữa điệu Sanh thấy chúng chơi trò cồng nhau vì sau bận ấy Sanh không để ý tới cặp gà nữa. Ngay cả chuyện gà mái đẻ trứng Sanh biết được cũng là sự tình cờ. Buổi chiều, điệu chạy ra vườn thì thấy con gà mái chui ra khỏi bụi cây dại, gáy cục ta cục tác một hồi. Sanh tò mò tiến đến gần. Vẫn chưa thấy gì ngoài mấy nhánh cây dại phủ kín. Gần thêm chút nữa mới thấy được hai quả trứng nằm lọt giữa bụi rậm. Cái ổ đẻ được xoáy từ mấy cọng lá quanh đó, vo tròn lại như một búi tóc rối. Hồi còn ở nhà, mỗi khi con gà mái cục ta cục tác, mạ nói “gà sắp nhảy ổ”. Rồi mạ lấy cái thúng cạn, lót ổ rơm đặt trên chuồng cho con

gà mái nằm đẻ. Còn bây giờ, con gà mái hôm trước mới ngả ngốn chơi trò trong sân chùa lại đẻ khuất trong bụi.

Sanh ngó quanh ngó quất, mắt láo liếc như kẻ trộm, biết không có ai, không con gà nào nhìn thấy mình, điều nhặt lấy một quả trứng, đem giấu tít sau nương chùa. Đúng chiều hôm đó con gà mái cũng đánh mắt canh dò rồi nhảy vào cái tổ hoang để đẻ tiếp quả thứ ba. Mẹ gà nhận ra mất một quả trứng, liền nhảy phóc ra ngoài bụi cây hét toáng lên. Lạy ông tôi ở bụi này. Đẻ hoang còn la làng thì hỏng rồi. Sư thầy đang ngồi trong thư phòng, nghe tiếng gà mái náo náo ngoài vườn liền chạy ra. Bụng nghĩ chắc điệu Sanh lại gây ra trò gì đây. Lần này trên tay Sanh không cầm hòn sỏi nào cả. Quả trứng thứ hai điệu đã giấu kỹ, chắc là sư thầy cũng không lần ra được đâu.

Thầy ghé tai nói nhỏ một câu gì đó với Sanh. Chỉ một câu thôi, nhưng đủ khiến điệu Sanh chạy lui sau chùa và đem quả trứng đặt vào chỗ cũ. Con gà mái thất thần, như người mẹ mất con, cần mẫn đi tìm suốt buổi chiều vẫn chưa thấy quả trứng mới đẻ hôm qua đâu. Người mẹ nhận ra mất một đứa con thì đau khổ lắm, nhưng còn một đứa con nữa cần bảo vệ, gà mái chạy về tổ. Như một giấc mơ, hai quả trứng nằm sát nhau trong tổ. Chiều hôm đó gà mẹ yên tâm cho ra quả trứng thứ ba.

Không rõ con gà mái này của nhà ai bên xóm vào đây đẻ sồn sồn ra thế. Thầy định nhử điệu Sanh đi quanh hỏi coi của nhà ai thì đến mà bưng về, chứ để thêm vài bữa nữa là con gà nằm vạ ra đấy mà ấp. Tội nghiệp! Định bụng thế thôi chứ thầy cũng không bảo điệu Sanh nữa. Thà cái của nả rơi rớt, đi kiểm chủ trả lại, chứ đằng này cái tổ gà, đi hỏi

khó chịu lắm. Thôi thì cứ để yên đấy. Trước đây đã mấy lần người ta bỏ rơi con trước cổng chùa, thầy đem vào nuôi nấng đến vài tuổi cũng có người đến nhận nuôi.

Sư thầy mong rằng sẽ có người đến bế cái tổ trứng kia về. Qua mỗi ngày, cái tổ thêm một quả tròn, một chủng tử sinh linh xuất hiện trong vườn chùa là thêm một nỗi dây oan. Mười cái trứng giống nhau quây kín một hình tròn giữa ổ lá. Những cọng lá cũng đã khô hết, nâng niu trên đó mười mầm xanh sắp hiện ra. Không có ai đến nhận. Bỏ rơi mẹ gà. Đẻ hoang và bỏ rơi hình như luôn đi cùng nhau. Nhưng con gà mái thì không bỏ con, nó nhẹ nhàng lên nằm ấp trứng.

Hai thầy trò lấy hai miếng tranh cũ làm một cái lều tam giác đơn sơ cho gà mẹ ấp trứng. Mùa này chưa có mưa gió mạnh, nên cái lều chủ yếu che sương đêm thôi. Ngày ngày, Sanh lấy nắm gạo bỏ bên ổ cho gà mẹ, lấy cái gáo dừa múc ít nước đặt đấy. Gà mẹ đưa mắt hàm ơn rồi cúc cúc từng tiếng trong cổ như nghẹn ngào xúc động. Sanh nhận ra những loài hữu tình đúng thật cái nghĩa của nó, luôn có thứ tình cảm chân thực nếu mình xử sự tốt với chúng. Thế mà hồi còn ở làng, nhiều lần Sanh cùng lũ trẻ trong xóm đi rình bắt tổ chim, có khi gặp được một ổ trứng chim đồng xoáy tổ giữa ruộng lúa, đem chia nhau hút sống quả trứng luôn. Nghĩ lại Sanh chợt thấy ớn ớn lờm lợm trong cổ. Vào chùa, Sanh nhận ra dần những việc phải trái, bỏ đi nhiều những thói xấu mà hồi ở làng không ai chỉ dạy cho biết, cứ nghĩ đấy chỉ là trò chơi trẻ con thôi.

Đệ tử Sanh từng ngày ngóng chờ đàn gà con chui ra khỏi vỏ trứng, khi ấy có cả một đàn gà rộn ràng vườn chùa, càng vui. Còn sư thầy lại nghĩ, không biết rồi chúng sẽ ra sao.

Chắc thầy phải nuôi rồi. Mà chủ trương của thầy là không nuôi động vật gia cầm. Hồi trước thầy có nuôi con chim dòng, sau trận bão cái lồng bị gãy nan, con chim đã bay đi. Từ đó thầy phát nguyện không nuôi thêm con gì nữa, kể cả sinh vật cảnh, bởi đến một ngày tất cả rồi sẽ rời bỏ nơi đây, để lại cho thầy những nỗi day dứt xen lẫn ân hận. Bầy gà cũng thế, thầy sợ cưu mang chúng rồi đến một ngày to lớn, mấy ông nghiện rượu quanh đây thể nào cũng mò đến bắt về thịt. Sư thầy không muốn mình vô tình trở thành người nuôi dưỡng cho lòng tham sân của người khác. Điều này cũng là một giới nghiêm trong luật trì của bậc tu hành.

Đàn gà con từ từ chui ra khỏi vỏ trứng, chiêm chiêm kêu rộn ràng sau gốc cây si. Gà mẹ mừng rỡ nháy ra khỏi ổ vườn cánh xù lông sau quãng thời gian hun đúc tình thương vào lũ con. Con gà trống mất tằm từ bữa dặt con mái đi kiếm mồi. Đến giờ vẫn chưa về, Sanh thèm nghe một tiếng gà gáy giòn giã quá.

Đêm cuối tháng tối mò. Canh hai đã nghe tiếng gà thét lên. Tiếng kêu làm hai thầy trò thức giấc. Linh cảm thấy điều chẳng lành nhưng thầy không vội vàng, chuyện đâu đã có đó. Hai thầy trò từ từ đi ra sân. Đàn gà con nháo nhác không tìm thấy mẹ ở đâu trong đêm tối. Sắc không thoáng chốc phiêu bông.

Bên gốc si, bữa nọ tiếng gà trống giục tình đã mở ra một con đường sinh. Rồi tiếng đàn con chiêm chiêm chui khỏi vỏ sừng khóc gào kêu khổ. Cuối cùng, tiếng gà mái rống hết sức lực van lời tạm biệt. Tất cả những tiếng kêu ấy vang lên từ dưới gốc si. Biết thế, nhưng khó mà chặt cây đi.

Đau Ở Đâu?

Mùa chuyển đột ngột, mới xuân mát rượi đó đã sang hạ nóng nực. Thời điểm chuyển giao này dễ nảy sinh dịch bệnh. Mấy hôm nay trong vùng rất nhiều người đã nhiễm sốt phát ban, chấm đỏ nổi khắp mình mẩy. Ngôi chùa nằm cách xóm dân cư không xa lắm nên chưa chắc thầy trò điệu Sanh được miễn nhiễm virus gây bệnh.

Hôm qua, điệu Sanh trốn thầy đi chơi trong xóm. Về. Sáng nay đã nổi những nốt chấm đỏ mờ mờ. Đến trưa thì hai mắt điệu híp lại. Vốn là đứa trẻ hiếu động, ngày thường chạy nhảy đùa giỡn làm náo sân chùa khiến cho thầy không biết bao nhiêu lần phải nhắc nhở, thế mà hôm nay điệu nằm trên giường suốt cả buổi chiều. Sư thầy lo lắng, một chút ưu tư thoáng biểu hiện trên khuôn mặt. Thầy thương điệu Sanh quá. Ở chùa, coi như thầy là cha mẹ của điệu Sanh rồi, chăm bẵm từng li từng tí. Thế nhưng điệu ấy còn nhỏ, thiếu bàn tay săn sóc của mẹ thì quả là thiệt thòi. Ở đời, bình thường không sao, đến khi người ta ngã bệnh ra lại cần đến thứ tình cảm ruột rà mới chóng khỏi.

Bệnh tật là một trong bốn thứ khổ của thế gian, người tu hành cũng mắc phải; hay nói cách khác, họ buộc phải vượt qua bệnh tật mới mong tìm được đạo. Cố nhiên, bệnh là thứ giới tu hành phải đối mặt nhiều hơn người thường, bởi đây không chỉ là bệnh trên cơ thể, mà còn có những căn bệnh vô hình. Tu hành, hiểu theo phương diện khác là dứt trừ nghiệp chướng, loại bỏ sân mê, tức chữa bệnh cho mình và

chúng sanh. Trong Ngũ minh pháp của nhà Phật có một pháp là Y phương minh, dùng sự hiểu biết sáng suốt để chữa bệnh. Bởi thế, sư thầy cũng là một vị bác sĩ. Thầy chỉ chữa bệnh bằng phương pháp dân gian, vì cội căn của phương pháp này là đưa người bệnh trở về hòa nhập với thiên nhiên, cho cái tâm an tĩnh. Nhiều người trong vùng thường đến nhờ thầy coi bệnh giúp. Rồi thầy chỉ cho loại thảo mộc, bày cách sao lá, sắc thuốc. Riêng bệnh sốt phát ban thì thầy mới chỉ biết cách hạn chế sự lây lan thôi. Thầy lại không muốn cho điệu Sanh uống thuốc tây. Còn nhỏ, uống thuốc tây nhiều không có tốt. Thuốc tây nó như sữa hộp, trẻ con dùng sữa hộp sao bằng được bú sữa mẹ. Thầy đang suy nghĩ xem có loại thảo mộc nào phù hợp để chữa bệnh sốt phát ban không.

Trước khi vào chánh điện niệm kinh cầu an, thầy khép bớt vài cánh cửa, nhủ điệu Sanh đừng ra gió. Bưng một cốc nước lọc cho điệu uống. Bệnh này là dễ bị mất nước lắm, cần phải uống nhiều vào. Ngoài trời nóng nực, nhưng điệu Sanh cảm thấy lành lạnh, lâu lâu quặn lên một đợt ớn lạnh đến rùng mình. Điệu Sanh nằm buồn, nhắm lui tới câu chú Quan Âm Bồ tát. Đây là vị bồ tát cứu khổ cứu nạn. Nhiều người đã tai qua nạn khỏi, bệnh tật chóng lành nhờ niệm danh hiệu của Ngài.

Tụng kinh xong, thầy vào phòng xem điệu Sanh thế nào thì gặp chị bán vải đang ngồi bên giường Sanh. Lúc này chị đến, nghe tiếng niệm kinh, biết thầy đang hành lễ nên đi nhẹ vào trong tịnh thất. Chị chừng bốn mươi tuổi, ngang ngửa tuổi với mẹ của Sanh dưới quê. Chị sống một mình, bán vải ở chợ, chồng đã ly dị, không con cái. Từ bữa tết chị đến chùa, rồi cuối tuần nào cũng ghé lên thăm viếng thầy

trò điệu Sanh. Đôi khi chị ở chơi suốt buổi để nghe sư thầy nói chuyện hoặc làm vài việc vặt vặt trong chùa. Cũng như nhiều người đến chùa làm công quả, chị tâm niệm rằng tới đây với tấm lòng thành ắt sẽ được phước đức về sau.

Chị quay lại chấp tay chào sư thầy, xong bưng thêm cốc nước cho điệu Sanh uống. Thầy nói hôm qua điệu ấy đi chơi về, sáng nay ra thế đấy, trẻ con sức đề kháng thấp, dễ mắc bệnh thật. Chị cười, nói không sao đâu. Bệnh dịch thôi mà. Loại này ép lá cỏ nhọ nồi, ở đây gọi là cỏ mực, cho uống là khỏi liền à. Điệu Sanh lắc đầu, chẳng lắm, không uống đâu. Vẫn giữ nụ cười hiền dịu, chị động viên. Dễ uống thôi mà, cố gắng một tí. Chú Sanh cứ nằm yên, để cô đi kiếm lá. Nói xong, chị xin phép sư thầy, đi ra vườn chùa. Thầy không ngờ rằng chị này cũng biết chữa bệnh bằng phương pháp dân gian. Hôm nay, thầy đã học được một cách chữa sốt phát ban. Thầy nghĩ, sự học thật vô cùng, bất cứ ai cũng đều là thầy của ta, dạy ta ít nhiều bài học nào đó.

Lát sau chị đã quay lại với nắm cỏ nhọ nồi trên tay. Chị mướn thầy cái bếp. Rửa lá xong, rảy cho ráo, bỏ vào cái cối nhỏ, giã nhẹ nhàng rồi ép ra được lưng tách trà. Một phần lá còn lại chị cho vào ấm nước, nhóm củi đun sôi. Bưng ly nước xanh thắm vừa ép xong lên tịnh thất, chị ngồi bên giường, vòng tay luồn qua cổ đỡ điệu Sanh ngồi dậy. Ân cần như một người mẹ thương con. Điệu Sanh đưa mắt nhìn cô, chợt thấy sao cử chỉ của cô giống với mẹ mình hồi trước quá. Một vòng tay mềm mại, ánh mắt nhìn trù mến, giọng nói dễ dàng dịu dàng. Tự dưng điệu rơm rớm nước mắt, nhớ mẹ.

Sư thầy ngồi nơi chiếc ghế kê bên cửa sổ, ngó sang, cảm thấy một thứ tình cảm nào đó giữa người đứng với nhau mà sao thiêng liêng như tình mẫu tử quá chừng. Tu hành cũng thế, phải luôn hết mình yêu thương tất cả chúng sanh, nên chỉ có một tạng kinh về hàng quả đạo là Thất Phật phụ mẫu tánh tự. Ngay trước mắt thầy bây giờ cũng là một câu kinh từ bi, nhưng đôi khi, câu kinh ấy lại cản trở bánh xe chánh pháp. Sự quyến luyến, nâng nựng rất dễ làm cho giới luật bị phá vỡ. Thầy nghĩ, hay là khuyên đệ tử Sanh rời chùa, về nhà sống với mẹ cha, cho đệ tử ấy được hưởng một tuổi thơ đủ đầy như bao đứa trẻ khác. Cửa chùa không ép buộc ai, lối đạo chẳng ngăn chân ai. Khuyên đệ tử ấy về nhà liệu thầy có bị nghĩ là... đuổi khéo đệ tử Sanh?

Đệ tử uống hết ly nước ép cỏ nhọ nồi. Tuy có ngai ngái nhưng cũng không đến nỗi khó nuốt lắm. Chị khen chú Sanh giỏi thật đấy, thể nào ngày mai bệnh cũng bớt nhiều, xong quay lại nói với sư thầy: “Con có sắc thêm một ấm nước lá cỏ nhọ nồi. Lát thầy cũng uống lấy vài cốc để phòng bệnh. Chứng bệnh này dễ lây lan, không chủ quan được thầy ạ! Nước này uống cũng ngon và tốt lắm, hồi trước ông thân của con vẫn hay dùng. À, mà thầy nhớ uống lúc nước hầm hầm đấy nhé”. Nói xong, chị cúi xuống thủ thủ với đệ tử Sanh: “Chú nghỉ ngơi chóng khỏe”. Rồi quay sang chấp tay vái chào sư thầy và ra về.

Một cảm giác thật khó tả đang quẩn lẩn sư thầy. Cái chị bán vài ấy, cũng như quý đạo hữu Phật tử khác thôi, mà sao lại quan tâm đến hai thầy trò quá. Coi này, đã cất công kiếm cỏ nhọ nồi, ép nước cho đệ tử Sanh, còn sắc lá cỏ nhọ nồi rồi bày thêm cách uống cho thầy. Mấy chục năm ở chùa, đã

nhều lần thầy cũng mắc bệnh, khi nhẹ thầy tự lo cho mình, lúc nặng có quý phật tử đến giúp đỡ. Những lần ấy thầy hàm ơn đại chúng, riêng lần này, ngoài sự cảm kích biết ơn ra, còn có thêm một điều gì khang khác.

Vài năm nữa, thầy sẽ cao tuổi, già thường kéo theo bệnh, họa vô đơn chí. Đến lúc đó chắc thầy khó mà tự lo cho mình. Tất nhiên sẽ có các đệ tử, quý đạo hữu sẵn sóc. Nhưng sao cái câu “con chăm cha không bằng bà chăm ông” cứ run lên trong đầu thầy. Ôi, thầy không dám nghĩ vậy đâu. Cái ý nghĩ bất chợt ấy thật dễ sợ, dẫu chỉ thoáng qua thôi đã khiến thầy mất bình tĩnh. Liệu có khi nào cái chị không con ở một mình ấy cũng đã mừng tượng tới cảnh đơn chiếc lúc về già không? Mấy bữa nay người ta đang phong thanh chuyện giữa thầy với chị bán vải. Bây giờ còn thêm cái ý nghĩ đầy thể tục ấy nữa thì thật chẳng hay tí nào. Ôi dào, thiên hạ đồn đại, ai mà dám tin. Biết thế, song ít nhiều thầy cũng hoang mang.

Bệnh tật tuổi già chưa tới mà một chứng bệnh khác đã ập đến. Bệnh của tâm. Đây mới là căn bệnh nan giải nhất. Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó bởi lòng người ngại núi e sông. Làm sao tâm tưởng mình phải vượt qua được núi sông mới mong tìm thấy đạo. Nói thì nghe dễ, làm mới biết khó.

Tối hôm ấy thầy tụng kinh một mình trong chánh điện. Kinh Sám Hối. Không có điệu Sanh đứng bên thỉnh chuông thức tỉnh nên hình như bài tụng không suôn sẻ cho lắm.

Ngày hôm sau thầy thấy khó ở, kê gối nằm trên giường, đưa mắt nhìn qua khung cửa sổ. Điệu Sanh đã đỡ nhiều, các chấm đỏ trên thân thể biến mất, điệu trở lại hiệu động

như mọi ngày. Sanh chạy đến bên giường thầy. Kéo cánh tay áo của thầy lên, không thấy chấm đỏ nào, biết thầy không bị lây sốt phát ban. Nhưng ngó bộ dạng thì dường như thầy đang ốm. Điều Sanh hỏi:

- Thầy mệt à? Để con chạy về dưới chợ nhờ chị ấy lên kiếm lá cho thầy uống. Hay thầy thấy đau ở đâu?

Sư thầy luống cuống xua tay. Cái chỗ đau của thầy, có chỉ ra cũng chẳng ai thấy được.

Hồi Bát Nhã Lối Nhịp

J

ừ chùa đi thẳng theo hướng về dưới phố sẽ gặp một đường xe lửa. Mỗi ngày có đến hơn hai chục lượt tàu chạy qua về. Tiếng bánh cộ vào đường ray, tiếng còi hú náo lên tận đến chùa, nhất là về buổi tối.

Hồi mới vào chùa, liên tục nửa tháng điệu Sanh không được ngủ tròn giấc. Mỗi đêm thể nào cũng bị đánh thức hai ba lần khi có tàu chạy qua. Sư thầy nói phải tập cho quen đi, chứ còn ở đây là còn phải sống chung với những âm thanh náo động đó. Rồi thầy chỉ cho điệu Sanh một cách để dễ ngủ: Hãy tưởng tượng. Tiếng bánh ray nhịp xịch, xịch, xình xịch... giống như nhịp trống Bát Nhã. Còi tàu là một tiếng chuông ngân. Đêm đó Sanh làm theo cách thầy chỉ và quả thực đã ngủ được suôn giấc đến sáng. Thầy nói chùa cũng là cuộc đời ngoài kia mà thôi, mọi thứ đều có sự giống nhau. Lời nói ấy phần nào an ủi điệu Sanh những ngày đầu cạo tóc làm chú tiểu.

Nhưng rồi cũng chính âm thanh ấy đã cuốn hút Sanh. Vài hôm sau điệu xin thầy cho đi coi tàu. Thầy đồng ý, cho phép điệu Sanh đi chơi vào lúc chiều, và chỉ cho đi coi một lần tàu chạy qua thôi. Sanh mừng rỡ, chạy vù ra cổng, cứ như sợ thầy đổi ý bắt ở nhà học luật. Thầy lắc đầu cười nhẹ, có thêm một đệ tử trẻ con cũng vui.

Sanh được tự do, đi men theo lối mòn hướng về phía trạm gác chắn. Chỗ này giao nhau giữa đường sắt với đường bộ đông người qua lại nên phải có một trạm canh. Tiếng tàu

xịch xịch đầu xa, hai nhân viên chặn gác đẩy hai barie (hàng rào sắt) ra chặn đường bộ, nhường quyền ưu tiên cho tàu hỏa sắp tới. Một chú khac cầm cán cờ nhỏ, tay nắm kẹp lá cờ vào không cho nó bay. Đây là hiệu lệnh an toàn cho phép tàu “thông qua”.

Điệu Sanh đứng sau cái barie, hồi hộp đợi chờ, chẳng khác nào đang mong ngóng một người thân ngồi đầu đó trong những khoang kia. Bây chừ thì Sanh còn chờ ai nữa chứ. Đã xuất gia đầu Phật nghĩa là đi tìm đạo, xa rời máu mủ ruột rà; cái đèn đáp lại là chánh pháp giáo độ chứ không phải những vòng tay ôm rối rít. Mà hình như điệu Sanh cũng chưa hiểu được điều ấy, lúc này chỉ đơn giản là thói hiếu kỳ con trẻ và thỏa mãn ước mơ được nhìn rõ đoàn tàu lướt qua.

Đoàn tàu vun vút lao đi. Thoáng chốc đã mất hút khỏi tầm mắt. Mải ngắm theo tàu, sanh lần từng bước về phía ray sắt và chạm phải chú gác chặn lúc nào chẳng hay. Người gác chặn quay lại, nhìn chú tiểu rồi cười khiến cho Sanh hết sợ. Thấy chú tiểu ngồ ngộ, người gác chặn dắt vào trong trạm canh. Sau phút ban đầu lạ lẫm, điệu Sanh đã nhanh chóng làm quen chú chỉ bằng một nụ cười hồn nhiên. Sanh hỏi chú làm gì. À, ban ngày chú cầm cờ chặn vệt. Ban đêm thì xách cái đèn kia bán trứng vệt lộn. Nói đến đây người gác chặn trở tay về cây đèn hộp móc bên tường. Cả hai cùng cười to. Làm nghề của chú cần phải vui vẻ như thế mới được, chứ không là dễ ngủ gật lắm. Sanh biết chú nói đùa, trên đường về điệu cứ tùm tùm cười.

Cứ như chưa muốn về lại chùa nên Sanh tìm con đường vòng vèo chứ không đi theo lối mòn ấy nữa. Chỗ đường

Sanh qua có một hồ nước nhỏ, bên cạnh là cây bồ đề cổ thụ. Dưới tán bồ đề, bốn người đàn ông đang ngồi uống rượu quanh một chiếc bàn con. Cuộc rượu xem chừng đã đến hồi vãn, nhưng tiếng chạm cốc vẫn kêu to. Mặt ai nấy đã ngà ngà, mắt díp cả lại nên chẳng để ý thấy điệu Sanh đi qua. Họ lại cụng, lại nói chuyện.

*

Buổi tối, như thường lệ là giờ học của điệu Sanh. Thầy hỏi điệu Sanh hồi chiều đi chơi có vui không mà về muộn thế. Sanh hớn hở kể chuyện “chăn vịt” và “bán trứng vịt lộn” của chú gác chăn. Sư thầy lặng đi, nghĩ bụng, vậy là điệu Sanh đã bắt đầu bị tập nhiễm những thú vui bậy bạ ở ngoài kia rồi. Đã thế từ nay không cho điệu ấy đi một mình nữa, những câu nói vô tình ở ngoài đời đôi khi lại là cái cớ để kéo người tu hành bỏ pháp. Thôi coi như lần đầu. Thầy lại tự dặn mình là bữa khác điệu Sanh muốn đi đâu đều phải có sư phụ đi cùng.

- Mở vở ra con. Ta bắt đầu học thôi. Tiếp theo phần lịch sử đức Phật, đoạn ngài tham thiền.

Sau khi uống bát sữa cúng dường của nàng Tu Xà Đề, Tất Đạt Đa xuống tắm gội ở sông Ni Liên Thuyền. Rồi Người vào xếp bằng ngồi dưới gốc cây bồ đề. Phát nguyện nếu không chứng đạo sẽ không rời khỏi cây bồ đề này.

Nghe đến đây tự dưng Sanh muốn cười, điệu mím chặt môi nhưng không được, bật cười ngay lúc thầy vừa dứt lời. Thầy nghiêm mặt, đặt cuốn sách xuống, hỏi sao cười? Sanh đáp tại hồi chiều, lúc đi về, con còn thấy một đám người ngồi uống rượu. Cũng dưới gốc bồ đề thầy ạ. Và họ cũng nói: “Không say không về!”.

Thế là không ổn rồi, lại thêm một thói xấu thâm nhiễm vào trí óc trẻ thơ, trí hành của chú tiểu. Nhưng chính sư thầy lúc này cũng khựng lại. Nghe điệu Sanh nói đến rượu, bao nhiêu chuyện thời niên thiếu của thầy lại hiện ra mồn một. Trước khi vào chùa, sư thầy hồi đó là một chàng thanh niên ở làng, cũng có rượu chè thù tạc với bạn bè. Mà còn uống nhiều nữa. Sau một biến cố năm hai mươi tuổi, thầy mới vào chùa và tu hành cho đến giờ. Mấy chục năm qua thầy không hề đụng đến một giọt rượu nào, thậm chí một ý nghĩ về rượu cũng không lảng vảng trong đầu thầy. Là tại chẳng có ai nhắc. Con người ta thường thế, yên lành không sao, đến lúc chạm phải quá khứ nào đấy là tất tần tật chạy ra. Sư thầy đã tu tập chừng ấy thời gian rồi, nhưng vẫn là người, còn hoài niệm vẫn vương, còn nhớ nhung lưu luyến. Dĩ nhiên không ai cấm người ta nhớ thương, không ai cấm việc lục lại ký ức. Nhưng, những chuyến du hành hoài niệm rất dễ níu kéo người tu hành đi ngược về phía đời thường. Mà đạo giải thoát thì không khuyến khích điều ấy. Đi tu là khó lắm chứ không phải dễ. Đâu phải cứ cạo đầu khoác áo cà sa là thành tu sĩ được. Cõi đạo nằm xen giữa cõi đời, nghĩa là lối đạo luôn song hành với đường đời thế tục, vụng về chút xíu thời những cám dỗ sẽ xen vào ngay. Vượt qua được những chướng ngại ấy sẽ đạt đến quả Lậu tận minh và chứng đạo giác ngộ. Thấy đơn giản nhưng không phải ai cũng đạt tới được. Sư thầy không có nhiều tham vọng trên đường đạo như thế, chỉ muốn làm người và vượt lên trên con người một chút thôi. Thế mà mấy chục năm rồi, thầy vẫn như cảm thấy mình còn quá nhiều sự vướng víu trần tục. Có khi đi suốt cuộc đời với áo cà sa mà

chẳng tìm thấy đạo, thì có phí công không? Lẽ nào huề cả làng!

Đêm đó điệu Sanh nằm bên thầy, mãi vẫn không ngủ được vì mấy chuyện vui vui hồi chiều. Sư thầy cũng xem chừng khó ngủ, dờ dẩn thế, toàn chuyện ký ức đầu đầu. Sanh nghiêng qua hỏi: “Thầy cũng chưa ngủ à?” Sư thầy thở hắt ra một hơi thay cho gật đầu đáp lời. Chuyển tàu một giờ sáng chạy qua, nghe rõ mồn một tiếng xình xịch.

Điệu Sanh nói nhỏ:

- Tàu qua thầy ơi. Nhắm theo hồi Bát Nhã cho dễ ngủ.

Đây là cách mới hôm bữa sư thầy bày cho điệu Sanh. Nhắm theo hồi Bát Nhã. Bây giờ Sanh quay lại nhắc. Chuông trống là để thức tỉnh con người ta chớ đâu phải để ru ngủ. Phải chẳng có một hồi Bát Nhã đã bị lỗi nhịp?

Hai thầy trò đi vào giấc ngủ nhanh chóng ngay khi hồi tàu lắng dần và dứt xa.

Nuôi Heo Trong Chùa

“Chùa mà cũng nuôi heo”. Người ta nói thế không biết khen hay chê. Nhưng chắc chắn chuyện này lạ, và gây tò mò. Nhiều người đến chùa chẳng phải với mục đích viếng Phật mà chính là vì hiếu kỳ, muốn chứng thực coi cái điều đồn đại ấy có đúng không. Vớ vẩn thế!

Con heo này thầy nuôi lâu lắm rồi, từ bữa mới về trụ trì đây cơ. Một buổi chiều tình cờ trong vườn chùa lạc vào một con heo, hình như nhà ai đó cúng tạ lãng mới phóng sanh. Đã phóng sanh thì chẳng lẽ bắt lại? Nhưng sao nó lại lạc vào đây. Chắc tại vườn chùa nhiều cây cối, mà ở đời cái sự trốn tránh luôn tìm nơi rậm rạp. Vậy người tu hành có phải trốn tránh không mà vườn chùa cũng rậm rạp?

Lúc đầu sư thầy chẳng có ý định bắt giữ. Thầy nghĩ heo nó khôn lắm, thế nào rồi cũng tìm về cái nơi được sinh ra. Nhưng suốt hai ba hôm sau con heo vẫn đi long nhong quanh vườn, phóng uế lung tung, thi thoảng lúc thầy đang tụng kinh trong chánh điện lại nghe tiếng khịt khịt trái tai. Chẳng dặng đừng thầy phải đóng bốn cọc tre, nẹp mấy tấm ván bìa xung quanh làm thành cái chuồng. Ném vào trong ít ngọn rau khoai lang, thế là con heo chui ngay vào nhai ngon lành. Thầy khóa cửa chuồng lại, tạm thời cứ cho nó sống ở đây, mai một có ai đến xin thì thầy cho. Nhiều khi đấy cũng là một cái duyên, nó có mẩn chùa thì mới đến. Mà cũng có thể là nghiệp của con heo, trải qua mấy ngàn lần tích lũy công đức tiền kiếp mới được thế này. Và nhà Phật gọi cái đức ấy là căn tu.

Nhiều người đến viếng chùa thấy lạ, rí tai nhau. Từ bữa đó chùa đông người đến thăm viếng hơn. Thầy nghĩ nơi này hẻo lánh, đạo Phật chưa ai biết. Nhờ con heo mà người ta đến chùa thì cũng là một điều hay. Chùa được giáo hội phong hiệu tự đằng hoàng, song, người ta quen gọi ngôi chùa heo, hơi thô thiển nhưng không thể trách. Gọi thế cũng như dân gian hay gọi tên quai nôi, mà tên quai nôi thì có đâu sang với đẹp.

Cũng may heo là loài ăn chay được, chỉ cần rau ráng ngũ cốc thôi. Xong bữa cơm còn đồ thừa thầy đem đổ vào máng cho nó. Rồi thầy phát quang mảnh đất cỏ rậm sau nường chùa, trồng khoai lang. Người mới khó nuôi chứ heo thì dễ, cho gì nó ăn nấy. Ăn như heo. Thành ra có nuôi heo cũng hay, tận dụng được những thứ thừa thãi. Bậc tu hành vốn sống nhờ công đức của chúng sanh, mỗi miếng ăn phải biết quý trọng công sức lao động của người đời.

Con heo lớn nhanh, thầy phải nối cái chuồng ra rộng thêm cho nó có chỗ đi lui đi tới. Nhờ chay tịnh mà con heo lảng mịn, da lông mọc thưa. Chỉ có điều nó là con heo cái, dân mình hay gọi heo nái, nhưng nó có đẻ đâu mà gọi là nái.

Người đến chùa vô tình buột miệng, con heo này phối đực được rồi đấy. Phỉ phui cái miệng, nhà chùa không ủng hộ chuyện đó. Trong mầm sinh có chủng tử khổ đau, có manh nha tử biệt. Sinh trụ hoại diệt là quy luật muôn đời của loài hữu tình, cũng là nghiệp chướng mà nhà Phật phải vượt qua để đạt giải thoát.

Vào kỳ động dục, con heo cái cứ dũi mõm sủi đất nền, húc phá bốn bức thành, thức ăn đổ vào nó vớt vát qua quýt vài miếng rồi đẩy lật cái máng đi. Tham dục vốn là căn nguyên

của mọi tội lỗi. Phá một hồi chán nó lại nằm ì ra giữa nền. Sư thầy đưa tay vuốt dọc từ đầu nó xuống tận đuôi, như an ủi động viên, như cầu mong thứ lỗi. Thầy không thể làm khác được. Có người nói như thế là ác. Trời sinh ra có đực có cái thì phải cho nó đến với nhau chớ.

Nhờ sống cảnh thanh tịnh, ăn chay tịnh riết con heo cũng bớt dần cái tham đắm bản năng ấy. Cứ mùa dẫy cái sau lại bớt quậy phá đi. Nhưng cội rễ si mê thì khó bỏ lắm. Nó nằm ì ra, chán ăn. Ngó đăm tội mà chẳng thể cho nó toại nguyện. Vào chùa là chấp nhận những nguyên tắc ràng buộc để về sau được giải thoát. Thôi coi như kiếp này nó chấp nhận tu hành hồng kiếp sau được đầu thai làm người. Mà kiếp người cũng khổ chớ sướng sung chi đâu. Ừ, nhưng đây là sự đầu thai gần nhất để thăng lên cõi Phật.

*

Khi Sanh vào chùa cạo đầu làm chú tiểu thì con heo đã được mười tuổi rồi, ở chùa nên tuổi heo cũng gọi là tuổi đạo. Nó cũng tu mà, có khi còn tu nhiều hơn con người nữa là khác. Mỗi lần hai thầy trò tụng kinh thì con heo nằm oẹp xuống, hướng mũi vào trong chùa, tai vểnh lên như nghe kinh, mắt nhắm lại chẳng khác nào nhập pháp.

Con heo được nuôi nấng và chăm sóc chu đáo. Quanh năm, ngày nào hai thầy trò cũng múc nước tắm cho nó. Mùa nóng thì tắm bằng nước giếng, mùa lạnh pha thêm nước sôi cho ấm. Điều Sanh xắn tay áo lên, cầm một cục sỏi to cọ quanh mình con heo.

Từ khi có chị bán vải, cái chị không sinh được con đã ly dị chồng ấy, đến chùa thì chị đỡ dần giúp. Dù sao có bàn tay phụ nữ mọi việc thu vén chăm bẵm cũng tốt hơn nhiều. Con

heo coi chừng thích được chị chăm sóc, nó nhắm nghiền mắt lại vẻ thích thú mỗi lần được chị cọ xát lên da. Chị xoa tay vào chỗ bụng con heo, sờ mấy cái núm xám đen rồi chép miệng: “Thế này mà không đẻ đái được gì cũng buồn”. Diệu Sanh đứng bên ngoài buột miệng: “Tại thầy không cho nó đẻ đấy”.

Trái ngược vậy đó, người muốn có con thì chẳng sinh được, kẻ sinh được lại không ai cho. Chị thêm khát mong mới có được cái điểm phúc làm mẹ mà chẳng được. Nhiều khi chị nghĩ nếu mình đổi phận với con heo thì có lẽ hay. Cho nó ra ngoài mặc sức sinh con, để chị vào chùa ở chay ở nề. Nhưng nghĩ là nghĩ vu vơ vậy, chớ có căn tu cả đấy. Lâu nay chị vốn là một đệ tử sùng đạo Bốn sư, một phật tử thân tín nhà chùa, năng lui tới thăm viếng và đóng góp công quả. Chỉ chừng ấy thôi thì tốt, còn cạo tóc đầu làm ni sư thì khó lắm.

Con heo cái lớn hết cỡ, bụng phình xệ xuống chạm sát nền chuồng, đi lại khó khăn. Suốt ngày nó nằm một chỗ, mắt nhắm nghiền, thở nhẹ, thi thoảng co duỗi chân cựa quậy một chút cho đỡ tẻ. Những ngày chùa có lễ, bà con Phật tử đến đông, cứ vây quanh cái chuồng ngó con heo cái. Người tỏ vẻ thích thú khi ngắm lớp da dẻ trắng hồng của nó, heo nái ở ngoài nhẩn nheo chớ làm sao được khuôn dung như thế. Người lại cảm thương cái phận nằm chờ vô thưởng vô phạt, lại tiếc khi ngó mấy cái núm ú tròn ở bụng heo, giống này mỗi lứa phải sinh được trên chục con bụ bẫm chứ chẳng phải chơi. Đa phần người ta mũi lòng thương, bảo thầy nhốt chi con heo, kìm giữ cái khát khao sinh nở của nó. Lạ một điều là người ta không bao giờ biết rằng cuộc sống trần tục

vướng nhiều sự khổ não hơn. Chẳng thương lấy cái thân mình trong cõi cuồng mê, lại bận tâm trắc ẩn cho kẻ khác.

Những ngày sóc vọng như thế chị bán vải ở miết trong chánh điện, phụ lo dầu đèn, lau quét tàn nhang, ai đưa hương hoa đến viếng thì chị nhận rồi sắp đặt. Nhất quyết chị không ra chỗ chuồng heo, cứ như thể sợ người ta nhắc đến chuyện sinh đẻ thêm buồn.

Tiếng tằm ngói chùa heo lan xa. Tiếng tốt tiếng xấu đều có. Thiên hạ đồn đại theo dật trăm chuyện như mộng. Người bảo con heo là hóa thân của vị Bồ Tát từ cung trời đâu suất giáng hạ nhập thế. Ai muốn cầu xin điều gì cứ đến vườn chùa, khấn thầm rồi sờ tay vào con heo là được. Kiểu như các sĩ tử đến mùa thi đổ xô vào Văn Miếu xoa đầu các cụ rùa đá để mong đỗ đạt.

Thế là con heo cái lạc loài bỗng được hóa thiêng. Người ta kiêng cử, không gọi nó bằng cái tên heo phàm tục nữa mà xưng chung chung là Chú, như gọi một chú tiểu. Ai đến chùa đều nói ra vườn thăm Chú. Người ta càng sùng bái Chú chừng nào thì thầy thêm lo chừng nấy. Đạo Phật là chân tín, không chấp nhận những trò mê muội đó. Sư thầy bước ra chuồng, nhìn con heo cái nằm an nhiên, yên trí rằng nó đang thiền định. Tâm nó từng ngày lãnh nhận dần những quả đặc lợi. Chẳng có thần thánh thiêng liêng gì đâu, sư thầy chỉ nghĩ đơn giản là con heo có căn tu.

Chị bán vải đến chùa thường xuyên. Cái tâm chị tốt, muốn nương tựa vào tam bảo như một bến bờ vững chắc, và chị làm thiện nguyện chỉ mong phần đời còn lại được sống an lạc, chẳng đòi hỏi gì hơn. Thế nhưng đàn bà thường nhẹ dạ cả tin. Nghe người ta bảo bữa nhờ sờ vào tai Chú mà làm ăn

khăm khá lên, một cô mẫn kinh nói xoa đầu Chú thì hết bệnh nhức óc... Lúc đầu chị không tin lắm. Rồi nghe thêm mấy người khác nữa kể, chị đâm hoang mang, và tin. Ở đời đôi khi điều giả nhưng nhờ người ta nói hoài mà thành sự thật.

Lần thấy chị tắm cho heo, điệu Sanh hỏi: “Cô có xin Chú điều gì không? Cô tắm cho Chú hoài thể nào xin cũng được”. Vừa lúc ấy chị lần tay xoa vào phần bụng con heo. Chị nghĩ, giờ có xin cũng đã muộn. Rồi chị ngẩn ra cười méo mó, chắc mình có xin Chú cũng không thể cho, vì Chú cũng đâu có sinh được nhiệm mầu công lực ấy.

Buổi chiều chị xách làn từ chùa trở về nhà. Nước mắt tự dưng chảy. Không rõ đang thương heo hay thương mình.

Trò Chơi Của Khói

M

ỗi lần hành lễ, điệu Sanh được giao nhiệm vụ đốt nhang. Cầm bó nhang chúc xuống, bung tay cho các đầu nhang lơ lửng nhau, điệu châm lửa. Khói trắng bay lên xông thẳng vào mặt khiến Sanh chảy nước mắt, đôi lúc lấm lem như đang khóc. Khi nhang đã cắm vào bát, điệu chấp tay lại chờ sư thầy niệm hồi mở đầu bài kinh, Sanh vẫn không ngớt nhìn lên bàn thờ, khói bay từ một chấm sáng đỏ và vòng vèo lên trên, tựa một trò chơi nhập nhằng nào đó.

Qua mùa đông, sư thầy lại bận rộn hơn với những công việc bên ngoài chùa, chủ yếu vẫn là đi làm lễ cầu siêu cho các gia đình trong vùng. Ngày xưa, độ này trời lạnh, mùa giáp hạt, người chết nhiều. Vùng nghèo, chết thì chôn, dẫu có nghĩ đến việc tiếp dẫn đạo sư để linh hồn siêu thoát cũng chịu. Cái thời ấy sư thầy chưa về đây, ngôi chùa này chỉ là nơi đặt mấy lư hương lạnh tanh. Bây giờ có điều kiện hơn, người ta lại vờn thầy về để làm việc hiếu, độ cho âm siêu dương thái.

Nhớ những ngày đầu mới về trụ trì, thầy phải lo mọi việc, từ dọn dẹp khuôn viên, thiết trí lại chánh điện, sắp đặt bát nhang đèn dầu... Thế nhưng những việc ấy xem chừng vẫn đơn giản, khó nhất là làm cho người dân hiểu đúng đạo của thầy. Chùa có kang trang bao nhiêu, tượng Phật có rạng ngời chừng nào mà không có người tin tưởng thì cũng vô ích. Đạo Phật ra đời không phải để đặt đó, trưng ra cho người ta xem mà phải đưa đức tin vào con người để họ sống

tốt hơn. Thầy hiểu điều đó, nên việc đầu tiên sau khi đã an ổn nơi ở và thờ tự, thầy bắt tay ngay vào công việc đi tìm hiểu cuộc sống dân làng.

Mới đầu, người ta ngại giới tu hành, nghĩ sư thầy chắc cũng giống các ông bà lang băm chữa bệnh cùi hủi, hoặc tựa tựa mấy ông thầy đồng bóng nhảy nháy rồi hét toáng lên như giẫm phải lửa. Dần dà, thấy bộ dạng thông dong, vẻ mặt an nhiên của sư thầy, người ta cũng tôn kính. Có khi người ta mời thầy về làm một cái lễ trong nhà, bảo thầy cúng cho cả gia đình con mạnh khỏe, làm ăn khấm khá. Thầy nhận lời, nghĩ, đừng làm mất lòng tin của người ta. Ở đời mất cái gì còn lấy lại được chứ mất lòng tin thì khó vực lại lắm. Cổ vật giản đơn, chủ yếu bánh trái hoa quả cúng Phật, có trầm hương xông lên. Thầy tụng một bài kinh cầu an, xong ngồi lại nói chuyện với gia đình, đó mới là phần hành pháp chính. Thầy nói, đại ý, người ta muốn có sức khỏe thì bỏ bớt tham mê nhục dục, muốn giàu sang thì không gì ngoài lao động. Chứ dẫu có cầu trời khấn Phật mà tâm tánh vô minh, chân tay biếng lười thì cũng chẳng mang lại ích gì.

Giảng thì giảng vậy, chứ thầy cũng không mong người ta hiểu hết, chỉ cần họ thấu được một ít thôi là được rồi. Phá vỡ đi một thành trì mê tín cố hữu trong lòng người thật khó lắm thay. Trước khi sư thầy về đây, trong vùng người ta mu mu mê mê. Động một tí ốm đau lại kêu ông thầy lang cúng để đuổi con ma gây bệnh; trong nhà có người chết thì kêu ông thầy phù thủy về triệu hồn. Sư thầy biết vậy, nhưng đâu dám bài xích trò mê tín ấy ngay được một sớm một chiều, trong khi thầy mới chân ướt chân ráo về chùa và đạo Phật hầu như chưa bao giờ được người dân ở đây biết đến. Song, thầy vẫn giữ một niềm tin chắc chắn, rằng người ta ai

cũng có nhận thức, biết phân biệt đúng sai, nhận chân phải trái để mà làm theo. Ngày xưa, con đường gây dựng đạo pháp của đức Bổn sư còn khó hơn thế nhiều, trải qua hai ngàn năm trăm năm nay đạo Phật vẫn tồn tại và phát triển, há chẳng phải đây là một căn lành? Thầy nghĩ thế để lấy cho mình động lực mà hoằng pháp.

Có lần người ta thỉnh thầy về cồn Mai, bãi đất nghĩa trang chôn cất người làng, nhờ thầy tụng cho bài kinh địa mẫu. Kinh địa mẫu là kinh gì? Thầy đâu có biết. Là kinh cúng mẹ đất hay thổ địa, có người biết họ dùng để cầu cơ đó thầy. Ồ, đạo Phật không có tụng kinh đó. Tại người ta nghĩ kinh Phật ở đâu cũng tụng được, bệnh tật gì thuốc thang nấy, kiểu như mấy ông thầy phù thủy bịp bợm trước đây thường đặt ra một cách tùy tiện, hòng làm quảng gà mắt gia chủ mà thôi. Người làng không phân biệt được đâu là nghi lễ nhà chùa, đâu là nghi lễ cúng bái phong tục. Họ nghĩ đám ma có các đạo lộ để nhờ thổ thần dẫn đường linh cữu, thì nhà Phật có kinh địa mẫu.

*

Trong khuôn viên chùa, nằm chệch về phía bên phải là một đài âm hồn. Đài âm hồn có chuông vuông chừng mười mét vuông, xung quanh là tường xây năm lối gạch, trong đó đặt bát nhang. Tất cả nay đã cũ lắm rồi, rêu xanh bám lên trên nước xỉ xám. Ngày trước người ta xây đài âm hồn cạnh chùa là để thờ các vị thần, và dân trong vùng mỗi lần có chuyện chẳng lành, hoặc ai đi xa đều đến đây thắp hương cầu khẩn. Hằng năm, cứ đến rằm tháng tám làng lại mổ heo, hong xôi đội lên cúng. Thế thì luôn thể đặt lên bàn thờ trong chùa một phần xôi thịt. Có thờ có thiêng, có kiêng có lành.

Người ta nghĩ chỗ nào có bát nhang thì cứ đặt cỗ mà cúng. May thay khi đó chưa có tượng Phật, hoặc do chiến tranh loạn lạc, người ta chưa kịp an vị lên trên đó một bức tượng.

Từ khi sư thầy về chùa, tượng Phật đã có. Dân làng muốn làm gì trên chùa cũng đến hỏi ý kiến thầy. Thầy bảo trước mắt nên bỏ tục oản xôi thịt đối với bàn thờ Phật, cúng cỗ như thế là thiếu tôn kính Phật. Nếu có lòng thành, xin làng dâng hoa trái thôi là được rồi. Còn ngoài đài âm hồn, thì tùy quý vị, vì đây là phần lễ của hương thôn. Vị đại bái làng vừa nghe sư thầy giảng, vừa gật nhẹ đầu, tỏ ra tâm đắc. Bữa sau họp làng, quyết như ý kiến của sư thầy.

Cách đi vào lòng dân của thầy nhẹ nhàng cẩn trọng như vậy.

Trước nay mỗi lần lễ ở đài âm hồn, ban hương sự của làng tự cúng, vị đại bái làm chủ lễ. Lần này có sư thầy về, người ta thỉnh thầy ra cúng cho, dù sao có thầy vẫn linh thiêng hơn. Thật khó xử cho thầy, vì cỗ vật làm mặn thì bậc tu hành đâu dám cúng. Hay thầy ra đứng chứng giám cho chúng tôi cũng được. Thú thật, kể từ ngày có thầy về, dân làng sống yên ổn hẳn, mùa màng bội thu, gió mùa thôi thốc mạnh. Lần này có thầy ra chứng lễ thì càng hay.

Niềm tin nhiều khi là động lực cho con người, nhưng có lúc lại làm con người bị chèo kéo khỏi quỹ đạo vốn dĩ của mình. Bữa nay xem ra người làng đã tin cần thầy lắm rồi đấy. Cơ hội càng rộng mở để thầy giáo độ chúng sanh. Không ra dự lễ có khi đánh mất một lần củng cố niềm tin, lại dễ khiến dân họ nghĩ thầy làm cao. Thầy miễn cưỡng đi ra đài âm hồn, điệu Sanh cũng chạy theo.

Vị đại bá nhập lễ, đọc cáo văn, rồi ban hương sự của làng thứ tự theo tuổi tác lớn đến nhỏ vào lạy. Sư thầy đứng bên nhắm mắt, tay lần tràng hạt cố gắng giữ tâm thật an nhiên, dặn lòng đừng tỏ ra bất cứ sự nao núng nào. Điệu Sanh liếc sang cái đầu heo, chỉ thấy vui vui chứ không thèm. Nhưng ngó tới mâm xôi đầy, thì... nuốt nước miếng như thằng Bờm khi xưa thấy cục xôi của phú ông.

Người ta cắm thêm nhang vào quanh đài âm hồn, cho các vong linh vất vưởng thêm chút hơi ấm. Khói xông lên, điệu Sanh lại chảy nước mắt. Xem chừng điệu ấy sắp khóc đến nơi rồi. Khi xong lễ, sư thầy vái chào các cụ rồi đi lẹ vào tịnh thất, mắt cũng rơm rớm.

*

Nhà người ta có con chết nước mùa lũ, cũng nhờ thầy về làm lễ triệu hồn, gọi hồn về nhập với xác. Thầy bảo không được đâu, nên tụng kinh cầu siêu chứ sao lại gọi hồn về chi nữa. Cầu siêu là sao? Là để cho linh hồn được siêu thăng về miền tịnh độ, cho họ thoát khỏi khổ đau cõi người, chứ triệu hồn về nhập với xác rồi giữ họ dưới đất ấy à. Gia chủ nghe thấy phải, chấp thuận.

Phần nhạc lễ trong cúng cầu siêu phải có thêm một chiếc tang (vật nhỏ như cái đĩa con dẹt, bằng đồng, cán trúc). Hồi năm ngoái thầy kiếm được một miếng đồng ở quầy phế liệu, đem về dùng đá tán một buổi chiều mới được. Rồi thầy dạy cho điệu Sanh cầm một nan tre cong để gõ tang. Nhịp gõ khi mạnh khi nhẹ, sao cho âm đồng vừa đi đúng mạch bài kinh, vừa có tác dụng làm vơi khổ đau của quý thân chủ. Khi người sống an tâm, không còn lưu luyến nuôi tiếc nữa

thì linh hồn mới đăng siêu thoát. Ý nghĩa tiếng gõ tang là thế.

Điệu Sanh đứng bên thầy gõ tang. Trong nhà gia chủ cứ thắp nhang từng bó, cho rằng đốt càng lắm nhang thì lời nguyện cầu càng linh. Khói bay lên nghi ngút, thì thoáng gió vượt qua, bao nhiêu khói cứ vồ vào mắt chú tiểu. Sanh nhắm mắt lại, cố gắng đừng để nan tre trong tay không lạc nhịp tang. Thế mà đôi khi vì quá cay mắt, điệu phải dừng lại đưa tay quạt dưới chân mày thật nhanh rồi mới gõ tiếp được.

Hai bên bàn thờ treo rất nhiều đồ vàng mã: áo quần, mũ mao, giày dép, gương lược, hòm rương... tất cả đều bằng giấy màu, làm y như thật. Mỗi thứ như thế có đến năm sáu bộ, nghe nói về dưới ấy, còn phải chia chác cho các quan giữ cửa âm ty nữa nên mới dâng cúng nhiều thế. Không rõ ai chết rồi quay về báo mộng cái trò mua chuộc này, hay là thấy chốn người sống có sao thì cõi người chết y vậy. Trần đời đang rỉ tai nhau chuyện bây giờ cứ là phải quà cáp dứt lốt thì việc mới xong. Sư thầy không cảm đoán được việc đó, âu cũng bởi cõi người còn chìm ngập trong cảnh tranh tối tranh sáng, mình thầy ở chốn vắng đạo này thật khó lòng lôi người ta ra khỏi mê tín và cám dỗ ngay được.

Cuối lễ, gia chủ đem hóa vàng tất cả mớ lũng lĩnh đồ giấy. Cứ chọc que vào mà cời cho lửa bén, tàn đen bay lên mù mịt, khói xám lôm côm đè nhau bươn lên trời. Khói xoáy vào mắt đầm đìa. Con ơi con, nhận đi mà mặc, dưới kia lạnh lắm phải không?

Thầy bảo, đốt thế không sợ con nó cảm thấy đủ đầy quá mà ở mãi dưới địa ngục âm ty à? Chi bằng tĩnh tâm nguyện cầu mười phương hộ trì sáu căn, cải nghiệp cho hồn được lên cõi

cực lạc. Gia chủ nín thinh, nghe chừng cũng lộn tai, nhưng lần sau đâu lại vào đấy, vẫn cứ sắm sửa cho nhiều rồi đốt thành tro. Càng ngày người ta càng làm ra nhiều thứ hàng mã y như thật, đến cả ô tô xể hộp cũng có.

Mỗi lần thầy làm lễ tại gia xong, ra về, thể nào người ta cũng đùm một túi hoa quả cho đệ tử Sanh. Chú tiểu xách túi quà lủng lẳng, ngồ ngộ, hai con mắt đỏ hoe vì khói. Hai thầy trò quảy túi nải, trở về chùa, phía sau khói vẫn chưa ngớt, phía trước cánh đồng vừa xong mùa gặt, ai đó đốt rơm cho khói bay lên trời kết mây xám. Buổi trời râm râm ử ử.

Đệ tử Sanh đưa cái túi quà lên ngắm nghía. Nhiều quá thầy ơi! Ăn sao hết đây? Thầy trả lời vu vơ, cứ như là đang nói với chính mình: của chúng sanh trả ơn, ăn thì cũng hết, chỉ có điều sợ không làm sao thỏa lòng người thì khó mà nuốt cho trôi.

Lạc

C

ứ ra Giềng sư thầy lại vào thất như một nguyên tắc thiền định để bắt đầu kế hoạch tu hành của một năm. Thường thì sau nguyên tiêu, vào một ngày sương phớt nhẹ và nắng ửng hồng, thầy gói ghém ít tư trang rồi khởi thân từ sáng sớm. Mỗi lần nhập thất thầy lại hoàn thành một bộ pháp thoại để truyền giảng trong mùa an cư kiết hạ sắp tới. Riêng mùa thất năm nay thầy còn thêm ý định là muốn lánh đi đâu đó một thời gian.

Điều này chỉ thầy biết mà thôi. Thầy không nói ra với ai, kể cả với người mà thầy muốn họ hiểu. Đây là chị bán vải. Nói với chị điều ấy chắc chị buồn lắm. Chị luôn coi thầy là chỗ dựa tinh thần, một nơi an toàn để trút ra những tâm tư thể thái và nhận về niềm an ủi để thông dong đi hết cuộc đời cô đơn còn lại. Nhưng sự đời vốn không đơn giản thế. Một khi con ong đã tìm thấy hoa thơm thì ắt hẳn nó muốn lấy mật. Mà hoa ấy sinh ra không phải để rủ rê loài ong, lại càng không phải chỉ để ứa ra chất ngọt quyến rũ. Thầy từng giảng về thuyết vô thường cho chị nghe. Rằng ở đời mọi sự biến hóa khôn lường. Chuyện gì cũng có thể xảy ra. Đừng quá tin vào bản thân mình, khi mà người ta chưa vượt qua tự ngã thì lý trí khó điều hành nổi ham muốn. Nói điều ấy là lời răn cho cả thầy và chị.

Phía bên ngoài thất, sư thầy kê ba hòn đá vững chắc làm cái đầu rau đun lửa. Buổi sáng thầy dậy sớm nấu nước sôi và thực hành nghi thức thiền trà thay cho điểm tâm sáng.

Cơm trưa thì điệu Sanh đưa từ dưới chùa lên. Buổi chiều thầy tự nấu cơm, ăn với muối mè hoặc nước tương đậu.

Nghe kế hoạch vào thất của thầy, chị bán vải có vẻ áy náy, bảo thầy ăn uống như thế chắc không đủ sức khỏe để ngồi thất và làm việc đâu. Thầy cười, hành đạo ở trong tâm mình thì câu nệ gì chuyện ăn uống. Người ta đói đôi khi là do cứ mãi nghĩ đến miếng ăn, chị ạ, nhiều lúc cái ruột rỗng mà trí tuệ thông suốt thì cũng chẳng thấy đói.

- Con xin phép thỉnh thoảng được cúng dường thầy một bữa cơm chiều. Coi như chút công quả trong mùa nhập thất. Cũng là dịp để nghe thầy nói pháp. Được không thầy?

Sư thầy cảm thấy hơi choáng trước ý nguyện của chị. Cho chị lên thất chẳng khác nào mượn chỗ cho hổ gầm gào. Ai biết được ở nơi tĩnh mịch chuyện gì sẽ xảy ra. Để cầm lòng được chẳng khi mà trời ở trên cao đất ở dưới thấp rừng cây che khuất.

- Thế phiền chị quá! Mà chị chưa quen đường khó đi lắm – Thầy nói, có ý thoái thác công đức phò trì của chị.

- Con cứ đi theo đường mòn là tới thôi chứ gì?

- Thì một đúng vậy. Từ chùa dẫn lên thất chỉ có một lối mòn, nhưng không phải cứ cầm đầu đi thẳng là tới được. Coi chừng lạc lối lúc nào chẳng hay.

Ý thầy không phải nói tới cái sự lạc của bước chân. Bàn chân đi theo sự điều hành của lý trí. Mà lý trí liệu nếu không sáng suốt thì tư tưởng dễ lệch lạc. Chị vẫn cứ nằng nặc đòi lên thất gặp thầy. Nghĩ cũng cam go đây. Thật khó lòng từ chối. Không có lý do nào ngăn cản được chị. Nếu thầy nói thật lòng mình là muốn tránh chị một thời gian thì phũ

phàng quá, lại sợ chị nghĩ khác ý thầy, không còn tin tưởng thầy như trước nay nữa. Mà nói dối lòng mình thì thật không đành chút nào. Thầy bèn miễn cưỡng gật đầu đồng ý, cảm ơn tấm lòng của chị và không quên nhắc khéo.

- Ở trên ấy tôi tự lo được, mấy mùa thất rồi chớ có phải lần đầu đâu.

*

Thầy dành ngày nhập thất đầu tiên để chăm chút lại túp lều. Thật ra là chỉ đi quanh nhặt nhạnh ít cành cây khô, rồi vào trong sắp đặt mấy thứ đồ đạc cho ngay ngắn. Cái bát trầm mới đem ra chùi buổi sáng đến chiều thầy bê ra chùi lại. Cứ như thể là bày việc ra mà làm cho đỡ tẻ. Lần vào thất này xem ra khó yên tĩnh hơn những lần trước đây.

Mảnh đất phía sau thất cỏ lên um tùm. Từ mùa thất năm ngoái đến giờ thầy ít khi lên đây lại. Chỉ đôi ba lần đi tìm mấy thể cây chơi bon sai thì có ghé qua. Bận quá không dọn dẹp. Với lại cỏ dại cây rừng, có thu vén xong mấy bữa sau nó lại mọc lan ra nhanh lắm. Không chừng dọn dẹp lại phá hỏng mất mấy cái tổ của chim thú rừng thêm mắc tội. Thầy quơ cây gậy tre, đánh động vạt bụi rậm coi có con gì ngụ ở đó không rồi mới yên tâm bút cây phạt cỏ.

Sáng hôm sau thầy cuốc đất, lật lên từng miếng to vừa nhát cuốc rồi qua suối lấy nước về tưới cho đất giữ nước. Chờ đến chiều cho đất rút ráo nước thầy xoay tai cuốc đánh tơi đất. Thầy đem hạt cải giống mang từ dưới chùa lên vãi ra. Coi như một cách tăng gia, tự làm nên thức ăn cho những bữa cơm chiều trên thất. Lá cải này đem nhúng nước sôi chấm với nước tương xì dầu thì hết ý. Thầy vừa tria hạt xuống đất vừa nghĩ, cái công việc này giống như gầy chủng

tử vào trong A-lại-da thức. Mà sao ta lại tự tiện đi gieo những chủng tử đẳng đót nhỉ?

Buổi tối thầy châm đèn cho rạng lên rồi xếp bằng ngồi trong tư thế kiết già, nhắm mắt hướng về phía ngọn lửa. Ánh sáng mờ động lại trên võng mạc nhật dần lò ra tạo cảm giác nhờ nhờ hồng đỏ, ấy là khi đã nhập được quang thiền. Nhưng chốc lát có gió thoảng qua, ngọn đèn lập lên khiến vùng sáng lại đậm hơn. Như thế thì chưa thiền được. Đừng tưởng nhắm mắt mà không thấy gì, cố sao người mù lại bằng được qua đường. Chẳng phải ở một mình nơi miền hẻo lánh này mà không gặp bóng người đâu. Cái bóng lửa tưởng như đã khai ngộ ấy bùng lóe là chứng tỏ tâm mình chưa yên.

“Ta cô đơn quá, muốn hắt sáng lên một chút để đỡ tẻ!” Thầy cảm nhận được lời của búp lửa, hay chính là tâm tư của thầy lúc này đây. Ngọn lửa dẫn đường đi tìm chánh pháp mà còn thế làm sao soi tỏ đường cho người khác được. Thầy tự nhủ lòng chắc mới hôm đầu tiên nên chưa nhập tâm vào thiền định thôi. Nếu mà so với mấy bận trước thì coi như đêm nay thầy chưa đạt được gì. Chắc do tuổi tác, già thêm một xuân thì cái sức chống chọi với giá rét kém đi, và sức đề kháng trước căn bệnh cô độc càng suy giảm.

*

Đệ tử Sanh đưa cơm trưa lên thất đúng giờ Ngọ. Sắp ra theo cách dùng cơm của thầy khi ở dưới chùa. Ăn bằng cái thìa kẽm nhỏ. Đũa tre thì dùng để gắp thức ăn vào bát. Nước canh múc bằng cái muôi nhựa to. Nhất quyết không chọc muôi kẽm vào đĩa thức ăn hoặc bát lớn đựng canh. Làm như

thế để nước bọt không vướng vào thức ăn, lỡ có thừa ra thì vẫn còn dùng được cho bữa sau.

Thầy thợ trai chậm rãi, cảm giác không ngon miệng lắm. CƠM chay do quý đạo hữu nấu cúng dường ở dưới chùa đưa lên, vẫn thức nêm vừa miệng thầy mà sao bữa nay thấy khó nuốt quá. Chắc là do thầy ăn một mình, lại thêm mấy ý nghĩ cứ lờn vờn trong đầu khiến thầy không để tâm thưởng thức. Vội được một bát, thầy ngó qua hỏi đệ tử Sanh:

- Mấy bữa nay dưới chùa có yên tĩnh không?

- Dạ, vẫn yên ạ!

- Có ai đến văn cảnh chùa hay viếng hương Phật không?

- Không ạ, chỉ có mấy đứa trẻ chăn trâu bên đồng vào leo cây ngô đồng hái quả. Mải hái để trâu đi lạc, nghe tiếng kêu chúng nó rung cây nhay xuống, lá rụng nhiều thầy ạ!

- Thế không có ai tới kiếm thầy à?

- Dạ, chắc họ biết thầy lên ở trên thất nên cũng không tới.

Thầy múc nửa bát nước canh, hớp dấm thìa cho suôn miệng. Thôi vòng vo, thầy hỏi thẳng cái điều đang muốn biết:

- Thế chị ấy cũng không đến chùa sao?

Đệ tử Sanh ngập ngừng một lát mới trả lời được:

- Thưa thầy, mấy bữa chiều nay con hay đi chơi quanh xóm nên không biết chị có đến không nữa.

Sư thầy im lặng một lúc, hơi thất vọng về câu trả lời ấy. Thầy nhắc nhở đệ tử:

- Dừng dưng vô tâm thể không phải người nhà chùa đâu con. Mà thầy nhắc con mấy lần rồi, đừng có tự ý đi chơi khi vắng thầy. Đi lung tung có ngày lạc đường đấy.

Đệu Sanh đưa tay lên gãi gãi trên đầu, không có tóc thì ngứa ngứa gì đâu mà gãi. Đệu muốn nói tại không có thầy buồn quá mà đi chơi thôi, sao thầy trách con. Túm kẻ có tóc, ai túm kẻ trọc đầu.

*

Đến ngày thứ ba sư thầy đã thấy vắng vắng, đang viết thì thôi chớ rảnh ra tí là lại bồn chồn, đợi chờ một điều gì đó. Lúc mặt trời dồn về phía trời tây, chệch hướng nắng so với mặt đất một góc chừng bốn mươi độ là thầy lại ngong ngóng bữa cơm chiều. Nếu chị cúng dường cơm thì phải đưa lên từ sớm để thầy khỏi chuẩn bị. Ờ hay, biết chị có đưa cơm lên không mà chờ. Thầy tự nghiệm lại pháp an nhiên, rằng đừng có chờ mong chi cả, điều gì hội đủ duyên thì nó tới.

Nhìn theo lối đường mòn, phía trước những rặng cây che khuất, nếu có một người tới thì bàn chân giẫm lên xác lá khô nghe rào rào liền. Đôi khi chỉ vì gió thoảng qua khiến rừng động, tâm thầy cũng lao xao như lá, tự hỏi có phải ai đó đang lên đây với ta?

Thầy lật sách, đọc lại tạng Chuyển pháp luân, bộ kinh đầu tiên mà đức Bổn sư đã giảng trong vườn Lộc Uyển sau khi chứng đạo. Chuyển pháp luân nghĩa là quay bánh xe, người ta muốn đi xa trước hết cần một sự khởi hành ráo vát, cần có chánh tâm sáng suốt để xác định phải bắt đầu theo hướng nào. Và muốn khỏi lạc trên hành trình đã chọn thì

bánh xe phải được quay trong định tâm, đừng nao núng khi gặp ngã ba. Kinh Chuyển pháp luân khuyên bậc tu hành không nên vướng phải hai điều cực đoan: tự làm khổ mình và chìm đắm vào dục vọng thấp hèn. Có khi thầy đang phạm vào cả hai điều ấy chẳng?

"Tâm dục ắt chúng sanh dục

Tâm tịnh ắt chúng sanh tịnh

Muốn được tịnh độ, trước cần tịnh tâm

Tùy tâm mình tịnh, xứ Phật tịnh theo

Ba giới tu tịnh tự nhiên thành tựu".

Chiều hôm đó, sau khi đã tụng nghi thức Tịnh độ, thầy mới bắt tay vào công việc soạn pháp được. Xung quanh rừng cây xem ra đã yên lặng và thầy nhập tâm viết một mạch ba trang giấy. Nét chữ ngay ngắn đều đặn chảy ra đầu ngòi bút. Thầy đang khởi viết về sự khổ của vọng tưởng. Nhập đề bằng cách nhắc lại khổ đế, bản chất cuộc đời là đau khổ. Rồi dẫn dắt ví von bằng những câu chuyện đời thường. Cái khổ trước tiên nảy sinh từ trong suy nghĩ của ta. Tư tưởng chưa thông vác bi đong không nổi. Xem ra thầy đang viết pháp thoại này để tự nhủ với mình. Nhưng viết ra được liệu có thực hành được.

Thầy chấm ngòi bút xuống giấy, đánh mục hai là ý thực tự giác trong việc thực hành diệt đế, rồi dừng lại đi ra ngoài thư giãn. Vừa lúc ấy chị bán vải mang cơm chiều lên thất. Hai người chạm mặt nhau ở cửa thất. Bỡ ngỡ. Bất ngờ. Vô thường mà bất thường. Trúc xinh trúc đứng đầu đình, tới chi nẻo thiền thêm quấy quá trúc ơi.

- A di đà Phật! – Thầy chấp tay niệm ngay danh hiệu vị Phật giáo chủ cõi tây phương cực lạc. Người nhà chùa thường dùng danh hiệu của Ngài thay cho lời chào nhau, hoặc để thốt lên lúc gặp sự bất ngờ, giống người ta kêu lên một tiếng “ồ” mỗi khi tâm xao động.

Chị mỉm cười hiền hậu, nhẹ nhàng đặt cái giỏ mây xuống rồi sắp cơm ra chiếc bàn gỗ mà thầy đã kê sẵn bên mái hiên ngôi thất. Từng động tác cẩn trọng, chu tất như đang soạn sửa bữa cơm chiều cho gia đình. Ở đời nhiều khi chính cái dịu dàng lại làm tê liệt mọi sự mạnh mẽ đấy chứ chẳng phải chơi. Trong lúc chị bày cơm thì thầy đi lui sau chưng lấy nước thanh tẩy mặt mày tay chân. Liệu có thể thanh tẩy tâm mình được chẳng? Sao ta nghe nhoi nhói trong lòng một cảm xúc khang khác. Có chút mừng gặp gỡ xen lẫn trong nỗi âu lo. Như thể người xuống bến chao chân, vừa mát nhưng vừa sợ trượt ngã.

Thầy ngồi vào chiếc ghế đối diện với chị, chấp hai tay cúi đầu nhẹ như để cảm tạ công lao người trồng ra hạt lúa ngọn rau và công quả cúng dường cơm chay của thí chủ.

- Mời chị thọ trai! – Thầy nói khẽ.

- Dạ. Con mời thầy. Con xin phép đi đun nước pha trà.

Nói xong chị đi về phía sau thất, gác mấy nhánh cây khô nhúm mỗi lửa. Lát sau khói đã xông lên uôm kín một góc mái thất. Thầy đang dùng cơm, ngửi được mùi khói thơm và cảm giác có sự ấm áp khác thường.

Thầy hớp năm thìa canh rồi đặt bát xuống. Thọ thực xong. Chị vừa rót trà vừa mời khéo:

- Sao thầy không dùng thêm một bát nữa?

- Tôi đủ rồi chị ạ. Cơm ngon lắm!

Chị tỏ vẻ mừng. Phụ nữ có một bốn phận lấy làm hạnh phúc, đó là sẵn sóc bữa cơm cho gia đình. Nghe thầy khen cơm ngon, chị vừa vui vừa nhớ. Ngày trước chồng chị cũng từng khen như thế. Cơm ngon canh ngọt. Nhưng quả đắng trong hạnh phúc nào ai ngờ. Giá hồi ấy chị sinh cho anh được một đứa con thì giờ này chắc chị cũng đang ngồi ăn với gia đình và mãn nguyện ngắm nhìn những miếng ăn ngon lành. Đối với chị bây giờ ngôi chùa là căn nhà trú ngụ tinh thần và sư thầy như cây cột chắc chắn để nương tựa.

- Hay là... Từ nay con xin đều đặn cúng dường thầy cơm chiều nhé? Buổi chiều con không mở quán vải, ở dưới nhà nhàn rồi cũng buồn thầy ạ!

- Cảm ơn chị. Tôi tự lo được mà. Cứ có người lo cho riết rồi mình sinh ra ỉ lại. Bữa trưa đệu Sanh đưa cơm lên đây là được rồi.

Nhắc đến đệu Sanh, chị chợt nhớ ra là lúc nãy ghé sang chùa, thấy vắng Sanh. Hỏi bác quản tự thì nghe bảo đệu ấy đem cơm lên thất từ trưa vẫn chưa về. Sư thầy đâm hoang mang khi biết tin. Lại cái tính ương ngạnh và ham chơi của đệu Sanh. Thầy biết mỗi lần lên thất, đệu ưa đi theo mấy đứa trẻ con vào sâu trong rừng tìm bắt chim và hái quả dại. Nhắc nhở bao nhiêu lần rồi đệu vẫn quên. Có khi mấy đứa trẻ con dùng ná bắn chim rồi vật lông, nhúm lửa nướng lên ăn nữa.

Thầy nhìn ngược về phía đỉnh núi, thấy một cột khói bay lên mờ mờ. Dể đệu Sanh đang ở đó lắm. Trẻ con cứ thấy vui là

tối, có ăn thì ở chơi không biết chán. Phải đi tìm điệu ấy về thôi, trời sắp tối rồi.

Chị cũng đi theo thầy. Hai người nhắm theo hướng cột khói. Khu rừng cỏ dại mọc cao che lối. Không hề có một con đường mòn nào dẫn lên trên đó cả. Vì thế họ cứ đi theo cảm tính. Đôi khi biết cái đích đến, xác định được phương hướng rồi mà chướng ngại trên đường đi khiến ta vẫn bị lạc. Trời tắt nắng nhanh, mặt trời khuất sau núi, bóng tối tràn qua khu rừng như khiêu khích người ta chơi trò trốn tìm.

Cuối cùng họ cũng tìm được tới cái chỗ phát khói kia. Chỉ có một đồng lửa nằm bên khe suối, hình như là của những người đi qua rừng lúc chiều đốt lên nướng cá. Trời đã tối muộn, rừng cây chìm trong một màu đen đặc. Đến lúc này thầy mới nhớ ra là chiều nay điệu Sanh đi học bù ở trường, có xin thầy cho ở lại một lúc để tập duyệt chương trình hội thi tìm hiểu luật an toàn giao thông. Sao thầy lại có thể quên khuấy đi được cơ chứ. Vậy là điệu ấy không đi lạc đâu cả. Chỉ có thầy và chị bây giờ không thể tìm được đường về ngôi thất.

Đành ngồi lại đây chờ đi đâu nữa.

Vẫn may là còn một đồng lửa, không thôi có khi nửa đêm trời lạnh phải ôm chầm lấy nhau cho đỡ rét. Mà biết đâu được? Một khi đã lạc thì khó ai lường trước chuyện gì sẽ xảy ra.

Trò Chơi Nơi Cửa Thiên

Mùa hè, dù nắng có gay gắt thì khuôn viên chùa vẫn râm mát bởi những tán cây đã bao phủ gần hết. Và góc vườn phía tây là nơi điệu Sanh vẫn thường cùng mấy đứa trẻ xung quanh xóm tụ lại chơi đùa. Buổi chiều, khi trời đã khéo nghiêng nắng là vài đứa lại chui vào vườn, đợi sẵn ở đó. Điệu Sanh tụng kinh xong, hoặc vừa hoàn thành nốt mấy bài tập thầy giao liền chạy ra chơi.

Sư thầy chẳng ngăn cấm chuyện chơi đùa của đệ tử, âu cũng bởi điệu Sanh còn nhỏ, vui chơi cũng là việc cần thiết để trẻ con được lớn lên. Mà biết đâu chính trong trò chơi, trẻ con lại được học hỏi, được rèn luyện và tu tập.

Điệu Sanh chơi thân nhất với hai đứa bạn trong xóm, đó là thằng cu chẵn trâu và con bé chẵn bò. Mùa này bên đồng người ta đã gặt hái xong. Đất vùng cao, thủy lợi khó khăn, chủ yếu nhờ vào mưa trời nên mỗi năm chỉ gieo một vụ lúa. Phải đợi đến cuối năm mới gieo lại. Vì thế cánh đồng bỏ hoang, trẻ chẵn trâu mặc sức thả rong trâu bò để đi chơi.

Sanh vừa chép kinh xong, gấp vội cuốn vở, chạy ào ra vườn. Vừa gặp hai đứa bạn đã hỏi:

- Chiều nay chơi trò chi?
- Có trò này hay lắm, nhưng sợ Sanh không chơi được – Thằng cu nói.
- Trò chi nghe hấp dẫn quá – Điệu Sanh tò mò.

- Trò đám cưới giả đó. Sanh đầu trọc lóc làm sao chơi?
- Trọc cũng làm chú rể được chứ sao. Không thấy trên ti vi mấy cầu thủ đá bóng trọc lóc cũng có vợ đi theo đấy thôi.
- Được rồi. Thế Sanh cầm cái này.

Thằng cu nói xong cầm lấy một chùm hoa dại đưa cho Sanh. Rồi nó lấy một cái vòng nguyệt quế kết từ lá mít đội lên đầu con bé chặn bò.

- Sanh là chú rể. Bé làm cô dâu nhé. Nào, bắt đầu. Khoác tay nhau và bước đi!

Thằng cu nhanh nhẩu đóng vai trò làm người chủ lễ. Vừa ra lệnh vừa đọc vè:

Chú rể cô dâu

Cặp kè tay nhau

Chú rể đi trước

Cô dâu bước sau

Làng nước nối nhau

Cùng đi đám cưới

Ai cũng phơi phơi

Ai cũng vui tươi

Cô dâu chú rể

Làm bể bình bông

Hát đến đó thì điệu Sanh tung nắm hoa dại lên. Cả ba đứa trẻ cùng cười khoái chí. Sư thầy và chị bán vải đang ngồi

nói chuyện nơi chiếc bàn nước kê đầu thềm hiên. Nghe tiếng cười to, thầy đứng dậy định bụng đi ra nhắc nhở.

Thầy sư thầy vừa bước xuống sân. Thằng cu đã hét lên: “Trâu chạy lạc”. Rồi kéo lấy tay con bé chạy về phía cánh đồng. Chỉ còn điệu Sanh đứng trơ trọi một mình.

Sư thầy bước tới. Chị cũng đi theo tự lúc nào. Điệu Sanh mặt vẫn còn hớn hở sau trò chơi rất khoái vừa rồi.

- Chơi chi làm náo sân chùa vậy con?

- Dạ. Chơi trò đám cưới. Con làm chú rể đó thầy.

- Hết trò sao đi chơi trò đó. Vui không?

- Dạ, vui lắm thầy. Thầy chơi không? Hôm nào thầy với cô làm cha mẹ nghe. Đám cưới phải có cha mẹ nữa mới đầy đủ, phải không thầy?

- Ừ, ừ...

Thầy trả lời qua quýt rồi nhủ điệu Sanh nhặt lấy mớ hoa dại với lá mít gom vào sau túi rác. Đừng quấy bẩn vườn chùa. Nói đến đó thầy quảy lưng, thông thả đi theo dọc lối hàng hoa lan đất. Chị cũng lần chân theo.

- Thật là rắc rối với chú tiểu này. Hết trò nọ tới trò kia. Toàn những thứ trẻ con nhưng sao khiến ta khó xử quá chừng – Thầy nói, kiểu như vừa muốn tâm sự với chị, lại như thể muốn phân bua rằng đây là một bài toán.

- Trẻ con mà thầy. Cũng vui chứ sao. Ngộ nghĩnh nữa. Mà trẻ con khôn thật thầy ơi! Thấy người lớn có sao chúng học đòi thật nhanh. Trò đám cưới đó.

- Ủ. Nhưng đám cưới liệu có phải là một trò chơi của loài người chăng?

- Dạ. Con xin nghe. Thầy nói tiếp đi.

- Thường thì người ta tiến tới hôn nhân một cách hồn nhiên, vô tư, học đòi, giống trẻ con. Nhưng sau đó thì mỗi người xử lý theo cách riêng, chẳng ai học được ai và cũng không thể vô tư như trẻ con được nữa.

- Con vẫn chưa hiểu được ý thầy.

- Ý tôi là. Con người ta thường đi vào si mê rất dễ. Nhưng tháo gỡ cái si mê thì thường khó khăn. Đây là cái sự luẩn quẩn của thế gian trong cõi ta bà.

*

Mấy hôm nay thầy cứ hay nghĩ ngợi chuyện của điệu Sanh. Điệu ấy vào chùa chỉ để cải nghiệp thôi, chứ không phải tu hẳn. Thế mà thầy quên mất. Nhưng những chuyện gần đây đã nhắc lại cho thầy nhớ ra. Thầy nghĩ, có khi điệu ấy đã cải được nghiệp rồi. Thử cho điệu ấy về với gia đình xem sao. Ôi, chỉ mới dự định thế mà thầy đã cảm thấy hơi buồn. Vẳng điệu Sanh chắc sân chùa sẽ tẻ ngắt lắm đây. Thiếu tiếng nói tiếng cười, thiếu những trò nghịch của điệu ấy có khi thầy lại chứng hững, khó mà tu cho yên.

Thầy chợt nhớ lời tâm sự của ông nội Sanh nói khi đưa cậu vào chùa. Bố mẹ Sanh lấy nhau bốn năm trời không có con. Cầu trời khẩn Phật, chạy đôn chạy đáo khắp nơi cuối cùng mới được. Sanh như đứa con cầu tự, vì thế mà tính tình cậu ương bướng. Ông nội muốn đưa vào chùa cải nghiệp vài năm rồi đưa cậu hoàn tục để làm phận sự nối dõi tông đường. mấy lần ông nội lên chùa thăm Sanh, dò xem cậu có

tiền bộ không, rồi nếu thuận lợi thì cho cậu về. Sanh có tiền bộ thật, nhưng điều ấy lại cứ muốn ở chùa và dường như quên hẳn gia đình. Ông nội buồn lắm. Sư thầy cũng chia sẻ điều đó, thầy bảo:

- Giống như nhân duyên và căn lành. Ta không nên cưỡng lại sự sắp đặt tiền định.

- Tôi vẫn muốn cháu về sớm với gia đình, thầy ạ – ông nội tỏ bày.

- Cửa từ bi rộng mở và không ép giữ ai.

Đêm. Sư thầy nằm nghĩ chuyện quan niệm ở đời, người ta bảo không có người nổi dối là tội bất hiếu nhất. Chính thầy cũng đã phạm phải khi ngày xưa bỏ nhà đi tu. Và đôi lần về thăm nhà, nhìn ánh mắt ông cụ thân sinh thầy lại day dứt trong lòng. Dù ông cụ không nói ra, nhưng thầy biết cụ rất thèm khát một đứa cháu để mãn nguyện khi về với tiên tổ. Có khi thầy tu cho trọn đạo Bốn sư mà đánh mất đạo làm con. Đó là một nghịch chướng của giới tu hành.

Chao ôi, chuyện giống nòi có khi là vấn đề quan trọng bậc nhất và ảnh hưởng đến cả đời con người ta. Chỉ trong ngôi chùa này thôi đã có đến ba người mắc phải. Sư thầy, điều Sanh và cả chị bán vải cũng thế. Chị chỉ vì không sinh được mà phải ly dị. Chị chấp nhận thiệt thòi về mình, nhưng nhất quyết không để anh chồng có tội với tổ tiên.

Nơi cửa thiền, có một trò chơi tiềm ẩn dành cho cả ba người. Một người đã chơi xong, thất bại nên luyện lưu nuôi tiếc, một người đang chơi và kết quả vẫn chưa biết sao, một người thì sẽ phải chơi trong tương lai.

Từ sau bữa bị sư thầy bắt gặp trò cô dâu chú rể, không thấy mấy đứa trẻ chơi trò ấy nữa. Dù chỉ là trò chơi, nhưng nó tựa tựa đời thật. Một lần hôn nhân đã bị ngăn cấm thì người ta dường như không thiết tha với nó thêm lần nữa. Có chăng cũng chỉ là vá víu an ủi thôi.

Một lần Sanh hỏi:

- Thầy ơi, có phải sau này con cũng lấy vợ không?

Thầy cười.

- Cũng tùy thôi con, nếu con còn ở đây với thầy thì không. Nhưng nếu con về nhà thì chắc là có đấy.

- À, hay là con về nhà, lớn lên lấy vợ rồi quay lại vào chùa với thầy?

- Sao con lại nói vậy?

- Tại con thấy thái tử Tất Đạt Đa cũng đã từng có vợ rồi mới xuất gia đó thôi.

Nhắc lại chuyện lịch sử đức Bốn sư, thầy mới nhớ có lần khi phân tích lý nhân duyên, thầy đã gặp phải kiến giải này. Là tại sao đức Phật lại có vợ, có con? Người ta giải đáp rằng bởi thái tử phải hoàn thành sứ mệnh của một người con đối với cha, một bậc quân vương với thần dân. Ngài đã trọn cái đạo làm người rồi mới đi tìm giác ngộ. Lại có chuyện một vị sư, chỉ vì thương người mà ban cho người phụ nữ nọ một ân huệ được làm mẹ. Để rồi cuối cùng chính cái cách làm phước đó khiến thầy phải chết. Vậy là công lao tu tập mấy chục năm tiêu tan sao? Hay là vị thầy ấy đã đạt đạo hiểu, lại chứng được giải thoát? Tùy nhận định của mỗi người.

Chữ hiếu thật nặng. Người xưa đã khéo biết điều đó và đưa vào trong hình tượng của Hán tự. Chiết tự chữ Hiếu gồm chữ lão nằm trên chữ tử, ý nói con thờ cha mẹ hết lòng. Hôm sau thầy đem chữ ấy ra dạy cho đệ tử Sanh. Thầy cầm cây bút lông, chấm mực thảo lên giấy trắng một chữ Hiếu lớn rõ rõ giảng cho Sanh cặn kẽ. Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ ấy là chân tu. Đệ tử Sanh hỏi lại:

- Nếu con không về nhà với cha mẹ có phải bất hiếu không thầy?

- Ừ, cũng có đấy.

Trả lời vậy là thầy muốn Sanh nhớ về gia đình, có khi thầy khuyến khích đệ tử ấy về nhà để trọn nghĩa với gia đình, cho ông nội vui lòng.

Thầy sắp ra một xấp giấy, nhủ đệ tử Sanh tập viết chữ mỗi chữ Hiếu, viết từ từ cẩn thận cho đẹp. Giao nhiệm vụ xong thầy đi qua bên chánh điện. Đệ tử Sanh chấm mực thảo viết chữ đầu tiên. Vừa quét được một nét thì phía sau cửa sổ, hai đứa bạn bên xóm gọi nhỏ: “Sanh, Sanh, ra chơi”.

Sanh bỏ dở chữ Hiếu đang viết. Để đấy, chơi đã.

Níu Một Bờ Tâm

B

uổi chiều sư thầy đi làm lễ an vị tượng Phật cho nhà một đạo hữu trong vùng về, vừa bước vào thềm hiên đã ngửi thấy có mùi thơm là lạ. Lòng thầy trỗi lên một chút thắc mắc, chẳng lẽ có ai đến viếng Phật mà xúc nước dầu hoa thơm đến vậy? Thầy đi vòng về phía sau thất, thấy mấy bộ áo quần được giặt giũ, treo phơi phía sau hiên nắng. Chợt như đã nhận ra điều gì đó, thầy ậm ừ rồi đi vào phòng.

Lát sau điệu Sanh chạy vào. Gặp thầy, điệu hỏi:

- Thầy có thấy mùi thơm không?
- Có, thơm lắm con.
- Dạ. Hồi nãy cô bán vải tới đây, gom mấy bộ áo quần của thầy và con đem đi giặt. Giặt xong cô cho thêm nước xả vào nên thơm vậy đó. Mùi này thích thật, thầy nhỉ?
- Ừ. Nhưng con mặc áo quần thơm như vậy không sợ người ta đến ôm riết hay sao?

Nói xong thầy mỉm cười, điệu Sanh cũng bật cười theo.

Tối hôm đó thầy ngồi soạn pháp, mấy bộ áo quần lúc chiều phơi khô tuy đã xếp cất trong ngăn tủ nhưng mùi hương vẫn tỏa ra ngập căn phòng. Cái thứ hóa chất thời hiện đại ghê gớm thật. Ngày trước ông bà mình dùng quả bồ hòn giặt áo, sau có bánh xà bông của Liên Xô đã là mừng. Thế mà nay giặt xà phòng thơm, còn thêm nước xả vải sức nức. Càng ngày cái hương bám trên áo quần càng phong phú, có

nghĩa cái sự tu hành của thầy cũng gặp phải nhiều mê hoặc quyến rũ.

Từ trước tới nay, việc giặt giũ thầy tự lo tất. Kể cả khi có đệ tử Sanh vào chùa thì thầy cũng giặt thêm đồ áo quần của đệ tử ấy. Thầy định bụng thêm một thời gian nữa sẽ cho đệ tử Sanh tự tắm rửa, giặt giũ. Tập cho đệ tử ấy thói quen tự lập. Thế mà hôm nay chị bán vải lại đến giặt giúp. Công ơn ấy thầy mang. Nhưng làm thế phiền phức lắm. Có khi lại khiến cho đệ tử Sanh lười biếng ỉ lại thì công sức tu tập cải nghiệp hóa bằng không.

Đạo này trong vùng có nhiều việc cần đến thỉnh thầy. Vì thế sư thầy trở nên bận rộn hơn với công tác bên ngoài chùa. Nhà thì cầu siêu độ linh, nhà lại an vị tượng Phật. Xem ra công lao hoằng hóa của thầy đã có nhiều thiện duyên tốt đẹp và trở nên những mầm pháp nhiệm mầu. Nhưng đôi lúc ham đối ngoại mà quên mất phần đối nội. Cứ lo việc độ sinh mà quên sửa mình thì chưa phải đắc tu. Có khi bộ áo quần thay ra chưa kịp giặt, thầy đã phải xách tay nải đi cho kịp giờ hẹn với người ta. Chị bán vải biết rõ chuyện bận rộn của sư thầy, nên cũng muốn cáng đáng giúp thầy một tay, ít nhất là những công việc thuộc về nữ công.

Hôm nay chị lại đến, sư thầy không có ở chùa, chỉ mình đệ tử Sanh chơi ở ngoài sân. Chị hỏi chú Sanh mặc áo cô giặt có được không? Sanh nói thơm lắm cô. Chị cười, vui. Vậy để cô giặt tiếp nghe. Nói xong chị đi vào trong thất, lấy bộ áo quần sư thầy treo bên vách. Đệ tử Sanh nhanh nhẩu ôm thêm phần áo quần của mình, vo cuộn trước bụng. Đây nữa cô.

Sanh ra giếng theo chị. Điệu quay trục gỗ, kéo gầu nước từ giếng lên. Cái trục quay này thầy mới làm từ hồi có Sanh vào chùa cho điệu ấy tập kéo nước. Lần đầu điệu Sanh kéo không quen, chiếc gầu chao đảo nên khi lên tới miệng giếng chỉ còn được phân nửa. Kéo lần thứ hai thì dây gầu đứt. Thầy phải dùng cái sào khều lên. Vừa nổi dây thầy vừa dạy cho điệu. Kéo như con vừa mất sức, lại hao nước. Muốn kéo gầu phải từ từ, điềm đạm, bình tĩnh. Quay đều trục để gầu nước không chao đảo. Nếu bất ngờ giật mạnh thì dây gầu căng quá mức sẽ bị đứt. Tu cũng thế, phải canh giữ tâm mình như giữ nước trong gầu. Nếu vồn vã bộc trực thì cái tâm rời bỏ ta ngay. Phải lần theo từng nấc gầu lên như lần tìm tâm ta. Tối hôm đó thầy lại dạy tiếp cho điệu Sanh về mười bức tranh thiền trong Mục ngư đồ. Thầy dừng lại ở bức thứ hai, có tên “Kiến tích”, tức thấy dấu. Khi đưa trẻ chần trâu để con trâu đi lạc thì phải lần theo từng dấu chân trâu mà tìm. Đó chính là sự minh họa cho việc tìm lại tâm ta khi bị lung lạc. Bây giờ thì Sanh đang kéo nước lên cho chị giặt áo, kéo đều đặn như niệm kinh.

Sanh ngồi bên, vốc lấy một ít bột xà phòng rồi đưa lên thổi cho bong bóng bay. Nhìn chiều soi qua quả bóng nhỏ ánh lên màu sắc khiến điệu thích thú mà cười reo lên. Chị ngồi giặt áo, trông thấy sự hồn nhiên dễ thương của điệu cũng vui lây, nhưng đỏ hoe con mắt.

Sư thầy đã về, nghe tiếng cười ran sau thất biết chắc điệu Sanh đang ở đó. Thầy thông thả bước lui giếng. Chị bán vải đang dở tay vò áo, ngẩng lên chào thầy. A Di Đà Phật, thầy lượng thứ, con đang bận tay chút. Thầy cũng chào chị, rồi nói:

- Chị đến hồi nào, sao không ngồi chơi, bày ra giặt giũ làm chi cho cực.

Chị cười nhẹ:

- Con cũng vừa đến. Có gì đâu thầy. Nghe chú Sanh nói mấy bữa nay thầy bận. Con thì buổi chiều thư thả, lên đây coi đỡ dần được thầy chút nào cho thầy an tâm đi làm Phật sự.

- Phiền chị quá. Đạo này cũng có bận chút ít thôi chị.

Nói xong thầy vào trong tịnh thất, cất tay nài. Mùi thơm nước xả vài hôm trước vẫn còn phảng phất quanh đây. Ngoài giếng thêm tiếng cười nghịch của điệu Sanh pha với tiếng cười vui của chị. Thầy cảm thấy rộn lên trong lòng một chút xốn xang. Nắng lọt qua khe cửa. Hương thơm và tiếng người. Ầm ập sum vui hay quấy động cửa thiền đây? Thầy cũng khó nghĩ quá. Thà chén cơm thì canh cúng dường, thì thầy hoan hỉ nhận. Ngày xưa đức Phật tu hành cũng dựa vào sự bố thí của chúng sanh đó thôi. Đẳng này chị đến giặt giũ, việc ấy chạm vào hơi sâu cuộc sống cá nhân của thầy trò. Mà thầy vẫn mạnh khỏe, có bận việc đôi chút nhưng chưa đến nỗi không thể tách ra nửa giờ đồng hồ để vo vải.

Sư thầy lấy tờ văn sổ cầu an ra, định đề nội dung vào, chuẩn bị để tối nay đi làm lễ nhà một đạo hữu trong vùng. Tờ sổ cầu an giấy vàng, chữ ở trong đã có in sẵn Hán tự và phiên âm Hán -Việt. Thầy chỉ việc điền thêm nội dung tên gia chủ, ngày tháng, lễ vật... Thầy lật tờ sổ, cầm bút lên, rồi bất chợt tay thầy mềm lún không thể thảo chữ được. Tâm có an đâu mà bảo viết sổ cầu an cho đặt.

Xếp tờ sớ lại, thầy đi kiểm nước pha trà rồi bê ra đầu hiên. Chị đang xả vải sau giếng. Mùi nước xả thơm phức len tới tận chỗ thầy đang ngồi. Thầy ngắm ao sen bên vườn. Tháng bảy sen nở muốt mát, bung cánh trắng, hương sen thoảng nhẹ nhẹ. Thầy thích cái mùi hương ấy, nhẹ như không. Bây giờ thì cái mùi nước xả lất át hết làm cho thầy có cảm giác sợ.

Chị gái đã phơi áo quần xong, đi khế về phía thầy, kéo ghế ngồi. Thầy rót trà.

- Chiều nay nắng nhẹ, gió phây phẩy, mát thầy nhỉ?

- Ừ. Nhưng gió làm mùi hương tỏa đi ngát quá.

Thầy đáp. Miệng mỉm cười. Câu nói hóm hỉnh nửa như khen, nửa lại nhắc khéo.

- Chú Sanh thì thích mùi này lắm. Còn thầy, không biết sao.

- Cũng thơm đấy chị ạ. Nhưng... Tôi thấy ngại. Trong bát quan trai mà đức Phật dạy hàng tăng chúng đệ tử, có một giới tịnh là không nên nằm giường cao nệm đẹp và xa hoa.

- Cái mùi hương thì có gì đâu mà xa hoa hả thầy? – Chị thắc mắc.

- Là tại vì những thứ như vậy, ăn ngon mặc đẹp, nó khiến người tu hành dễ lún vào si mê, kích thích lòng tham sân, xao nhãng việc tu tập.

Chị thoáng buồn, có cảm giác như việc làm của mình bị thừa ra. Tại chị mới tới chùa một thời gian ngắn, vừa để an tịnh tâm mình, đôi khi nghe thầy mạn đàm chuyện đạo chứ chị chưa học luật. Không biết rõ những giới nghiêm của nhà chùa âu cũng là chuyện thường tình.

Sư thầy nhận ra ngay cái sự rầu tức thời của chị. Đàn bà họ thế, dễ chạnh lòng lắm. Nhất là những người không chồng không con như chị, họ càng dễ tủi thân. Thầy pha một chuyện đùa cho vui.

- Tôi nói cái này nghe mà cười. Biết là chị bán vải, nhưng vẫn kể. Ví thử người ta mãi mê trang trí làm đẹp cho bản thân thì có thời giờ đâu nữa để học hỏi, sửa mình, đúng không. Và lúc đó chắc chị bận rộn bán cả ngày, cũng không tới chùa được đâu nhỉ.

Hai người cùng cười. Chị đã thấy vui. Cái chỗ hay của sư thầy là ở đó. Mỗi khi có sự buồn phiền mà có thầy an ủi là buồn chóng tan. Thầy đọc được tâm lý của người ta và có cách để chia sẻ với họ trong mọi tình huống. Chị thích lên chùa gặp thầy, thích sự nhẹ nhàng, triu mến mà không kém phần dí dỏm trong từng lần pha chuyện.

- Dạ, con nghe. Thế lần sau con không dùng nước xả nữa.

Còn lần sau nữa sao. Ái chà chà, rắc rối quá. Tưởng nói xa nói gần cái chuyện nước xả để chị hiểu ra rằng thầy tự lo được. Ai ngờ chị ấy chẳng chịu hiểu cho. Thầy nhớ có lần hỏi thầy đang là thanh niên ở làng, thầy không cho ai giặt áo quần của mình cả. Một hôm mẹ thầy giặt cho thầy, bà không biết cứ dùng cả hai tay mà xát cho sạch khiến cái áo nhăn nhoeo hết. Thầy phải nhúng áo vào nước giữ một hồi lâu mới đỡ nhăn. Bà mẹ thấy thế thì trách, tôi biết anh rồi đấy, đang tuổi đi gò đi ghẹo sợ mặc nhăn nhúm con gái nó không ưa chứ gì. Nói cho anh biết nhé, nó đã phải lòng thì anh có ở trường nó cũng theo. Thầy bật cười, vui vui. Mới đó mà hơn ba chục năm. Bà cụ thân sinh đã về bên kia, mà thầy còn nhớ cái sự ngúng nguẩy của bà khi bị đứa con tỏ

về không cần giặt áo giúp. Và bây giờ đây, thầy cũng không dám nói thẳng, sợ làm tổn thương đến chị.

*

Chiều hôm sau, nghỉ trưa xong là thầy gom áo quần ra giếng. Điệu Sanh cũng tỉnh giấc, dậy theo.

- Sao hôm nay thầy giặt sớm thế?

- À, tranh thủ trời nắng, giặt phơi cho chóng khô. Chiều lỡ có mưa.

Điệu Sanh không hỏi nữa, đi theo thầy ra giếng quay nước.

Thầy vo vải nhanh hơn mọi khi. Vội vội vàng vàng như sợ ai tranh mất việc. Điệu Sanh mới ngủ dậy, hơi uể oải, kéo chậm dây gầu khiến thầy phải nhắc.

- Nhanh con. Áo rút khô hết xà bông rồi đây này.

Điệu Sanh bất ngờ quay mạnh tay trục, dây đứt, chiếc gầu choảng xuống giếng kêu lên một tiếng rõ to.

- Con không cẩn thận. Lại phải mất công thầy nối dây rồi - Sanh nói

Nhưng thầy nhỏ nhẹ:

- Tại ta quên giữ tâm đó thôi. Lấy chiếc sào quấy tìm thôi con.

Luyện Nước

B

uổi sáng như thường lệ, sư thầy dậy sớm, ướp sẵn tách trà hoa đại rồi bước ra vườn khai tâm thất tâm nhĩ bằng một bài quyền bộ. Tùy theo hơi sương khí trời mà chọn bài đi phù hợp.

Sáng nào nhiều sương thì đánh bài Ngọc Trản, lấy chén ngọc hứng tinh hoa ban mai. Hể trời quang đãng thanh tịnh lại đi bài Bát Tiên, như một cung cách gọi mời tám vị tiền bối cùng ngồi tri ẩm.

Riêng sáng nay thầy không đánh quyền mà chỉ luyện trung bình tấn cho tụ khí đan điền và tập trung suy nghĩ một phương pháp giáo dục đệ tử. Từ khi điệu Sanh vào chùa, thầy phải lo thêm nhiều thứ, đôi khi xảy ra nhiều chuyện rắc rối tại điệu ấy hiếu động. Thầy nghĩ, có lẽ ta nên dạy điệu Sanh tập võ, lấy sự vận động để tiêu diệt hiếu động. Hơn nữa, cũng để tập cho điệu thói quen dậy sớm. Người nhà chùa mà cứ mê man giữa ban ngày thì làm sao khai thị được chúng sanh. Tất nhiên, phương pháp nào cũng có hai mặt của nó, đôi khi vận dụng không khéo lại có tác dụng phụ ngoài mong muốn. Thầy vẫn chưa quên trong lịch sử, cuối thời nhà Trần có vị tu sĩ Phạm Sư Ôn, là đệ tử của sư Vô Trụ. Phạm được đào tạo võ thuật, cho đến một ngày nhận ra an nhiên tu để thoát tục dài và khó quá, chi bằng tìm kiếm cái quyền lực giữa đời mà hoằng pháp, thế là dùng đao kiếm. Mà đao kiếm vô tình, nếu lưỡi không cứng thì nó quay lại phản chủ. Thời thế mỗi lúc một khác, đạo Phật vốn có tính kế thời, tùy nghi hành pháp cho phù hợp. Con

người ngày nay lại nhiều cảm dỗ, thầy không chắc điều Sanh sẽ bền chí.

Trở vào tịnh thất, thầy nhấp chén trà, nhìn điều Sanh vẫn còn ngủ rồi quyết định sẽ cho điều ấy tiếp xúc với võ học. Dù kết quả có thể nào chẳng nữa vẫn phải thử, như một phép toán dẫu không đưa đến đáp án thì cũng thu lượm được những kỹ năng.

Chỗ tập võ ở sau nương chùa, thầy không muốn quấy tan không gian yên tĩnh trước cửa thiền. Hai thầy trò cùng nhau luyện tập nơi khoảng đất nhỏ ấy thôi, bên cạnh có một hồ nước. Hồi mới về chùa, sư thầy đã cấy những cọng sen xuống đây, đến năm sau sen đã bung lá trên mặt nước, tạo thành từng trảng như những chiếc quạt con thả nổi. Bây giờ thì sen đã lan ra đầy hồ, lâu lâu thầy lại lội xuống ngắt bỏ những chiếc lá đã quá già, nhường chỗ cho các lá non. Vào cuối thu, mỗi buổi sớm sen đơm búp trắng như chắp tay cầu nguyện. Ở chính giữa hồ, thầy thả nổi trên mặt nước một khung tre hình ngũ giác, kích thước mỗi cạnh chừng sáu tay thôi, ngăn không cho cánh sen len vào. Thầy làm thế để chính giữa hồ có một không thoáng. Tâm phải phẳng lặng. Từ bên bờ hồ, bắc một nhịp cầu tre nổi ra phần mặt thoáng đó. Vào dịp rằm tháng tư, thỉnh một tượng nhỏ hình Đức Phật Đản Sanh đặt chính giữa hình ngũ giác, cho mọi người đến chùa múc nước tắm Phật.

Sáng hôm ấy, điều Sanh đã được báo trước chuyện tập võ nên thức dậy sớm, tỉnh táo hẳn chứ không ngáp ngáp dài như mọi bữa, vẻ hứng thú. Bắt đầu với những thế tấn: trảo mã tấn, đinh tấn, trung bình tấn... Ở mỗi thế tấn, ngoài việc hướng dẫn cách đặt chân sao cho đúng, thầy còn

giảng về những đạo lý và cách dùng. Chẳng hạn trung bình tấn là chia đều trọng lực cho các chân, người ta muốn đứng vững giữa đời thì phải biết tự cân bằng cuộc sống của mình. Trảo mã tấn dùng trong đòn nhá, dồn mọi trọng lực vào chân sau, chân trước như là bình phong hộ mệnh. Điều Sanh chăm chú lắng nghe và làm theo. Có vẻ đối với chú tiểu học võ dễ hơn nhiều so với học pháp. Ở đời, hầu cái gì dùng tay chân cũng dễ hơn kiến thức kinh viện.

Bữa sau lại học tiếp năm đòn đánh tay và tám đòn cước chân sơ cấp. Các đòn tay đơn giản, thầy đi một lần là Sanh làm theo y chang. Các đòn cước chân khó hơn. Đến nghịch đảo cước là đá ngược vòng chân lui sau, rất dễ ngã. Tám đòn cước chân đi liên hoàn trên một đường thẳng. Hai thầy trò nghỉ mấy phút, lúc ấy thầy tranh thủ đi vào nhà ủ trà, còn điều Sanh vẫn một mình luyện các đòn cước chân. Giẫm phải hòn sỏi, đau chân. Điều nhật nó lên, ném thẳng xuống chỗ mặt thoáng giữa hồ. Thầy bước ra, nghe tiếng tồm nhỏ, mặt nước gợn lên những vòng sóng đồng tâm loang dần ra.

Thầy hỏi sao con ném đá xuống hồ. Sanh đáp: “Ai bảo nó làm con đau”. Thầy cười, không dừng lại đi giậm hòn đá, thật là trẻ con. Mà chẳng riêng gì trẻ con, người lớn cũng thường giận vô cớ. Có khi còn vô minh và vô tâm hơn thế, họ ném tất tần tật mọi thứ thừa thãi xuống các hồ nước đầy thôi. Người tập võ phải khác, tâm mình đang thanh sạch thì đừng ném cái bực bội vào đó, và cũng không thể dùng tay chân để trút bỏ giận hờn. Ở khía cạnh này, việc luyện võ giống với sự tu hành của đạo Phật. Giữ cho tâm bình yên, bước chân an lạc, ý nghĩ và hành động phải trong sáng.

Nhớ ngày xưa, trước khi vào chùa, sư thầy là chàng trai phần chí, bỏ nhà đi lang bạt, rồi dừng chân nơi miền cao, được một vị võ sư phái Long Phi gốc Sông Bé cho ở nhờ. Hằng ngày chàng trai có nhiệm vụ đi gánh nước. Buổi sáng về tưới vườn rau quanh võ đường. Buổi chiều gánh về cho các võ sinh rửa tay chân sau khi tập luyện. Còn thêm mấy thùng nước sạch nhất lấy ở chỗ khe chảy ra, đem về để nấu ăn. Gánh như thế được một tháng thì chân tay chàng nhỏ lại, nhưng rắn chắc hơn. Bấy giờ vị võ sư mới cho chàng tham gia vào lớp tập luyện. Chàng mừng ra mặt, nói hôm mới vào đây con muốn xin thầy theo học lắm, nhưng ngó thầy khó nên con không dám, chỉ xin được tá túc vài bữa thôi. Vị võ sư già ngẩng mặt lên cười.

- Không riêng gì con, tất cả môn đệ của ta đều thế cả. Muốn theo học đều phải trải qua một tuần trăng gánh nước. Mục đích trước hết là để cho da thịt săn chắc, xương khớp dẻo dai trước khi tham gia vào võ đường. Sau nữa, điều quan trọng là gánh nước để thanh tẩy tâm mình. Võ học như thiền định vậy. Và sau cùng, sự tưới tắm sẽ làm nảy sinh những mầm xanh. Ngay bây giờ con nên ghi nhớ châm ngôn của võ học cổ truyền: "Hãy biến sức mạnh thành tình thương đi gieo rắc quê hương, mãi bao giờ Việt Nam còn thì võ học còn, nhằm đáp báo ơn sư và rạng danh môn phái".

Chàng trai theo thầy tập luyện bốn năm trời, miệt mài bền bỉ, và sớm được thăng cấp hồng đai tứ đẳng. Đai đỏ là huấn luyện viên cao cấp rồi. Khi ấy chàng mới hai mươi ba tuổi, phải đợi thêm năm năm nữa, đủ hai mươi tám tuổi mới được làm luận để thăng tiếp bạch đai và cấp chuẩn võ sư. Nhưng chừng ấy năm theo học với sư phụ, những đường quyền

ngọn cước đã giúp chàng khai ngộ ra nhiều điều, bỏ đi những tâm tánh ngang ngược, thế là được rồi, cần chi võ vị nữa. Chàng xin phép sư phụ được rời võ đường. Trước khi đi không quên hứa hẹn, năm năm nữa sẽ quay lại, hứa là để sư phụ an tâm rằng học trò của mình vẫn còn nhiệt huyết với võ học. Sư phụ chấp thuận cho chàng đi và dặn, hễ đến đâu thấy điều kiện thuận lợi thì nên truyền thụ cái đã học được, một phần giúp người, phần nữa là duy trì môn phái. Nhưng nhớ, đừng mãi võ kiếm cơ...

Hai mươi ba tuổi, thanh niên chừng ấy đã có nghề nghiệp để làm ăn. Chàng thì vẫn chưa có gì ngoài sức lực. Thời gian ở với sư phụ, ngoài luyện võ thì chỉ trồng trọt mà thôi. Cuối cùng chàng vào một ngôi chùa và ở lại đấy, hằng ngày cùng sư trụ trì chăm tĩa vườn tược và học đạo. Nói vậy nghe có vẻ vì vô công rồi nghề, sợ đói mà vào chùa. Thật ra, người ta tu là có duyên cả, đừng tưởng có cơm ăn chỗ ở mà sống được chốn thiền đâu. Tu cũng là một cái nghiệp đấy thôi.

*

Kể từ ngày rời võ đường đã ba mươi năm, những bài quyền có quên một vài bộ, mấy câu thiệu có bị lẫn lộn trước sau chút ít. Nhưng thầy cố gắng nhớ, cái gì nhớ không nổi thì có thể tự nghĩ ra, làm sao cho bài quyền đi thông suốt là được. Ngày xưa sư phụ chẳng đã dạy, chính do tam sao thất bản mà võ học Thiếu Lâm ngày nay phong phú là gì. Bây giờ thầy dạy điệu Sanh, cũng là một dịp để thầy nhớ lại những bộ pháp. Mỗi người thầy là một học trò cần mẫn ôn bài.

Nghĩ lại thấy công phu gánh nước luyện võ của sư phụ ngày ấy thật thâm thúy. Như một thứ công án thực hành của nhà Phật. Nhờ gánh nước mà tuổi trẻ nông nổi của thầy được cải

thiện, thuần hóa. Thầy tự đặt cho công án này một cái tên là "luyện nước", và tính chuyện đem ra áp dụng đối với đệ tử Sanh.

Ngày hôm sau, trước buổi tập võ, sư thầy chỉ tay ra hồ nước, hỏi đệ tử Sanh còn nhớ chuyện hôm qua không. Đệ tử ngạc nhiên:

- Chuyện gì hả thầy?

- Thì chuyện con ném hòn sỏi xuống hồ, con đã làm bắn hồ nước, một hòn sỏi nhỏ chừng đó đủ để làm cho mặt nước bột tĩnh tại. Bây giờ thế này. Mỗi ngày trước lúc tập võ con hãy đi quanh hồ, nhặt những chiếc lá úa rụng xuống đó.

Đệ tử Sanh nghe lời thầy. Bữa đầu nhặt hơi lâu vì lá rụng nhiều ngày dồn lại, những lần sau thì đệ tử chỉ đi một vòng, loáng cái là xong nhiệm vụ. Thầy nói nếu người ta năng làm sạch một nơi nào đó thì mỗi lần làm sẽ nhanh hơn. Cái tâm con người ta nếu ngày nào cũng đem ra mài giũa thì dễ tiến bộ hơn.

Có buổi tập xong, buồn tiểu quá, Sanh kéo quần vải luôn xuống hồ nước. Quen. Lần sau đệ tử Sanh lại cứ xả tự nhiên. Xem ra tiểu ở chỗ này cũng vui vui. Những vòng tròn đồng tâm cứ loang ra trên mặt thoáng, vài chú cá tưởng sắp được ném mồi cứ vây tới đớp đớp.

Rồi sư thầy cũng bắt gắp đệ tử Sanh đi bậy. Thầy lại giao cho Sanh thêm một nhiệm vụ. Cứ sau buổi tập đệ tử phải múc năm gáo nước ở chỗ đó, đem tưới vào hàng hoa lan đất trước cổng. Làm ô uế nước hồ thì mức nó đi. Lần phạt này xem ra đệ tử Sanh không hào hứng như bữa bị bắt nhặt lá sân chùa, hay vớt lá mặt hồ. Đệ tử nghĩ, mức hết cái hồ này

chắc phải đến sang năm. Bây chừ lại là mùa đông, vườn chùa ngày nào cũng trút lá, gió quét lá xuống hồ. Dăm ba bữa lại có trận mưa, nước hồ đầy lên. Xem chừng nhiệm vụ vớt lá và mức nước của điệu Sanh còn dài.

Cho đến một bữa, bất ngờ sư thầy thôi phạt điệu Sanh. Đây là ngày điệu đi trọn vẹn bài Thiền Sư Vạn Tự quyền đúng đồ hình chữ Vạn của nhà Phật, thuận theo một chiều như nước trôi, mỗi thao tác đã tuân thủ những quy luật nghiêm ngặt của tâm.

Về Đi!

Một năm nay, sư thầy về quê thường xuyên hơn, ít nhất mỗi tháng một lần. Ông cụ thân sinh của thầy đã già yếu lắm rồi. Trước ngày rời chùa, bao giờ thầy cũng thu xếp mọi việc, căn dặn đệ tử rồi mới an tâm xách túi vải màu lam thông dong bước ra cửa.

Những chuyến về quê thầy thường cho đệ tử Sanh đi cùng. Có lẽ tại đệ tử Sanh là chú tiểu nhỏ tuổi nhất trong các đệ tử nên được thầy cưng chiều hơn cả. Với lại thầy biết đệ tử Sanh vốn tính hiếu động, ở chùa mà vắng thầy thì thế nào đệ tử cũng bày trò quấy rầy các sư huynh hoặc khách hữu đến thăm viếng. Về quê, thầy nói cho đệ tử Sanh đi cùng vừa để chùa “yên”, cũng là để đệ tử ấy được tu. Đệ tử Sanh thắc mắc: “Tu là phải ở trong chùa, có Phật mới tu được chứ?” Thầy mỉm cười nhẹ, bao giờ đệ tử Sanh thắc mắc những điều như thế, thầy cũng chỉ cười mà không trả lời.

Ra đến cổng chùa, đệ tử Sanh lại hỏi: “Thầy ơi! Hôm qua con nghe các sư huynh nói đi tu là quên hết chuyện gia đình. Sao giờ thầy lại về quê?” Sư thầy dừng chân, yên lặng một lúc rồi lại mỉm cười hiền dịu và quay sang phía đệ tử: “Vậy đệ tử Sanh ở lại chùa, để thầy về quê một mình, nghe”. Nói xong thầy rào bước đi. Đệ tử Sanh chạy theo cầm lấy vạt áo nâu. Thầy đưa tay lên xoa đầu đệ tử Sanh: “Thôi nhanh lên con, sắp tới giờ xe chạy rồi”.

Mất gần ba tiếng đồng hồ ngồi xe, sau đó hai thầy trò thả bộ chừng ba mươi phút mới tới được quê nhà của thầy. Con

đường làng hai bên cỏ rợp lên, những bông cỏ dại nở màu vàng trắng tím khiến điệu Sanh thích thú. Đi một chặng, điệu Sanh cúi xuống hái hoa hoặc đuổi chụp cánh bướm vờn, rồi lại lon ton chạy theo thầy. Mỗi lần như thế, thầy lại mắng yêu: “Trên đường cứ mãi hái hoa nghịch bướm thì chừng nào mới tới được”. Rồi như để điệu Sanh bớt nghịch, thầy kể chuyện cho điệu Sanh nghe. Mà điệu Sanh lại hay tò mò. Điệu Sanh hỏi: “Thầy ơi! Sao thầy lại đi tu? Có phải thầy cũng ghét cha mẹ như con không?”.

Sư thầy không trả lời. Nhưng câu hỏi đã khiến thầy như chạnh nhớ. Ký ức tưởng đã xa xăm chìm vào lãng quên.

*

Hồi mười tám tuổi, sư thầy lúc đó là chàng trai làng tên Khôi sức vóc, siêng năng.

Khôi thương cô Nguyệt cùng làng. Cô Nguyệt hiền lành, xinh xắn. Cả làng ai cũng khen hai người đẹp đôi. Đi làm đồng, lúc nghỉ giữa buổi thể nào Khôi cũng kéo Nguyệt lên trên triền cỏ ngồi tâm tình. Khôi khéo ăn nói, cả làng bảo thằng này đi چرا gái lắm đũa chết mê. Nhưng Khôi chỉ để ý đến Nguyệt. Biết tin hai người có tình cảm với nhau, ông giáo Tuệ, cha của Khôi, liền ngăn cấm.

Ông Tuệ chê nhà cô Nguyệt nghèo. Cha Nguyệt mất sớm. Song thân đăng ấy không đầy đủ. Không môn đăng hộ đối. Nguyệt còn có một chị gái, một em gái; nòi nhà toàn... cái. Mà Khôi là con trai duy nhất của ông giáo Tuệ, phải để cháu đích tôn. Ông đồng dục nói như phán: thằng Khôi nhà này không thể lấy con Nguyệt. Cấm!

Ông giáo Tuệ vốn là người nhất nhất nghi lễ. Biết cha mình “phong kiến” và nghiêm chỉnh, cộng với chút nông nổi tuổi trẻ, Khôi quyết chí bỏ làng đi vào Nam. Đi suốt một ngày chàng vẫn chưa hết buồn lòng, nhưng lại đói lòng, thế là Khôi tìm vào một ngôi chùa. Chàng ở lại chùa rồi xin xuống tóc. Tu luôn!

Ừ! Thầy đi tu có phải cũng vì ghét cha mẹ như điệu Sanh không?

*

Đến nhà rồi. Điệu Sanh ném mấy bông hoa dại mới ngắt lúc nãy, cùng thầy bước chậm vào ngõ. Cụ giáo Tuệ nằm trên giường ngó ra như thể ngóng đợi. Sư thầy mới bước qua cửa thì ông cụ Tuệ đã bật lời rền rĩ như mắng: “Về đi! Tu chi cho khổ”. Rồi cụ cố nghiêng người quay mặt vào tường. Sư thầy nhìn mọi người trong nhà và mỉm cười. Nụ cười thanh thoát của vị sư hai năm tuổi đạo.

Hai tháng sau, điệu Sanh lại theo sư thầy về quê. Thấy sư thầy gấp gáp chuẩn bị túi vải, điệu Sanh bớt hoang, dọc đường không nghịch hoa hay hỏi han nữa. Ông cụ Tuệ yếu hần đi, gầy rộc, nằm yên ắng. Cụ vầy vầy sư thầy tới, đưa tay kéo đầu thầy xuống và nói nhỏ vào tai, lần này không mắng. Cụ không còn sức mắng, hay là cụ đang năn nỉ? “Về đi! Lấy vợ. Cháu đích tôn”. Và sư thầy cũng không cười như lần trước nữa, dù chỉ là một nụ cười mỉm thật nhẹ.

Tu là để đạt đạo. Mà hiếu cũng là đạo. Hiếu đạo. Ngày xưa thái tử Tất Đạt Đa đã từng có vợ, sinh cháu cho phụ vương rồi mới đi tu để thành Phật. Vậy là Ngài trọn hiếu đạo.

Tu là đi. Về cũng là đi. Về đi! Tu, đi hoài liệu có tới cõi Phật? Nhưng về, ít nhất đối với sư thầy lúc này, về là sẽ tới... cõi người.

Sư thầy trầm ngâm nghĩ suy từ lúc ấy cho đến khi quay lại chùa. Trong thầy hai chữ về đi cứ thốn thức. Thầy như chìm vào cơn mê kiểu giấc mơ Trang Tử. “Không biết ta là sư thầy giữa cõi người? Hay ta là người thường lạc giữa cõi đạo?”

Đám tang cụ Tuệ tổ chức trọng thể. Đám làm cơm chay và theo nghi thức nhà Phật. Lễ nhập liệm, lễ cầu siêu... đều có các thầy trong giáo hội và đoàn sinh Phật tử tụng kinh. Đêm trước ngày di quan, mọi người đã đi nghỉ cả rồi, chỉ còn sư thầy ngồi trước bàn vong niệm kinh Sám Hối.

*

Thuở ấy tôi là điệu Sanh, nghịch ngợm bướng bỉnh, không yêu thương cha mẹ nên được gửi vào chùa tu để cải nghiệp. Tôi là con trai duy nhất của cha mẹ.

Đêm tôi ngồi trước thềm chùa, lá si rơi từng chiếc tán xuống sân.

Về đi!

Về đi!

Về đi!

Xe Chưa Rời Bến



huyển xe cuối ngày khởi hành khi trời sắp tắt nắng. Người lên xe ai cũng mừng vì suýt nữa lỡ chuyến. Bến xe vắng teo, còn bao nhiêu người thì gom hết mà lên. Đừng có ai hỏi giá cả lúc này kéo tài xế nó đóng sập cửa cho ở lại bến thì khốn.

Xe ô tô mười hai chỗ đời cũ nhưng nhét được hai mươi con người ngon ơ, chưa kể bác tài xế và chú lơ xe kiêm thu tiền chễm chệ ngồi riêng dãy ghế đầu tiên. Cuối ngày rồi, chẳng ai thèm bắt xe giữa đường mà lơ với láo cho mệt, thế là chú lơ xe chỉ còn mỗi nhiệm vụ thu tiền vé.

- Mỗi bác cho em năm chục nhé!

Biết là bị chém đắt thêm chục ngàn bạc nhưng chẳng ai muốn mặc cả làm gì. Ai cũng nghĩ mình may mắn vì đã bắt được xe. Không thì ở lại chỗ nhà trọ gần bến cũng mất mỗi đêm thêm năm chục, đấy là chỉ nhắm mắt mà ngủ thôi, còn nếu anh nào buồn buồn kêu thêm em út vui vẻ lại chẳng đi đứt hai trăm ngàn như chơi.

Vị khách đầu tiên của chuyến xe này là cái... lồng chim. Lồng tre vuông, phía trong nhốt một con chim sáo biết nói mấy chữ tục tằn. Con chim này của người ta gửi theo xe về tới bến dừng sẽ có người đến nhận. Phí gửi bằng hai phí người. Chắc chủ nhân nuôi nó là một tay giang hồ ất ơ nên mới dạy cho nó chửi thề ghê vậy. Hễ có khách lên xe là con sáo lại chửi thề hai chữ "đ. mẹ". Ba bốn người ngoài cái đầu

lui nhòm con chim bật cười. Xem ra chuyển xe có thêm một kẻ chỉ biết nói tục cũng vui vui.

Bác nào ngồi sau thì giữ con chim hộ cái. Bác tài xể tay ôm vô lăng, mắt đăm đăm nhìn trước, nói câu nhờ vả mà chẳng thèm quay mặt lui. Ai cũng biết ở trên xe bác tài là người quan trọng nhất. Thì giữ chiếc lồng giúp cho nó yên tâm lái an toàn.

Lúc đầu khách còn thưa thì cái lồng chim choán một chỗ ngồi. Sau xe chật, cái lồng được đặt lên chân người mới vào. Giống như một sự phân công tự ý, đứa nào vô sau đứa đó lo mà giữ, nhé! Thấy người mới lên xe, là cái vị hành khách đang giữ lồng chim hớn hở chuyển cái lồng qua ngay, thanh thản như mới trút được một gánh nặng.

Vị khách thứ hai mươi của chuyến xe là một cô gái, mới chừng hai mươi tuổi thôi nhưng da mặt có vẻ dày nên phải bôi phấn trát son hơi nhiều. Tóc uốn cong nhuộm vàng xức nước hoa nồng nặc. Cùng cái mùi ấy mà xung quanh có người phẩy tay xua xua, lại có người hít hít hưởng thức. Thì ra cái người xua xua là một bà tuổi năm mươi đã qua thời xuân sắc còn trách trời sao nữ đề trên đời không có phụ nữ xấu, chỉ có người đến tuổi làm hoài vẫn không đẹp. Còn cái người hít hít thích thú kia là một ông chừng sáu mươi ngồi sau, chồm cái đầu tới trước một chút mà ngửi. Cô gái mặc quần bò bó sát đùi, áo choàng kéo lên kín cổ vì trời se se lạnh. Choàng áo ngoài nhưng ngực vẫn lòi ra hai bụm, biết ngay tướng đầy đà. Và dù choàng áo kín cổ nhưng mùi thơm vẫn ào ào tuôn ra bật mùi xăng xe.

Cái lồng đã yên vị trên đầu gối cô gái thì cánh cửa đóng sập. Dĩ nhiên cô gái là người ngồi cạnh cửa lên xuống xe.

Học trò đến lớp chàng nào thích ngồi bên cửa sổ đều được gán cho biệt danh tâm hồn treo ngược cành cây, máu me thơ phú. Còn hành khách trên xe ai ngồi bên cửa sổ thường bị nghi là hạng dễ say xe. Ngồi sát cửa sổ lỗ mồm miệng có phun ra thứ gì thì chui đầu qua cửa xả cho tiện. Chú lơ xe chuyển lui một thếp túi ny lông đen có quai xách. Bác nào say xe nhớ tổng vào đây rồi ném qua cửa giùm nhé. Cứ thế mà ném, mặc xác thằng nào bên đường hứng phải. Cùng lắm nó chửi một câu. Còn hơn cứ giữ khư khư cái túi trên xe, chỉ tổ khiến thêm vài người đòi nôn theo. Gọi là hội chứng nôn dây chuyền, hay hiệu ứng domino.

Bây giờ vị khách ngồi bên cửa lên xuống còn nhận thêm một nhiệm vụ bất khả kháng là giữ cái lồng chim sáo.

Không ai khác, chính là cô gái hai mươi tuổi phấn son phờ phạc.

Giá như ở một nơi khác, người ta biết trân trọng cái đẹp, biết nâng niu hoa tươi thì sự ga lăng của vài gã đàn ông đã bê giúp cái lồng chim cho cô. Đằng này đây là một chuyến xe. Chẳng ai quen ai và chẳng ai nghĩ đến sự ga lăng hay nâng niu trân trọng. Vậy là cô gái trẻ nhất, đẹp nhất, xứng đáng là hoa khôi chuyến xe cuối ngày buộc phải giữ con chim.

Bác tài xế quay lui nhắc khéo: "Giữ cho cẩn thận nhé! Đừng để nó toé lông". Phía sau có tiếng một chàng cười hí hí, a dua hùa thêm một câu: "Cô gì ơi giữ chim đừng để nó vùng lên mà toé lông nhé". Bà năm mươi tuổi lại quay sang nhắc nhở cái cậu nọ: "Chim chú không lo giữ cứ quan tâm chim người ta làm chi?" Ông sáu mươi tuổi lại chọc kháy bà kia: "Xem ra bà cũng máu me chim chóc ghê nhỉ?" Bà vỗ đét

vào vai ông một cái. Cứ như thể người thân nhau chứ chẳng phải xa lạ mới chung chuyến xe. Thành ra hành khách trên xe cứ chọc ghẹo nhau chỉ từ chuyện chim với lông. Riêng cô gái thì vẫn ngồi im, ngán ngẩm cái của nợ đang nằm trên đùi, chẳng thiết góp chuyện.

Giữa lúc mọi người rôm rả cà kê chuyện trên trời dưới đất thì ô tô đạp thắng. Có người bắt xe giữa đường. Một chàng thanh niên đoán chừng ba mươi tuổi. Chàng mặc chiếc áo khoác màu đen trùm kín đầu như nhân vật trong các bộ phim siêu nhân. Chỉ mất chừng năm giây để cánh cửa xe kéo ra, chàng trai chui lên, cánh cửa xe đóng lại. Năm giây thôi rồi xe lại chạy và câu chuyện trên xe vẫn tiếp diễn.

Cô gái này giờ giữ cái lông chim tưởng ngán đến tận cổ hóa ra vẫn không sao, thích nữa là đằng khác. Tại cứ thi thoảng con chim sáo lại chửi tục. Cô có cảm giác nó thay cô chửi những người nhiều chuyện xung quanh. Mượn gió bẻ măng mượn chim chửi người. Khéo khen ai dạy con chim biết nói tục, rồi cũng đến lúc cái sự vô giáo dục trở nên hữu ích. Chí ít là đối với những người vô tâm. Người sao người nỡ để cho cô gái trẻ trung xinh xắn phải bê cái lông chim. Cũng may hai cái hộp đựng thức ăn nước uống của chim đã cạn đồ, nên nó không rủa mả bắn tóe. Và may hơn nữa cho cô, đó là chàng trai vị khách thứ hai mới đã nhập chuyến. Hai mươi cộng một. Dĩ nhiên cái số một thừa ra ấy phải tự mình cộng thêm cái lông chim.

Anh trai ngoài ba mươi ngó tướng mạo cũng khôi ngô, ngồi ngay ngắn, cẩn trọng vuốt phui ít bụi bặm dính trên áo, làm như kiểu ta đây người ăn ở sạch sẽ, không chấp nhận bưng cái lông chim ấy đâu. Đừng có mà chờ. Cô gái thì đợi cho

chàng làm đẹp xong mới đưa mắt qua nhìn chăm chăm. Chàng cũng đáp lại một cái nhìn chăm chăm. Bốn mắt nhìn nhau sao chẳng thốt nên lời. Cuối cùng đành nói toạc ra luôn, với người chậm hiểu là cứ phải vỗ vào mặt mới được:

- Anh bê cái lồng giúp em.

Chàng trai miễn cưỡng nhận nhiệm vụ mà nhẽ ra theo nguyên tắc của chuyển xe và phép tắc lịch sự tối thiểu thì chàng phải làm trước khi cô gái mở lời. Thoáng trong đầu cô gái nảy sinh một nhận định: đây là một anh đần. Có khi họ khôn đấy, khôn mới không tự tiện xới lời ôm cái của nợ kia.

Cái lồng chim đã chuyển sang đặt trên chân chàng trai, hành khách thứ hai mốt, đúng theo luật.

*

Họ, những hành khách trên xe, tranh nhau kể chuyện rôm rả. Chuyện đường xá chuyện chợ búa, nhớ đâu kể đấy. Kể chán chuyện người lại quay về chuyện mình. Họ không khoe khoang của cải con cái giống như những cuộc giao hữu tiệc tùng, không nói chuyện thời sự chính trị để tỏ ra mình có chút kiến thức xã hội. Họ kể về nỗi khổ của bản thân. Ờ hay lạ chưa, chẳng hề quen biết nhau mà cứ trút bầu tâm sự một cách thoải mái. Con người là loài xấu che tốt khoe giỏi nhất. Cái xấu chỉ được phơi bày ở nơi chẳng ai biết mình.

Bà năm mươi tuổi mở màn cuộc kêu ca bằng việc kể tật xấu của chồng. Tôi cứ đi buôn chuyển thế này cho nó khuây khỏa chứ về nhà chán ông nhà lắm. BỐ nó tới tháng lĩnh lương xong ném vào các sông bạc, nhiều hôm đi tới tận sáng trời mới thất thiếu về nhà. Thử hỏi vui chi cái trò đồ đen ấy mà ham, già rồi nghỉ ngơi có phải khỏe không?

Bà khác cũng là dân buôn nói chen vào. Như thế còn đỡ. Ông nhà tôi mới buồn cười. Lạ khộ gần sáu chục rồi mà buổi sáng cứ thích chạy thể dục với mớ nạ dòng cụt đọt. Bọn ấy cứ phây phẩy lằng lắc thế thì chẳng biết ông ấy thể dục tay chân hay thể dục bằng mắt. Thôi mình phận đàn bà hết tuổi xuân, bõ bèn gì nữa mấy cái của nợ của các ông mà giữ với chả gìn. Như tuổi mình cứ trông vào con cái, thấy nó trưởng thành khôn lớn mà mừng, còn các ông thì bỏ đi.

Con cái cũng chán lắm chứ bác tưởng. Bà tiếp theo xen vào. Tôi đây được thằng con một, cưng nó từ bé thành ra nó ỉ lại, nghề ngỗng học ba bữa bỏ, lại theo bè bạn phượt phật gì đó mà cũng đi suốt. Thịnh thoảng kéo một con bé về nằm trong nhà. Tôi vào nhà, con bé chui cái đầu ra khỏi màn chào bác rồi lại chui vào trong. Cứ như nó đã thành chủ cái nhà. Mình không dạy con nên đành ngậm tằm. Đi buôn lải lơi chẳng thiết, chỉ mong được ra khỏi cái nhà ấy thôi.

*

Cô gái nãy giờ ôm cái lồng chim không hứng thú bắt chuyện, bây giờ có người bưng giúp cảm giác nhẹ nhàng như trút được một gánh nặng, liền quay sang chàng trai mỉm cười thay lời cảm ơn. Cô cởi nút áo khoác bên ngoài, phanh ngực ra. Chiếc áo pun màu đỏ phía trong hiện ra rõ rệt, cổ áo trễ xuống, chỉ cần đưa mắt liếc qua là chàng trai thấy được một phần da thịt phơi phơi trên vòm ngực.

Xe chật. Dây ghế ép chặt năm người. Vai chàng dính sát vai nàng. Xe lắc lư qua phần đường sứt sủa hố gà, hai vai càng được dịp cọ xát. Mắt chàng vô tình lọt tồm vào trong ngực áo nàng mấy giây. Chàng ngoái đầu sang phải nhìn qua cửa kính xe, cố gắng giữ cái hướng nhìn ấy. Được một lúc mỗi

cổ quá lại đảo đầu sang cho mắt rơi xuống chỗ ngực áo. Thì biết nhìn đâu được nữa, phía trước cái lồng chim đã choán hết. Phần thưởng dành cho kẻ đến sau như thế cũng là hậu hĩ.

- Cô cũng về tới bến luôn à?

Chàng trai đã chịu mở miệng bắt chuyện với cô gái. Không nói chuyện thì biết làm gì. Nói chuyện cũng là một cách để đỡ say xe và quên đi cảm giác ngóng chờ tới nơi.

- Em cũng chẳng biết nữa, cứ đi rồi hẵng hay.

Chàng lờ mờ hiểu ra có một chuyện gì đó đang xảy ra với cô gái ngồi cạnh mình. Một cuộc chạy trốn chẳng hạn. Trẻ như thế thì có thể là bị thất tình, cô muốn tránh xa cái người bấy lâu nay nói lời ngon ngọt. Lúc này chàng chỉ có một sự suy đoán đó mà thôi. Chẳng biết nói thêm gì, thì bày chuyện hỏi han công việc.

- Cô làm nghề gì?

- Anh có hay đi tàu không?

- Cô bán vé, hay là nhân viên phục vụ trên tàu?

Cô gái cúi xuống cười rúc rích. Từ lúc lên xe đến giờ cô mới nở một nụ cười.

- Không. Ý em là tàu nhanh tàu chậm ấy.

- À, à.

Chàng trai xem chừng đã hiểu ra nghề của cô. Một cái nghề không hẳn nghề. Đấy chỉ là bước lữ chân của nàng Kiều.

- Có đi không? – Cô hỏi.

Chàng đánh mắt nhìn qua cửa xe tăng lờ. Chàng không trả lời thì nàng vẫn còn hy vọng, ít ra có thể lúc này vị khách đang dẫn đo về giá cả chứ nàng tin rằng đàn ông ai cũng máu me. Kinh nghiệm của người trong nghề, nhìn qua mắt đàn ông là cô nàng đoán biết có thể dụ dỗ mời mọc được hay không. Và ngay từ lúc chàng trai mới chui lên cửa, nàng đã thầm nghĩ mỗi này ngon ăn.

- Hai trăm nhé! Xuống bến em dẫn tới phòng luôn.

Chàng trai vẫn im phắc, không gật đầu chẳng từ chối. Nghề của các cô thật lắm chiêu. Giữa cái thời nhà nghỉ mọc lên như nấm sau mưa, gái sa cơ như lúa được mùa. Chợ đời trăm người bán vạn người mua, chợ người thì ngược lại. Nên chi cô nào lỡ vào nghề này mà ngồi một chỗ thì đói meo. Thế là cô nhảy lên một chuyến xe, bắt khách luôn dọc đường. Việc này cô đã thử và thấy có hiệu quả. Nếu trên xe không bắt được khách thì xuống bến. Học theo cách bán hàng dạo, loanh quanh bến chứ không chịu đứng đường để cho công an tóm về trại.

*

Theo yêu cầu của chàng trai vị khách thứ hai mốt, xe dừng lại ở một ngã ba. Cửa mở, chàng trả cái lồng chim lại cho vị khách thứ hai mươi, là cô gái tươi trẻ này giờ đang ngồi bên cạnh. Rồi chàng thông thả bước xuống xe. Khi chui đầu qua cửa, chiếc mũ áo choàng bị vướng phải khung xe khiến cái đầu chàng phoir ra.

Một cái đầu trọc của vị sư trẻ.

Hành khách trên xe bất ngờ. Tất cả im lặng lạ thường. Đường như ai nấy đều cảm thấy áy náy cho vị khách đặc biệt kia. Chú lơ xe luống cuống nhận ra tội lỗi tà trời của mình: nhẽ ra không nên để thầy bê cái lồng chim. Người nhà chùa vốn không sát sanh và không giam giữ sự tự do của muôn loài. A di đà Phật, mong thầy lượng thứ cho sự vô ý của con.

Cô gái được một phen. Làm gái đã ba năm rồi nhưng hôm nay là lần đầu tiên cô bắt nhằm một vị khách. Cô cũng muốn sám hối nên nhắm thắm một câu A di đà Phật mặc dù chẳng biết câu này có ý nghĩa gì, thấy người ta nói thì nói theo vậy thôi, giống con chim sáo bập bẹ.

Chuyến xe từ đó về tới bến chìm trong bầu không khí trầm lắng. Đường như có một cơn gió nhiệm mầu. Họ cảm thấy một thoáng chốc lánh đời, khỏi phải nói chuyện chồng già còn hư, con trẻ đã hỏng, khỏi phải cảm cảnh bốn ba ngược xuôi ô nhục kiếm miếng ăn. Khổ của muôn đời kể mãi cũng không cùng không tận.

Một hành khách chíp miệng rồi thở hắt ra, bật lên câu nói nửa đùa nửa thật: Thôi đi tu cho rảnh việc các bà.

Ờ ờ...

*

Riêng nhà sư trẻ, vị khách thứ hai một thì lụi cụi một mình trên con đường vắng sau khi tách khỏi chuyến xe và bỏ lại cái lồng tù túng con chim sáo. Người ta đâu có biết rằng đối với vị sư thì đây là chuyến xe chạy trốn khỏi chùa, mang ý định thoát cõi thiền về lại cuộc sống thế tục. Lúc ngồi trên

xe, chàng chỉ còn cái đầu trọc là kỷ niệm cho mỗi duyên nợ với tam bảo.

Bây giờ thì chàng đang đi một mình trên con đường vắng, vẫn vợ nghĩ chẳng biết nên về đâu giữa buổi này?

Nhặt Hòn Sỏi Ở Sân Chùa

1.

Đệu Sanh và đệu Năng cùng tu ở một chùa. Cuộc sống ở chốn đạo đường như giống nhau cả, nhưng hoàn cảnh mỗi người một khác. Sanh bảy tuổi, Năng mười tuổi. Đệu Sanh vốn bướng bỉnh nên gia đình cho vào chùa để cải nghiệp. Còn đệu Năng là đứa trẻ bị bỏ rơi trước cổng chùa, được sư thầy đem vào nuôi nấng chăm sóc.

Đệu Sanh còn quá nhỏ, lại không quen ăn chay nên mỗi tuần, vào thứ bảy, sư thầy cho đệu Sanh ra quán gần chùa ăn một bữa mặn. Các đệ tử thắc mắc sao đã vào cửa Phật mà còn cho ăn mặn? Sư thầy bảo đệu Sanh chỉ tu để cải nghiệp chứ không phải để thành người nhà Phật, và lại đệu ấy còn nhỏ, cần có cá thịt mới lớn được.

Thứ bảy hằng tuần, đệu Sanh đến quán ăn cách chùa nửa cây số để chén một bữa mặn. Đệu Sanh không thích ăn mặn, nhưng vì sư thầy cho phép (mà như một cách bắt buộc) nên đệu ấy mới làm theo. Vốn tính bướng bỉnh, nhưng từ khi vào chùa thì đệu Sanh biết nghe lời thầy.

Đệu Năng thương đệu Sanh và coi như em ruột. Giản đơn một nhẽ, bởi đệu Năng không biết cha mẹ, không biết họ hàng thân thích nên muốn tìm một người để tự an ủi. Con người ta luôn tìm kiếm cái mình thiếu và cần. Mỗi thứ bảy, đệu Năng đi theo đệu Sanh đến quán ăn mặn. Sanh nói em đi một mình được, huynh không cần phải đi theo nữa. Nhưng đệu Năng thương đệu Sanh, sợ sư đệ đi một mình

không an toàn. Đến quán ăn, điệu Năng đứng ngoài chờ, điệu Sanh vào quán gọi một tô cháo. Điệu Sanh thích ăn cháo bò hơn, nhưng lại gọi chủ quán cho một tô cháo gà và thêm một cái túi ni lông. Chủ quán bưng tô cháo ra. Chúc ngon miệng, chú tiểu! Điệu Sanh nhòm theo chủ quán rồi nghĩ bụng, chắc người ta cà khía mình. Trước khi ăn, điệu Sanh lóm lém nhìn quanh rồi vớt cái đùi gà cho vào túi ni lông. Đánh chén một cách ngon lành xong, điệu Sanh mặc nhiên bước ra khỏi quán, tiền thì sư thầy sẽ trả sau. Ra ngoài cổng quán ăn, điệu Sanh đưa cái đùi gà lúc nãy cho điệu Năng. Nhưng điệu Năng một mực không ăn. Tui là người nhà Chùa, từ đở hỏn đến nay đã thế, giờ không quen ăn mặn. Nói thì nói vậy, chứ thật lòng điệu Năng rất thèm, dọc đường về Năng cứ nuốt nước bọt ực ực. Điệu Sanh ngó qua, hỏi huynh sao vậy? À, chỉ là tui bị nắc cụt thôi.

Đêm đó điệu Năng nằm nghĩ, hay là mình xin sư thầy cho ăn mặn giống điệu Sanh, hoặc trốn khỏi chùa để sống cuộc đời trần tục. Chao ôi, cứ mỗi lần xem ti vi, Năng lại thêm thường cuộc sống ngoài kia, được ăn nhậu thỏa thích. Bàn tiệc ăn xong còn thừa mứa những sơn hào hải vị. Ngoài kia cuộc sống hấp dẫn thế mà sao mình lại tự trói buộc bản thân thế này? Nghĩ. Rồi nghĩ lại. Điệu Năng thấy mình thật chả ra làm sao, đội ơn sư thầy nuôi nấng từ đở hỏn đến nay mà giờ bỏ đi thì chẳng khác nào kẻ bội công.

Điệu Năng và điệu Sanh ở chung một phòng, hai chiếc giường riêng, một bàn học chung để tiện chỉ bảo nhau. Chữ Hán là một môn bắt buộc đối với các chú tiểu. Hôm học đến chữ "Tử" và chữ "Kiết", điệu Năng giải thích cho điệu Sanh hiểu rằng hai chữ này mẩu tự gần giống nhau, chỉ có khác ở nét gạch. Chữ "Tử" (子) phải gạch nét ngang bằng phẳng,

còn chữ “Kiết” (子) thì nét ngang bị bẻ xiên. Điệu Sanh thắc mắc sao lại như thế? À, vì “Tử” là biểu hiện cho con người tử tế, nên chi cuộc sống luôn ổn định cân bằng. Còn “Kiết” là cô đơn, không người thân thích thành ra cuộc sống bấp bênh, thế nên nét ngang phải vạch xiên. Điệu Sanh cười, vậy huynh là chữ “Kiết”, em là chữ “Tử” nghe! Điệu Năng gật đầu, rồi buồn vì chạm phải thân phận mình. Ừ, mình là cô đơn chứ gì nữa, cô đơn ngay từ lúc mới sinh ra. Những người cô đơn thường tìm đến chùa nương náu là vậy chẳng?

Thứ bảy khác, điệu Năng vẫn đi theo điệu Sanh để canh phòng điều bất trắc. Trong lúc đứng chờ, điệu Năng quyết định hôm nay mình sẽ khới đùi gà, chắc sư thầy cũng không biết đâu, hôm trước thấy Sanh quăng cái đùi đi tiệc hụi hụi à. Nghĩ đến đây thôi điệu Năng đã nuốt nước bọt thèm thường. Chao ôi cái đùi gà béo ú tròn lẳn quay, chút màu ớt đỏ vàng, vài lá hành bám quanh hấp dẫn. Nước bọt theo nhau trôi. Ừc. Nhất định. Ừc. Nhất định. Ừc. Nhất định hôm nay mình sẽ cạp đùi gà. Thèm quá không chịu nổi. Điệu Sanh bước ra khỏi quán, điệu Năng đã vội chạy tới. Nhưng trên tay điệu Sanh không có gì cả. Cái đùi gà đâu rồi? Điệu Năng định hỏi nhưng thôi. Điệu Sanh cười hì hì khen hôm nay tô cháo ngon hơn mọi bữa. Năng cúi mặt giục về thôi.

Một hôm, đột nhiên điệu Năng hỏi điệu Sanh bao giờ thì về nhà. Về làm gì? – Sanh thắc mắc. Điệu Năng không hỏi nữa. Người có thì không muốn, người muốn lại không có. Cuộc đời như chơi khăm người ta. Điệu Năng ước mơ một gia đình, có mẹ và có cha. Cha ơi cha là ai? Mẹ ơi mẹ là ai? Cha ơi cha ở đâu? Mẹ ơi mẹ ở đâu? Những câu hát trong bài “Dấu chấm hỏi” của nhạc sĩ Thế Hiển cứ vang vang trong đầu. Hôm bữa lễ Vu Lan, điệu Năng đã hát bài này khiến rất

nhiều khán giả nước mắt đầm đìa. Nhất là cái đoạn Năng cầm túi vải đi thẳng xuống dưới sân khấu, các cô các bà đã ôm chầm lấy điệu Năng mà khóc. Riêng điệu Năng vẫn ráo hoảnh, đôi mắt ấy chưa bao giờ có nước mắt để khóc.

Hồi lên năm tuổi, có mấy lần điệu Năng được người ta đến nhận làm con nuôi. Nhưng lúc ấy nhỏ quá, điệu Năng chưa muốn; sợ người lạ, sợ xa sư thầy. Bây giờ mười tuổi rồi, ai người ta nhận nữa. Nhận con nuôi, người ta cũng chọn những đứa trẻ còn rất nhỏ, chưa ý thức được về máu mủ ruột rà. Như kiểu chơi chim ấy, phải bắt những con mới nhú lông cánh, đem về mớm thức ăn kèm nước bọt thì sau này nó mới mến người nuôi. Tiếc quá đi! Ngày ấy giá mà Năng gật đầu một cái thì bây giờ đã có một gia đình, cha mẹ dù không ruột rà thân thích nhưng có còn hơn không. Một cái gật đầu nhẹ để đổi lại rất nhiều đũa gà cầm tay nặng nề. Đã có nhiều lần điệu Năng định trốn khỏi chùa, kiếm một lối thoát khỏi sự gò bó, thoát khỏi những câu kinh. Kinh kệ, phiên âm từ tiếng Phạn là sutta (hay sutra). Và sutta còn có nghĩa là dây buộc. Sợi dây ấy buộc con người ta vào một phép tắc, trói là trói để được giải thoát sau một quá trình đăng đẳng. Thế mà điệu Năng lại muốn thoát ngay. Thoát ra, cũng được, nhưng thoát ra rồi về đâu bây chừ? Năng chỉ biết một chốn yên bình nhất là ngôi chùa này. Thoát ra rồi biết đâu lại làm một đứa trẻ lang thang. Đêm khuya bên hè vắng, đứa bé mồ côi, đang nằm co ro, như dấu chấm hỏi.

Cũng đã có một lần vào năm ngoái, khi sư thầy nhủ điệu Năng đi lấy rau ở chợ về nấu cơm chiều, điệu đã lén đi xuống phố. Nhưng trời mới tối thì mưa rơi lạnh quá. Thế là điệu Năng mò về chùa. Cúi đầu nhận tội trước sư thầy. Sư thầy không nói gì, xoa đầu điệu Năng rồi vào lấy áo lam

thay cho điệu. Từ hôm ấy điệu Năng tự hứa không bao giờ bỏ đi nữa. Thế mà bữa nay thấy điệu Sanh ăn cháo, cái đùi gà hấp dẫn quá, điệu Năng lại nảy ra ý định trốn đi.

Năng rủ Sanh cùng đi. Buôn có bạn, bán có phường, bụi đời cũng có hội chớ. Điệu Sanh ngúc ngắc từ chối. Ở đây sướng thế này sao lại phải bỏ đi? Điệu Sanh nói. Thích gì cũng có, ăn còn ngon hơn ở nhà. Ngày ở với cha mẹ đâu có cháo đùi gà. Họa hoằn đến tết làm ra con gà thì mới được một cái. Nhà em nghèo lắm, được ở chùa thế này thì đại gì về hả huynh? Nghe đến đây điệu Năng lại tủi thân. Ừ, nhà điệu Sanh nghèo, nhưng gia tài quý báu của Sanh là cha mẹ. Ở đời có tiền mua tiên cũng được, nhưng làm sao mà mua cha mẹ hả trời? Nghĩ thì nghĩ thế, rồi điệu Năng lại an ủi mình bằng cách lấy tấm gương của thái tử Tất Đạt Đa mà noi theo. Tất Đạt Đa dòng dõi hoàng tộc quý phái, song thân đầy đủ cuộc sống dư thừa, nhưng rồi chàng cũng bỏ cung điện và chấp nhận sự khổ ải, thế thì ta đáng gì mà phải day dứt?

Mùa an cư kiết hạ, chư tăng đạo hữu hội tụ về chùa. Trong số ấy có một đôi vợ chồng đạo hữu không con cái ngỏ ý muốn xin điệu Sanh đem về nuôi. Sư thầy trả lời là điệu Sanh còn cha mẹ, vào chùa chỉ để cải nghiệp thôi. Lúc ấy điệu Năng đứng bên cạnh, nhưng chẳng ai đoái hoài. Mặt điệu Năng vốn không dễ mền. Da thì đen đui. Mũi dưới có một vết sẹo bẩm sinh khiến cái miệng méo trông thấy. Có lẽ ông trời đã làm dấu để sau này cha mẹ dễ bề tìm kiếm lại Năng. Mười năm rồi, cha mẹ không thềm nhớ đến mình – điệu Năng nghĩ. Nếu “họ” còn nhớ thì đã đi tìm rồi. Có khó gì chứ, vút ở đâu thì đến đấy mà hỏi. Vút trước cửa chùa là

còn biết thương con chút chút. Diệu Năng nghĩ thế là để tự an ủi thôi.

Bốn năm ở chùa, diệu Sanh đã chán tất cả. Quang cảnh đã nhàm, lui tới vẫn chùa, vẫn cây si ở sân, vẫn cái đại hồng chung mát đến lạnh lòng. Những câu kinh bài kệ thì lặp đi lặp lại như một điệp khúc. Quán ăn mặn thực đơn chẳng thay đổi, nước cháo, thịt ướp vẫn công thức gia vị cũ. Ở đây khách chủ yếu vắng lai, ăn một lần rồi thôi. Riêng diệu Sanh ăn thường xuyên nên mới thấy chán.

Ngày diệu Sanh rời chùa, diệu Năng vừa mừng vừa thương vừa tủi thân. Diệu Năng ôm chặt Sanh. Em về rồi phải ngoan nhé, nhớ vâng lời cha mẹ. Sanh gật đầu, chỏm tóc dính vào ngực diệu Năng. Tiễn Sanh ra cửa, diệu Năng cứ ước giá mình cũng có cha mẹ đến đón về. Chào tạm biệt, bàn tay diệu Năng phát qua phát lại nhẹ nhàng mà sao lòng lại nặng trĩu.

Lối thoát. Diệu Sanh đã được thoát khỏi cửa chùa, về lại nơi đã sinh ra. Diệu Năng vẫn chưa tìm ra lối thoát, chưa có ai cho diệu ấy biết ruột rà quê quán. Chọn lựa: giữa việc tự đi tìm cha mẹ để thoát khỏi kinh kệ và việc an phận tu để được thoát kiếp. Ừ, thì cũng là kiếp người cả, nghiệp chướng đặng đặng.

2.

Về nhà nhưng thi thoảng vài tháng cha mẹ lại đưa Sanh vào chùa để thăm sư thầy và diệu Năng. Những lần gặp nhau huynh đệ quần quýt, hỏi han như người lớn. Quà của Sanh mang theo là một túi trái cây, một chùm xôi đậu mè. Nhận quà, diệu Năng lại nhớ cái đùi gà ngày nào mà diệu Sanh đã

vút. Bây giờ thì mãi mãi Sanh không thể đưa đui gà cho điệu Năng nữa rồi.

Những cuộc thăm viếng thưa dần. Nghĩa tình ở đời sâu nặng đến mấy rồi cũng phải mòn thoi, làm sao giữ mãi như thuở ban đầu. Cha mẹ Sanh bận bịu công việc, Sanh cũng bận học hành. Thoát khỏi chùa mà Sanh vẫn phải bị trói buộc trong những mối lo lắng khác. Lối thoát chỉ là sự tượng trưng, một khái niệm cục bộ, như người ta đọc xong trang này lại phải sang trang kia trong một cuốn tiểu thuyết cuộc đời dài dằng dặc.

Năng vẫn ở chùa. Vẫn là điệu Năng khuôn mặt không mấy dễ mến dù cho tính tình rất hiền hậu. Người ta bảo xem mặt đoán tướng, xem cái mặt điệu Năng thì lấy đâu ra tướng tốt. Chao ôi, cái mớ lý thuyết suông mà loài người nắm lòng đâu phải lúc nào cũng đúng. Đây là lỗi lầm của Tạo hóa, một lỗi lầm khiến con người ta không lần ra lối thoát khỏi mặc cảm tự ti, không lần ra lối thoát khỏi sự đánh giá phiến diện. Theo dõi tin tức, điệu Năng biết có thể chỉnh hình những dị tật bẩm sinh. Ví như cái vết theo của điệu đơn giản lắm. Chỉ cần cha mẹ bỏ tiền ra, rồi cha mẹ ký vào giấy cam kết là được. Cha mẹ ngọt ngào nhưng đâu phải là cái kẹo móc từ trong túi ra.

3.

Hai mươi năm sau. Điệu Sanh ngày nào nay đã trở thành một giám đốc chưa đầy ba mươi tuổi, năng động tự tin. Tam thập nhi lập. Ba mươi tuổi mới có thể tự lập. Thế mà Sanh đã đạt được sớm hơn, một phần cuộc sống ấu thơ ở trong chùa đã góp phần cho thành công hôm nay. Dầu vậy, Sanh vẫn cảm thấy một nỗi chênh vênh. Ngày ở chùa Sanh

được dạy rằng giao tiếp đừng cầu lợi mình, thế nhưng khi đi giao dịch với đối tác thì giám đốc Sanh luôn kỳ kèo từng chút. Kinh doanh mà, mình không ăn của người thì người ta ăn của mình. Đến khi về nhà, đặt mình xuống giường rồi mà Sanh vẫn gác tay lên trán suy nghĩ cho kế hoạch ngày mai. Chiếc giường bằng phẳng mà sao cứ bấp bênh nghiêng nghiêng. Nhớ lại bài học ngày nào về chữ “Tử” và chữ “Kiết”. Một nét vạch ngang sơ suất chút xíu là thành ra chữ khác rồi. Đời nghiêng. Nhạc sĩ bảo thế. Đời cứ như đồi núi nghiêng nghiêng đợi chờ. Thời ở chùa, Sanh tự nhận mình là chữ “Tử” với nét vạch ngang. Nhưng rồi đời bẻ nghiêng vạch ấy thành chữ “Kiết”.

Tưởng như về trần tục là được hòa đồng, nhưng không phải, hiện tại Sanh vẫn cô đơn. Chuyện yêu đương lập gia đình của Sanh vẫn lặn độn, phú quý sinh lễ nghĩa, cứ phải chọn người môn đăng hộ đối, người đẹp. Càng lớn đàn ông càng khó tính và kén chọn. Đây là nét khác biệt với phụ nữ. Đàn ông lúc đầu dễ xiêu lòng chấp nhận, rồi lớn lên họ cảm thấy quyền năng của mình nên tự ý chọn lựa. Nấu nồi khoai chín, củ ngon nằm trên, lại cứ nghĩ củ dưới ngon hơn nên lục tung, rồi tới đáy nồi thì vấp phải củ hà củ sâu củ mẻ. Lên rừng đốn củi, núi cao xiên, trông lên cứ thấy cây trên kia cao hơn, thế là mò lên cho tới đỉnh. Cuối cùng chặt trúng củ dở, ở đỉnh núi nước không nhiều, cây còm cõi. Chặt xong lại phải mang về xa.

Đêm nay giám đốc Sanh gác tay trên trán mà chẳng tìm ra được mẹo mực nào cho cuộc đàm phán ngày mai. Sanh chỉ nghĩ được về sự khác biệt giữa đàn ông và phụ nữ, thì cũng là một cỗi người bí ẩn và bí bức. Lối thoát ở đâu? Cứ y như nhà đang bốc lửa cháy, khói mịt mù vây kín. Mọi người

hoảng loạn kiểm lối thoát thân. Chẳng còn ai nhớ đến cái bình cứu hỏa.

Một đêm qua đi, Sanh gần như thức trắng. Chiều đến phòng hiệp thương mà Sanh vẫn đeo đẳng chuyện tối qua. Buổi thỏa thuận giữa bên A bên B đã xong. Ổn cả. Hai bên đều có lợi. Giám đốc Sanh dường như không quan tâm đến chuyện ấy. Sau buổi họp, như thường lệ của các cơ quan ban ngành là phải đánh chén một trận tươi bời. Cơ quan tư nhân hay cơ quan nhà nước đều vậy. Từng ly bia giải khát cơn nóng nực gần bốn chục độ xê. Dzô! Thì dzô này! Ly này chúc sức khỏe. Ly này mừng thành công giữa chúng ta. Ly này là mong còn được hợp tác. Bia sẵn, chỉ còn bày ra lý do để uống cho xứng. Giám đốc Sanh chạm ly ken két. Cũng phải vui với người ta chứ không nhẽ đeo mãi cái tâm trạng u sầu.

Giám đốc bên kia mời Sanh một cái đùi gà. Cái này tôi mời anh khen anh còn trẻ mà năng động. Chúc anh càng vững vàng đôi chân để còn đá tốt như gà. Cả bàn nhậu rôm rả khen vị giám đốc văn thơ lai láng ý tứ dồi dào. Sanh nhận lấy đùi gà, cố cười thì cái miệng càng méo đi. Sao giống cái miệng điệu Năng ngày nào quá. Bây chừ Năng đã thành đại đức, chòm tóc cạo sạch, trông nho nhã thư thái lắm chứ không to béo nặng nề như Sanh đâu. Chấm nước mắt đi! Sanh chấm đùi gà vào chén nước mắt ớt tỏi, miếng da gà gặp nước mắt Phan Thiết quần trót cả lên. Sanh khế khế đùi gà vào mép bát nước chấm để gạt bớt nước lòng thòng. Tự dưng Sanh nhớ Năng quá. Động tác này giống với cách gõ chuông của Năng. Giờ này, Sanh đang gõ đùi gà tại bàn tiệc thì Năng lại gõ dùi gõ vào chuông. Sanh xin phép. Đi tìm lối thoát. Nhưng thoát ở đâu cũng phải có lý một chút,

cả bàn tiệc đang theo dõi từng bước chân của giám đốc Sanh. Có lẽ thoát vào... toa lét là chắc nhất. Lý do thích hợp. Dập cánh cửa phòng vệ sinh, mùi xú uế đâu thể này. Nhà hàng hạng sang mà sao nhà vệ sinh lại hôi thối không biết. Hóa ra là vừa mới có gã say vào đây nôn mửa. Kiếm một chút thư thả cũng khó, tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Sanh bước ra khỏi toa lét, chân loạng quạng, phần vì say, phần vì tâm trạng bấp bênh. Cô thư ký quê đâu không biết, ngồi ở bàn nhậu quay mặt về phía Sanh và nhắc to.

- Đây là anh ơi, đi qua nới là cơ mà!

Sanh ngờ ngợ hình như có tiếng chỉ dẫn, một câu chỉ dẫn không chính xác. Vậy là cứ mãi luẩn quẩn không tìm được lối.

4.

Hôm sau Sanh quyết định quay lại ngôi chùa cũ, dù công việc dạo này khá nhiều. Quay lại chùa. Tu hay chỉ ghé thăm, Sanh cũng chẳng biết nữa, chỉ muốn gặp lại sư huynh Năng bây giờ đã lên hàng đại đức. Sanh thèm nghe tiếng tụng kinh của sư Năng. Ngày trước điệu Năng miệng méo nhưng nhả kinh nghe rất hay. Có tật có tài. Tật này được trời an bài cho Năng để vào cửa chùa đây mà.

Suốt quãng đường dài ngồi trên xe ghế đệm, Sanh nhớ lại ngày còn nhỏ. Những kỷ niệm giữa huynh đệ. Bữa chay bữa mặn, khuôn đậu vuông cái đùi gà tròn. Chữ "Tử" chữ "Kiết", nét vạch ngang nét vạch xiên. Bữa đó điệu Sanh tự nhận chữ "Tử" về phần mình. Chữ "Kiết" cô đơn thì ám cho điệu Năng. Nhưng bây giờ Sanh lại thấy cô đơn, nét ngang chữ "Tử" bẻ xiên thành chữ "Kiết".

Chùa xưa không thay đổi gì nhiều, như cửa thiền vốn định tâm sẵn vậy. Cây si trước sân vẫn rậm lá, gió nhập gió, lá lao xao lòng lao xao. Hai chú tiểu nhỏ đang chơi trò bắn bi vòng tròn ở sân. Cái vòng tròn vạch lên nền đất như sợi dây sutta trói buộc, hai hòn bi tròn lăn, mỗi hòn đều cố gắng giữ mình ở trong. Ai để bi tuột ra ngoài là thua. Bữa xưa điều Sanh cũng từng chơi trò này với điều Năng. Cuối cùng Sanh đã ra khỏi vòng ấy. Sanh thoát trước nhưng lại rơi vào một vòng tròn khác. Vậy là lại phải tiếp tục chơi. Ở vòng chơi này Sanh giữ được mình giữa rất nhiều đối thủ, Sanh phất lên như điều gặp gió. Thắng hay thua? Ai còn trụ lại ai đã tuột ra?

Vào chùa hỏi thăm mới biết vị đại đức – Năng sư huynh của Sanh – đã bỏ chùa mà đi cách đây một tháng. Đi đâu? Chẳng ai biết. Nhà chùa vốn bình tâm, không muốn rộn ràng rao hỏi. Có thể vị đại đức đã đi lên núi tìm chốn tĩnh mịch hơn nữa để thiền. Lên cao cho dễ giải thoát. Cũng có thể đại đức đã hoàn tục, cởi bỏ tăng y khoác áo đời làm chàng trai Năng. Thoát tăng y thoát cõi đạo. Nhưng dù có đi đâu thì cũng để kiểm chân lý mà thôi.

Sanh nhặt lấy một hòn sỏi tròn ở sân chùa nhét vào túi quần, đem về dưới phường phố kia mà chơi.

Đâu Chỉ Là Trò Chơi

S

anh quyết định quay lại chùa một chuyến. Không có ý tu nhưng chắc là sẽ xin ở chơi chừng dăm ba bữa. Lâu lắm rồi, cũng dễ đến chục năm không về lại ngôi chùa nơi anh từng cải nghiệp. Chừng ấy thời gian, có đôi khi anh muốn về thăm sư thầy, thăm lại chốn xưa chùa cũ với cây si già trăm tuổi. Nhưng Sanh cứ nấn ná, ái ngại, anh tự thấy mình phạm phải những lỗi lầm đến nỗi không dám nhón chân tới cửa thiền.

1.

Gương mặt già hơn tuổi và cách nói chuyện dè chừng, dễ dàng đoán ra Sanh có một nửa cuộc sống ở bên trong. Giống như câu kinh là thứ thần chú, chỉ phớt phần xác chữ cho tín đồ đọc, còn lại cất giấu đi sự linh nghiệm nhiệm mầu. Con người là một câu kinh, có phần nổi phần chìm. Ai sống phần nổi thì dễ như đọc thuộc lầu lầu kinh, ai sống phần chìm thì mới đích thị là người ngộ kinh. Sanh đã quên hết kinh kệ, chỉ nhớ được mấy câu niệm nam mô, nhưng ít khi anh dùng tới. Đời cứ bảo Phật tại tâm, không cần tới chùa chiền. Sanh không phải hòa theo đời để đình ninh có tam bảo trong mình. Anh nghĩ Phật ở chùa, nếu có Phật ở tâm chắc người ta không quái quỷ hư đồn đến thế. Cái điều Sanh ngấm được ấy, nó chẳng phải đâu xa, chính từ anh mà ra. Nếu có Phật tại tâm thì anh đã không để đời mình trôi nổi theo những bon chen giành giật, những gian xảo lật lừng. Và đó là lý do dù đã thành đạt trong cương vị giám

đốc, Sanh luôn thấy chênh chao như đứng bên một mỏm đá cheo leo trên đỉnh núi, nhất cử nhất động họa sẽ xảy ra khôn lường.

Năm ngày nữa Sanh sẽ dự một phiên đấu thầu lớn, gói thầu xây dựng đập ngăn nước đầu nguồn chống lũ. Công trình dự kiến thực hiện trong vòng ba năm. Đây là một gói thầu béo bở mà rất nhiều nhà thầu mon men muốn xơi. Nhưng ở đời cái gì dễ ăn đều dễ dính độc. Một tháng nay Sanh tất tả “chạy hành lang”, liên lạc với chủ đầu tư và các bạn thầu cạnh tranh. Anh bỏ ra một khoản kha khá tiền lót tay để gói thầu được về mình. Nếu chuyển này Sanh giật được thầu, thì anh sẽ cứu công ty thoát khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng. Nửa năm nay anh đã phải cho ba kỹ sư nghỉ việc vì không có lương trả cho họ. Hai chục tay thợ hồ trung thành với Sanh mấy năm rồi, thế mà anh cũng phải dứt lòng bảo họ đi làm chỗ khác vì công ty không có việc. Gói thầu lần này lợi nhuận cao, nhưng nó sẽ là con dao hai lưỡi bởi việc xây dựng đập ngăn nước không dễ ăn. Chỉ cần sơ suất là ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân nơi vùng cửa gió. Báo chí đang làm ầm lên chuyện mùa lũ vừa rồi, một đập nước mới hoàn thành chưa đưa vào nghiệm thu đã bị vỡ. Người ta nhận thấy trong mớ bê tông có độn rác và gỗ mục. Năm ngày nữa đóng thầu, khoảng thời gian không phải quá lâu, nhưng Sanh chẳng nôn nóng đôn đáo, những gì cần làm anh đã giải quyết xong cả. Lúc này anh cần yên tĩnh, cần để đầu óc mình thoát khỏi những toan tính bạc tiền. Và anh quyết định trở về chốn xưa chùa cũ, nơi ấy anh đã sống cái nghiệp một thời gian trong ấu thơ, nơi ấy không dính dáng đến bạc tiền, chỉ có tiếng chuông và những hồi kinh.

Trời sang mùa đông, chớm lạnh. Anh khoác thêm áo vét choàng ngoài. Nhưng khi gần đến cửa chùa thì anh cởi áo vét ra, ném vào ô tô, chỉ đánh độc bộ áo quần sơ mi vải rồi rào bộ lên chùa. Hai chục năm về trước, anh là điệu Sanh với áo nâu, đầu cạo trọc, dép nhựa đơn sơ. Hình ảnh ấy quay về nhắc nhủ anh phải giản dị khi tới đây, nếu không muốn mình bị chênh ra trên khoảng sân ấu thời.

Sanh bước qua cổng. Hai chú tiểu đầu trọc đang chơi bi vòng ở sân. Một chú neho mắt nhắm bắn, hòn bi vừa rời tay lăn nhanh đến chạm cái trốc vào hòn kia. Sanh kêu lên "trúng rồi", cứ như thể anh là điệu Sanh ngày nào đang đánh bi với điệu Năng. Hai chú tiểu đưa mắt lên nhìn Sanh rồi lại tiếp tục trò chơi. Ở chùa, người ta đến viếng hương hoặc văn cảnh là chuyện bình thường. Đến đây chả có ai là khách để mà phải đón tiếp, rước mời.

Anh bước đến gần cái vòng vạch trên đất, hỏi:

- Có thầy ở trong không chú?

Một chú đáp:

- Dạ có, thầy con đang ở trong phòng. Chú cần gặp thầy con à?

Sanh gật đầu.

- Nhờ chú thưa với thầy là có người đệ tử lâu ngày muốn gặp.

Trong lúc chú tiểu chạy vào chùa thì Sanh đi dạo ngoài sân. Anh đến chỗ cây si, ngược đầu lên nhìn những tán lá, trông chúng bất động như đang thiến. Cái ghế đá kê ở dưới gốc cây nay đã cất đi. Sanh nhớ hồi còn là chú tiểu, có lần Sanh

thấy một cặp trai gái ngồi ôm nhau ở đây. Rồi thầy bắt anh khoác giỏ mây nhặt lá. Lại có lần anh trèo lên cây si trốn thầy vì sợ bị bắt vào ngủ trưa.

Lát sau chú tiểu chạy ra.

- Thầy con bảo mời chú vào trong tịnh thất.

Sanh bước vào. Căn phòng ngày xưa anh ở chung với sư thầy, nay đã được bố trí lại. Cất bớt một cái giường, đặt vào thêm một bộ bàn gỗ uống nước. Và vị sư Sanh gặp, không phải là sư thầy của anh mà là một vị sư trẻ, khoảng chừng bốn chục tuổi đời.

Sanh chấp tay vái chào, cung cách ấy anh chưa quên. Vị sư xòe bàn tay ra mời khách ngồi ở ghế. Thầy pha trà, nói:

- Nghe chú tiểu biểu có khách quen. Tôi cũng vui. Nhưng chắc anh định tìm sư Huệ Siêu?

Sanh thầm đoán có chuyện gì đó, có lẽ sư thầy của anh không còn ở đây. Nhưng Sanh không nói gì, anh nhấp chén trà và chỉ gật khẽ đầu.

- Thầy Huệ Siêu viên tịch đã gần một năm nay. Tôi được giáo hội ủy về đây trụ trì. Người mới việc mới, thú thật chưa quen hết. Nhất là những người vốn có thiện duyên với chùa. Tôi rất muốn gặp họ để tìm hiểu thêm.

Sanh lặng đi trong chốc lát. Sư thầy của anh đã không còn nữa. Anh tự trách mình lâu nay không lui tới chùa thăm thầy. Để đến khi quay lại thì thầy đã viên tịch. Hồi đó thầy dạy anh ở đời được mất như người Tái thượng, còn hết âu cũng là lẽ vô thường. Đừng nên buồn nhiều khi những gì ta vốn gắn bó lâu nay bỗng hóa ra không. Lời thầy dạy anh khắc ghi, nhưng cái tin thầy mãi mãi ra đi đến bất ngờ quá,

như một cơn gió bất ngờ ập tới khiến anh xốn xang trong mắt. Sanh ngửa đầu lên, thít mũi một cái ngậm ngùi. Anh xin phép vị sư rồi đứng dậy đi vào trong nhà hậu chăm thắp nhang cho thầy.

Di ảnh thầy đặt ở bàn thờ giữa. Anh kéo rèm nhiễu đỏ lên quá đôi mắt trong ảnh. Chân dung vị sư khả kính với vẻ uy nghi thanh thoát. Anh nói thầm với chính mình: “Thầy ơi con đã về đây. Con về để sám hối với thầy những tội lỗi bấy lâu”. Mắt thầy rọi lên một nụ cười. Bức ảnh vẫn chỉ là bức ảnh, yên ắng không hề lay động. Nụ cười hiền của thầy vẫn nằm trên khung kính. Anh vái thầy thêm một lạy nữa rồi quay ra thư phòng. Lúc ấy anh nghĩ, sẽ chẳng cần phải giới thiệu về mình nữa. Thầy đã về cõi A Di Đà cực lạc, chẳng còn ai ở ngôi chùa này biết đến anh. Và anh không muốn nhắc lại quãng thời gian anh cải nghiệp.

- Chắc đã lâu anh không tới chùa? – Vị sư hỏi.

Sanh đáp:

- Dạ đúng. Công việc bận quá thầy ạ. Trước thỉnh thoảng con vẫn hay lui tới.

- Tôi về đây lúc thầy Huệ Siêu ốm bệnh. Hai tháng cuối, thầy chỉ ăn được cháo, nhưng trí tuệ minh mẫn. Đột rét, thầy đi. Nhẹ nhàng thanh thản anh ạ.

Sanh vẫn áy náy, giá anh tranh thủ được công việc, lên đây ở với thầy những ngày sau rốt đời người thì tốt biết mấy. Vị sư nói thêm:

- Mấy ngày cuối cùng, thầy tỉnh lắm. Ngủ thì thôi chứ hề thức là mắt sáng lên như người mạnh khỏe. Hình như là trông chờ một ai đó. Thỉnh thoảng thầy gọi Sanh, Sanh.

Sanh mím chặt môi để không bật ra nguồn cảm xúc đang sục sôi trong mình. Anh sợ lộ ra cái tung tích điệu Sanh. Nghề làm kinh doanh đã cho anh kiểu đối xử lạnh lùng với cảm xúc. Nếu để cho đối phương nắm rõ cái tâm thế luống cuống của mình, thì họ sẽ hạ gục anh ngay trên cuộc đàm phán thương thảo. Sanh chưa kịp nói gì thì vị sư tiếp lời:

- Anh có biết người tên Sanh không? – Vị sư hỏi.

- Dạ... không – Sanh đáp gỏn lộn, khi đã tiết chế được cảm xúc.

- Nghe nói đây là một chú tiểu mà thầy rất chiều. Nhưng đã hoàn tục lâu rồi.

- Ai nói vậy thầy? – Sanh hỏi lại.

- Cô Tằm cô ấy nói, có vậy thôi.

- Có phải cô Tằm bán vải?

- Đúng cô ấy. Anh có biết sao?

Sanh đáp vụng về, kiểu muốn giấu giếm.

- Dạ. Hồi trước cũng có biết sơ sơ. Bây giờ cô ấy còn bán vải ở chợ không thầy?

- Còn bán vải. Nhưng ở ngoài chợ tỉnh. Hồi thầy ốm, cô ấy hay tới chăm nom. Nhưng một năm nay thấy vắng. Chắc cũng do bận bịu công việc.

Sanh nói chuyện với vị sư một lúc, anh cố ý lảng tránh việc nhắc lại điệu Sanh. Vị sư cũng không đề cập thêm nữa. Có lẽ thầy không quan tâm lắm chuyện đó, một chú tiểu đã từng ở chùa trước khi thầy về trụ trì, chẳng phải lưu tâm nhiều.

Chợt nhớ tới Năng sư huynh, Sanh hỏi:

- Thế thầy có biết chú Năng bây giờ ở chùa nào không?

- À. Đây là đại đức Thanh Nhơn. Lúc tôi về đây cũng không gặp thầy ấy. Nghe nói là rời chùa đã khá lâu, sư thầy Huệ Siêu cũng không biết được. Thầy ấy đi chẳng báo cho ai hay.

Vị sư giữ Sanh ở lại dùng cơm trưa với nhà chùa. Nhưng Sanh cảm ơn rồi xin hẹn lần khác. Anh đã không thực hiện được dự tính ban đầu là ở lại chùa chơi dăm ba bữa cho đỡ căng thẳng rồi mới quay về để dự phiên đấu thầu. Lúc tiễn Sanh ra cổng, vị sư nói:

- Thỉnh thoảng anh lên đây chơi cho vui. Kể từ khi tôi về chùa trụ trì, ít gặp được người quen của sư Huệ Siêu. Con người mình lạ lắm, cứ hể đến chùa mà không gặp được sư thầy từng quen thì không lui tới nữa. Cửa thiền, ai giữ cũng vậy thôi, đúng không anh?

Sanh đáp dạ, chắc là do người ta bận công chuyện không tới đó. Có dịp con sẽ ghé viếng Phật và thỉnh giáo thầy.

2.

Sanh đi ra khỏi cổng chùa, rào bước như thể chạy trốn. Một cuộc chạy trốn với quá khứ. Anh không muốn bắt kỳ người nào ở đây biết anh từng là đệ tử Sanh, từng được sư thầy cưng chiều, thế mà đến khi thầy ngã bệnh, những phút cuối cùng ú ớ gọi tên người đệ tử yêu trìu nhưng chẳng gặp được.

Sư thầy muốn gặp anh chỉ vì nhớ một người phương xa chẳng? Như kiểu người ta sống hết một đời, đến lúc gần đất

xa trời lại thềm ngóng đứa cháu từ ngàn dặm trở về, chỉ để nó khóc rống lên một hồi tiễn biệt. Không phải, sư thầy không đơn giản vậy đâu. Anh đã từng sống với thầy ba năm, và ký ức thuở đầu đời in sâu vào trong anh cho đến lúc này, rằng sư thầy là một người ít khi bộc lộ ra bên ngoài. Có nhiều chuyện thầy giấu giếm rất kỹ. Chẳng hạn quá khứ của thầy, vì bị cấm đoán tình duyên mà thầy bỏ đi tu, rồi chuyện ông cụ thân sinh muốn sư thầy trở về lấy vợ để sinh cháu đích tôn. Vân vân, những chuyện hệ trọng đại loại như thế. Chẳng ai ngoài đệ tử Sanh được biết. Lẽ nào sư thầy còn có một điều gì muốn nói với Sanh? Một bí mật cuối cùng, hệ trọng hơn tất cả, phải đến lúc chẳng còn gì níu kéo người ta mới dám nói thật. Sanh đứng thẩn ra ở chỗ chiếc xe ô tô đỗ, cứ nghĩ chuyện sư thầy gọi tên mình lúc lâm chung, càng khiến anh vừa muốn khóc, vừa tò mò.

Anh đánh xe quay về hướng tây, phía chợ tỉnh. Có lẽ cô Tầm bán vải sẽ cho anh biết lời trần trối của sư thầy. Nhưng nếu cô Tầm không nắm được lời trần trối nào của sư thầy thì cũng chẳng sao. Chẳng lẽ anh cũng rất muốn gặp lại cô bán vải, người đã chăm chút anh hồi ấy, từng sắm cho anh áo ấm mặc mùa đông, tắm rửa cho anh những ngày hè, rồi hái cỏ nhọ nồi chặt nước cho anh uống khi bị sốt phát ban. Cô đã từng như một người mẹ của đệ tử Sanh. Anh cũng rất biết ơn cô. Đến lúc lớn lên Sanh mới phát hiện ra một điều, cô không có con cái nên đã dành hết tình yêu con trẻ cho đệ tử Sanh. Thế mà dễ đến hai chục năm rồi anh không đoái hoài đến cô. Thỉnh thoảng mấy lần ghé chùa, anh chỉ thăm sư thầy, có hỏi đến cô, nhưng chẳng gặp được. Ở đời, mang ơn rồi phụ ơn, phải áo ra đi là chuyện thường tình. Cái máy cát sét trong ô tô rề rề hát lên thứ nhạc vàng nào nề ước

sườn sườn mà anh vẫn nghe, “xưa trắng tay gọi nhau bằng hữu, giờ giàu sang quên kẻ tâm giao”. Sanh với tay tắt ụp cái máy hát, giọng ca sĩ nghẹn đứ đừ.

Sanh vào chợ tỉnh, đi lên tầng hai, chỗ hàng áo quần vải vóc. Anh đi lướt qua các gian hàng trưng vải chẹt cả lối. Anh không nhìn vải, chỉ nhìn người. Qua hết lượt quầy đầu tiên thì anh gặp được cô. Sanh nhận ra ngay, cô có già đi nhưng nét mặt ở tuổi ba mươi hồi ấy và năm mươi bây giờ chẳng thể khác chi nhiều. Chỉ có Sanh là khác, khác một trời một vực. Từ cậu bé mười tuổi trọc lóc, đến chàng trai ba mươi tóc rẽ đường ngôi chảnh chu, kể đến cả bố mẹ cũng chả nhận ra được, nói chi người sơ quen.

- Mua vải gì chú ơi? – Cô hỏi lúc Sanh đã áp người vào liếp vải ngoài cùng, vừa đưa cái thước gỗ san qua những tấm vải – Vải áo hay vải quần đều có cả đấy.

Sanh nhìn cô, biết chắc cô Tầm đây rồi, cái giọng nói âm ỉm khàn khàn ấy không lẫn vào đâu được. Song, anh chưa muốn để cho cô biết mình là ai.

- Vải lam cô.

- Loại may áo đoàn sinh hay may áo tràng?

- May áo cho điệu Sanh - Anh mỉm cười đáp.

Cô bất ngờ quay qua, nhìn chăm chặp vào Sanh. Rồi thốt lên:

- Phải...?

- Điệu Sanh. Con đây cô.

Cô Tầm quăng cái thước xuống mở vải. Đứng thần ra không biết nói gì. Quá bất ngờ và quá nhiều cảm xúc ập đến một

lần. Tay cô run rẩy, luống cuống mà vụng về, không cử động gì được, mắt ngấn ra chực khóc, miệng ríu lại lát sau mới kêu lên được hai tiếng: “Trời đất”.

Sanh phụ cô Tầm đóng quầy. Hôm nay nghỉ sớm, bỏ luôn buổi chợ chiều. Hai chục năm gặp lại, sá chi một buổi chiều. Cô bán hàng bên cạnh nói với qua: “Con rể đấy hả bà Tầm?” Cô Tầm cười đáp: “Con ruột luôn chứ rể riếc gì”. Sanh mời cô Tầm đi ăn trưa để nói chuyện, lâu rồi cô cháu không gặp nhau. Cô Tầm hỏi, miệng cười đáo đả:

- Ăn chay hay mặn?

Sanh đáp:

- Sơn hào hải vị đi cô.

Nhưng cô Tầm bảo:

- Nói vui vậy thôi, về nhà cô cũng được, về cho biết nhà luôn. Cháu sẽ thấy cuộc sống của cô khác nhiều đấy.

Quả đúng như cô nói. Nhà cô ở ngay mặt phố. Cô chuyển tới đây cũng được mười lăm năm rồi. Bên ngoài có cổng sắt đóng, phía trên lầu vắt xuống lớp cây dây leo như lưới. Cô Tầm nói trồng cho đỡ bụi đường. Bên trong nhà, đồ đạc cũng khá sang trọng, cái bếp ăn nằm kế sau phòng khách. Bước vào đã thấy ngay. Nó gợi cho người ta cảm giác ấm áp.

- Cô đã đi bước nữa, cách đây mười năm – Vừa bưng đĩa hoa quả từ sau bếp ra, cô Tầm vừa nói – À, mà chính xác phải nói là rõ rá cập lại.

Sanh cũng không bất ngờ lắm khi biết tin cô lấy lại chồng, bởi ngay khi bước vào nhà, anh đã hồ nghi đây là một tổ

Ấm. Anh nói:

- Được như thế này thì không phải rõ rã cạp lại.
- Thế sao?
- Rõng phượng gặp nhau.

Cô Tầm cười giòn, rất khoái câu nói dí dỏm của Sanh.

- Hai chục năm gặp lại. Cháu chẳng chặc quá. Nhưng vẫn đáng yêu như xưa.

Cô kể vắn tắt chuyện cho Sanh nghe. Cái gì quan trọng nhất, cần thiết nhất và thỏa mãn sự tò mò của người đối diện nhất luôn được người ta đem ra nói đầu tiên, khi gặp lại sau quãng thời gian dài. Đây có lẽ là chuyện gia đình. Cô gặp chú cũng là cái duyên. Vài lần chú đến chùa, hai người quen nhau, thấy hợp nhau, bù đắp được cho nhau nên tính chuyện về ở với nhau thử coi. Đời người mà, cống nhau qua được quãng nào hay quãng đó. Hồi ấy cô nghĩ đơn giản vậy. Ai ngờ cũng tốt số. Duyên đến muộn mà keo sơn. Lúc đó vợ chú ấy mới mất, chú đem bài vị vợ lên gửi trên chùa độ siêu. Hai người được một bé gái năm tuổi, kháu lẫm. Con bé Thương. May mà nó cũng quý cô. Bé Thương kém cháu năm tuổi, giờ nó đang là sinh viên trường sư phạm. Dăm bữa nửa tháng lại gọi điện về bảo con nhớ mẹ. Cô mừng lắm. Không có con cái, bất ngờ có đứa chả máu mủ ruột rà lại quý mình như mẹ.

Nghe chuyện của cô, Sanh mừng, vậy là cô đã tìm được hạnh phúc của mình. Đúng thật cuộc đời là vô thường, không đó mà có đó. Sanh đang nghĩ ngợi lung tung thì cô Tầm nói tiếp:

- Bây giờ cô rất tin luật nhân quả. Nếu cô không lên chùa, thì chẳng có được ngày hôm nay. Cái thiện duyên góp nên thiện nghiệp. Tam bảo đã phù hộ độ trì cho cô.

Sanh ngó lên bàn thờ. Tượng bồ tát Quán Thế Âm tĩnh tại an nhiên. Hai bên bàn thờ có hoa tươi và cặp đèn điện. Anh chợt giật thột, thế mà ở nhà mình, anh chẳng thờ tự gì cả. Cũng bởi khách khứa làm ăn của anh ra vào luôn, trong đó có những ông sếp to vốn là người không tôn giáo nên anh ngại thờ tượng Phật.

- Khi cô lấy chú, sư thầy có nói gì không? – Sanh hỏi, rồi bất chợt thấy mình vô duyên. Sao lại đi hỏi một câu dở ẹc như thế. Chuyện cô Tầm lấy chồng thì có liên quan gì đến sư thầy mà anh lại đem ra hỏi vớ vẩn. Thế là anh muốn chữa thẹn, “ý cháu là...”, đến đó thì anh không thể diễn tả được ý mình nữa.

- Cô hiểu ý cháu. Nhưng không sao đâu. Cô cũng muốn nói thêm chuyện này. Hồi đó cháu nhỏ nhưng chắc cũng có biết. Người ta đồn là cô với sư thầy có chuyện vương tơ lòng. Cô biết lắm chứ. Đã nhiều lần cô định không lên chùa nữa, để khỏi làm liên lụy đến phẩm đạo của thầy. Nhưng thầy khuyên cứ bỏ ngoài tai thị phi, con người ta sân si buột miệng vậy thôi. Rồi họ sẽ hiểu hết.

Sanh chăm chú lắng nghe, đầu gật nhẹ như đã rõ. Anh lái qua chuyện khác.

- Chú làm ở đâu cô?

- Chú ở bên ngành điện lực. Nhưng bữa nay ông đi công tác, hai ngày nữa mới về. Tiếc nhỉ. Nếu chú cháu gặp được nhau thì hay.

Sau khi han hỏi chuyện gia đình. Họ lại quay về chuyện nhà chùa, nơi cô cháu có chung những kỷ niệm. Sanh cũng rất muốn biết những ngày cuối cùng của sư thầy. Vì sao thầy cứ gọi tên anh, liệu có phải như anh nghĩ, có điều gì thầy muốn nói với anh chẳng. Nhưng cô Tầm dường như chưa muốn nhắc đến sư thầy.

- Đây, cô nhớ hồi đó Sanh rất hiếu động và ham chơi. Hở ra một tí là tốt chạy. Có lần cháu lấy cái trứng gà khiến con gà mẹ kêu toang toác cả buổi chiều.

Sanh bật cười.

- Chuyện đó cô vẫn còn nhớ sao?

- Nhớ chứ. Cô nhớ như in tất cả. Lại có bữa cháu và chú Năng đi học, rủ nhau vào quán ăn mặn. Sư thầy biết được, quở điệu Năng rất lâu.

Sanh đã nhớ ra rồi, đó là kỷ niệm cuối cùng với điệu Năng. Cái chiều hôm đó trời cũng lành lạnh thế này. Khi đi ngang qua quán ăn gần chùa, nồi thịt giò hầm bốc khói ngùn ngụt, thơm lừng. Đương lúc đói, hai đứa nuốt nước bọt rồi đánh liều vào quán ăn. Điệu Năng bảo Sanh đừng mách thầy nhé, tui ăn một lần này thôi. Nhưng lúc về chùa, Sanh cứ tấm tắc khen cháo lúc chiều rất ngon. Thế là sư thầy biết điệu Năng cũng lén ăn mặn, trái với phép của thầy.

Sau bận ấy, Sanh rời chùa về nhà, vài lần đến chùa có gặp được điệu Năng. Nhưng rồi Năng đã bỏ đi đâu cả chùa không ai hay. Giờ nhắc lại chuyện điệu Năng, Sanh rất muốn biết tin tức về huynh ấy.

- Cô có biết anh Năng đi đâu không? Nghe nói đã lên hàng đại đức.

Lặng một lúc, cô Tằm mới đáp:

- Cô biết. Chỉ có cô biết rõ chú Năng đi đâu. Cô thấy xấu hổ vì giấu hết tất cả mọi chuyện với sư thầy.

3.

...

Trời chiều ngả tối. Sau khi dọn quầy vải, cô Tằm đạp xe từ chợ về nhà, giữa đường thì xe bỗng xìu lốp, không còn một chút hơi nào. Cô đành dắt bộ xe đạp về. Ngang qua ngã ba, cô nhìn thấy một chàng thanh niên chừng hai mươi tuổi, mặc áo choàng màu xám, trùm kín đầu, chắc do lạnh. Trong nháy mắt, cô chẳng nhìn rõ khuôn mặt người bên đường. Chàng thanh niên thoáng thấy cô đã quay mặt lơ đi. Cô Tằm dắt xe tới một đoạn, cảm thấy nghi nghi, cái dáng người quen lắm, mà cái áo gió người ấy đang choàng cũng rất quen. Cô gạt chân chống, chạy lại phía ngã ba. Chàng trai vừa bước đi được một quãng. Cô gọi với theo:

- Thầy Thanh Nhơn. Có phải thầy?

Chàng trai bước tiếp ba bước, rồi dừng, quay lại, cời cái mũ trên đầu xuống. Cô Tằm đã đứng trước mặt chàng, cái môi sứt của điệu Năng rõ mồn một. Đúng là đại đức Thanh Nhơn. Quá bất ngờ, cô Tằm không kịp A Di Đà Phật để chào như mọi lần, chỉ hỏi.

- Thầy đi đâu mà lại ở đây?

Chàng không nói gì. Im lặng nghĩ, sao lại rủi thế không biết, tự dưng gặp người quen.

- Thôi bây giờ thầy về nhà tôi cái đã. Tối rồi.

Hôm đó chồng cô Tầm ở lại công ty để trực hệ thống điện. Chỉ có cô và bé Thương ở nhà. Bé Thương mới tám tuổi, ngó cái đầu trọc và miệng dị tật của thầy Thanh Nhơn, bé cứ sờ sợ. Cô Tầm nói với con, đây là sư thầy ở chùa, người quen của bố mẹ, không phải người lạ đâu.

Chàng quay sang chữa lại:

- Tôi, à... cháu hoàn tục rồi cô ạ. Đừng gọi đạo hiệu nữa. Cô cứ gọi là Năng cũng được.

Hoàn tục? Cô Tầm ngạc nhiên và sửng sờ như mới nghe một chuyện động trời. Từ một đứa trẻ đỏ hỏn bị bỏ rơi trước cổng chùa, được sư thầy đưa vào nuôi nấng chăm bẵm. Rồi lớn lên, hai mươi năm gõ mõ tụng kinh, ăn chay học pháp, rèn giữa trong chốn thiền môn. Những tam quy ngũ giới, mười điều luật sa di, bát quan trai... đã hun đúc nên một con người tu sĩ. Chàng được phong hàng đại đức sớm vì sự rèn luyện chuyên cần. Bổng dưng bỏ, bỏ hết tất cả là có làm sao. Chắc sư thầy sẽ buồn lắm khi đệ tử của mình, một đứa con thầy đã dồn bao nhiêu tình thương để săn sóc từ lúc lọt lòng cho đến trưởng thành lại dứt thầy ra đi. Mà đi đâu cơ chứ. Về giữa cuộc đời lắm phong ba, nhiều bon chen, đau khổ như bể muôn trùng.

Cô Tầm định hỏi lý do. Nhưng thôi. Cô là người trải đời, đã từng đau khổ vì tan vỡ hạnh phúc, cô hiểu cái hoàn cảnh của người khi đang yên ổn bỗng dưng tách đường ra mà đi, như cô từng phải cay đắng tách người chồng của mình để anh đi lấy người khác kiếm đứa con nối dõi tông đường. Cái hồi cô Tầm mới ly dị, rất nhiều người tò mò chuyện, gặp ai, cô cũng có cảm giác người ta đang nhìn mình dò xét. Có người tìm cách an ủi, nhưng càng an ủi càng làm cho cô

đau, như xát thêm muối vào vết da đứt. Bây giờ cô cũng không muốn hỏi chú Năng, càng cố tìm hiểu lý do chỉ làm cho người ta mệt mỏi. Cô nghĩ đơn giản, có lẽ kiếp trước chú ấy còn nặng nợ ta bà nên kiếp này buộc phải sống giữa đời phàm.

- Vậy chú Năng định đi đâu? Có cần tôi giúp gì không?

- Cháu cũng chưa biết. Chỉ nhảy đại lên một chuyến xe rời khỏi chùa, đến chỗ ngã ba lúc này thì bước xuống. Cô đừng nói với sư thầy chuyện gặp cháu nghe.

Cô Tầm gật đầu. Chắc sư thầy sẽ lo lắng lắm đây. Cô nghĩ. Điệu Năng cải nghiệp xong đã về với gia đình. Cô thì đi thêm bước nữa và chuyển ra thành phố sống với chồng, phần vì việc bán vải ở chợ tỉnh bận suốt ngày, phần vì đường xa nên cũng ít tới lui nhà chùa. Bây giờ đến việc đại đức Thanh Nhơn cũng bỏ chùa mà đi.

Sáng hôm sau thức dậy, cô Tầm đã không thấy chú Năng đâu. Cô cũng chẳng nhọc công kiếm tìm, nghĩ bụng có khi như thế lại hay cho chú ấy. Giữ chú ở lại đây, cô cũng chẳng giúp được gì, khéo lại khiến chú thấy khó xử. Cô tin là chú Năng sẽ tìm thấy một con đường cho mình.

Buổi chiều cô về lại chùa. Quang cảnh vắng ngắt, tiếng điệu Sanh reo hò hôm nào đã bật, hình ảnh chú Năng cần mẫn quét lá cũng không còn nữa. Sân chùa đổ một vạt lá si nằm chỏng queo phơi nắng.

Sư thầy thông báo đại đức Thanh Nhơn đi đâu hôm qua đến giờ chưa về. Cô Tầm cố tỏ vẻ ngạc nhiên nhưng không quá vồn vã để khỏi bị lộ ra sự gượng gạo.

- Con nghĩ, có khi thầy Thanh Nhơn muốn đi tìm một con đường đạo cho riêng mình?

Nhưng sư thầy lắc đầu.

- Không có đâu. Tôi e là chú ấy muốn hoàn tục. Cũng không phải là điều quá bất ngờ. Tôi đã từng nghĩ sẽ có ngày Thanh Nhơn bỏ đạo. Dù cố gắng hết sức để hướng dẫn đệ tử, nhưng cái nghiệp chướng chú ấy còn nặng, mà cái đức của tôi chưa dày, căn duyên thiếu hụt, sự không thành cũng chấp nhận thôi.

Rồi thầy thở ra, về tiệc nuôi.

- Tôi chỉ lo, là lo chú ấy có chịu đựng nổi với những va đập ngoài kia không. Hai mươi năm ở chùa, đã quen với sự tĩnh lặng, đem cái tâm ra mài giũa là chính. Bây giờ về đời, phải lấy cái chân cái tay, đem trí khôn ra đo với người ta. E là khó khăn. Như cánh chim già từ đại ngàn để lao về ruộng đồng, gió sẽ khác gió ở rừng, thức ăn tổ ấm đều khác hẳn. Ban đầu sẽ có những luống cuống nhất định.

Cô Tầm không nói được thêm điều gì nữa. Vậy là thầy không trách đệ tử, ngược lại, thầy còn đem lòng thương chú ấy. Nếu thầy đã rộng lượng như thế, đã an tâm chấp nhận, thì cô cũng không nên nói ra chuyện gặp chú Năng làm chi nữa.

Ra về, cô dặn với sư thầy giữ gìn pháp thể, có tin tức gì về thầy Thanh Nhơn thì cho cô hay với. Dặn là dặn thế, nhưng cô Tầm biết sẽ khó có chuyện chú Năng liên lạc với thầy. Một khi đã bỏ ngang mà đi, dứt áo đoạn trường, người ta sẽ đeo đẳng mặc cảm. Nếu có gì, chắc chú Năng chỉ tin cho cô biết thôi.

Quả đúng như thế. Tháng sau cô Tầm nhận được thư chú Năng gửi về, không đề địa chỉ người gửi. Thư cho biết chú Năng đã tìm được việc làm khá ổn định ở một công xưởng trong Sài Gòn. Rồi thỉnh thoảng, những lá thư của chú ấy gửi về thăm hỏi, báo tin, kể chuyện cuộc sống mới. Cô Tầm đọc, cũng phần khởi trong lòng, dù sao chú ấy cũng đã hòa nhập được với người ta. Cô muốn viết cho chú Năng thư phúc đáp, nhưng chịu, không thể lần ra được địa chỉ để gửi.

Sư thầy không có tin tức gì về người đệ tử. Cô Tầm cũng giấu hết chuyện thư từ một chiều của chú Năng. Nói ra, khéo chỉ làm sư thầy rộn lại chuyện đã qua. Mà cô đã hứa với chú Năng là không hở răng để lộ gì cả. Chú ấy nói sẽ có ngày cháu quay trở lại, lúc ấy sẽ cúi đầu chịu tội với sư thầy.

Năm sau, chú Năng báo tin đã lập gia đình. Vợ chú làm cùng công xưởng, chân cô ấy có tật, đi cà thọt nhưng chú không ngại. Thư chú viết về có trích một câu thơ của Tôn Nữ Hỷ Khương, “Chỉ có tình thương để lại đời”. Rồi vợ chú Năng sinh được một bé gái đầu lòng, có gửi ảnh về cho cô Tầm xem. Mặt đứa bé rất giống cha, chỉ khác là cái miệng không sứt như chú Năng, và chân tay lành lặn, không đi cà thọt như mẹ, âu cũng là phúc.

Thư gần đây nhất mà chú Năng gửi về cho cô Tầm, thông báo rằng bé gái của chú có duyên với tam bảo. Đưa bé đi chùa mấy lần chơi, nó cứ đòi ở lại. Và vợ chồng chú đã cho bé vào sống ở một ngôi chùa Ni trong thành phố. “Cháu nghĩ đây là phúc phận cô ạ! Cũng mong cho bé đi được dài trên con đường đạo. Lúc ấy cháu cũng bớt áy náy với sư thầy. Và coi như nghiệp duyên của cháu được đền đáp”.

4.

Cô Tầm đưa bức ảnh bé gái con chú Năng cho Sanh xem. Cái chòm tóc của chú tiểu ngộ ngộ, nó gợi nhắc cho Sanh rất nhiều. Phút chốc anh nhớ đến hình ảnh ngày nào của mình và điệu Năng. Bao nhiêu trò chơi ở sân chùa, mấy dạo cúi xuống nhắm bắn bi, cái chòm tóc cứ xõa che lấy mắt. Rồi có lần giận hờn đuổi nhau, điệu Sanh túm được cái chòm tóc của điệu Năng, cầm thế mà day đầu huynh. Nhưng Năng không chống lại, cứ để cho Sanh day chòm tóc đến lúc nào hết giận mới thôi. Ngộ nghĩnh và hồn nhiên quá. Sanh cười mà rơm rớm nước mắt.

Trước khi ra về, Sanh muốn hỏi cô Tầm chuyện vì sao lúc lâm chung, sư thầy cứ gọi tên anh. Song, anh chưa kịp hỏi thì cô Tầm đã nói:

- Sanh này, trước khi thầy mất, cứ kêu cháu hoài. Có một điều thầy muốn gặp cháu để nói, nhưng rồi không gặp được. Và những phút hồi sinh cuối cùng, thầy rất tỉnh táo, đã nhắn lại với cô điều này.

Cô Tầm dừng lại, vẻ bối rối, kiểu như đang lựa lời.

- Dạ. Cô nói đi. Cháu cũng rất muốn nghe.

- Cô nghĩ là cháu đã trưởng thành, đủ để biết sự thật. Cha đẻ của cháu là một vị sư ở làng, người đã mất mười ngày sau khi cháu sinh ra. Ông nội và cha nuôi của cháu, vì thương mẹ cháu nên nhận về nhà, coi như con dâu. Và họ gửi cháu vào chùa là để cho cháu tránh khỏi tiếng đời dị nghị, khỏi mặc cảm tự ti, chứ chẳng phải cái nghiệp gì đâu.

*

Ngồi trên xe trở về nhà, Sanh nôn nao bao nhiêu cảm xúc, có buồn có vui, vừa khắc khoải vừa mãn nguyện. Một ngày, anh đã biết được rất nhiều chuyện. Cả một quá khứ dài cứ bằng bằng lội qua trí óc anh, gợi lại cho anh những xao xuyến. Sanh đã biết được sự thật về gốc gác của mình, nhưng anh không hề bị sốc mà tiếp nhận nó một cách thản nhiên.

Sanh dừng xe ở rìa đường, ngắm về ngôi làng ven đô. Một đám khói trắng lơ mờ bay lên phía sau nóc nhà, chắc đang chuẩn bị cơm chiều. Cạnh đó là mấy đứa trẻ nít chơi trò đá gà cỏ. Ai thua phải cõng người thắng đi một vòng. Chúng cười ran thích thú.

Anh nhìn chúng reo hò và nghĩ, cõng nhau đâu chỉ là trò chơi.